



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

TA BÊN NGƯỜI NGƯỜI TỎA SÁNG TRONG TA



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

TA BÊN NGƯỜI
NGƯỜI TỎA SÁNG TRONG TA

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

NHIEU TAC GIA

**TA BÊN NGƯỜI
NGƯỜI TỎA SÁNG TRONG TA**

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

**NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Năm 1911, từ Bến cảng Nhà Rồng, chàng thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân tộc thoát khỏi ách xâm lược, áp bức, lầm than. Kể từ đó, cuộc đời của Người gắn liền với vận mệnh dân tộc, mỗi nghĩ suy của Người đều hướng về Tổ quốc, đồng bào. Trọn đời cống hiến cho cách mạng, ở Người hội tụ những phẩm chất cao quý, vĩ đại nhất của một nhà cách mạng thiên tài và một tình yêu thương bao la, vô bờ bến của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Trên chặng đường bôn ba nước ngoài kéo dài 30 năm, Bác đã đến rất nhiều nước ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và làm đủ thứ nghề để kiếm sống, từ thủy thủ, bồi bàn đến thợ sửa ảnh... Hành trình gian khổ đòi hỏi nghị lực và trí tuệ phi thường đã đưa Người đến với con đường chân lý - con đường cách mạng giải phóng dân tộc, giành tự do cho nhân dân. Trong những ngày hoạt động kháng chiến gian lao và cả khi đã trở thành Chủ tịch nước, Người luôn “nâng niu tất cả chỉ quên mình”, tình yêu thương của Người sưởi ấm mọi tâm hồn người dân Việt Nam. Bác quan tâm, chăm lo đến bữa cơm, chỗ ở, thuốc men, đời sống tinh thần của người chiến sĩ. Bác đặc biệt dành sự quan tâm, yêu thương đối với các em thiếu nhi - thế hệ tương lai của nước nhà. Không chỉ

nhân dân Việt Nam mà người dân, bạn bè quốc tế cũng được đón nhận tình yêu thương của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi người có dịp được tiếp xúc với Bác đều giữ lại những kỷ niệm xúc động về tấm lòng cao cả, tràn đầy tình yêu của Người. Đã 45 năm trôi qua kể từ ngày “Bác đã lên đường theo tổ tiên”, Người vẫn luôn được cả thế giới tôn kính, nung nent và ngợi ca. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử nhân loại là một biểu tượng ngời sáng của chủ nghĩa nhân văn, chính nghĩa và hòa bình, một người cộng sản hài hòa giữa yêu nước và quốc tế, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa, phượng Đông và phượng Tây.

Nhằm lưu lại những trang viết về cuộc đời, con người của Bác, đáp ứng yêu cầu trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Nhà xuất bản Văn học phối hợp xuất bản cuốn sách **Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta**. Cuốn sách tập hợp những câu chuyện xúc động, những ký ức về Bác kính yêu qua những năm tháng hoạt động cách mạng trong nước và ở nước ngoài. Tiêu đề của cuốn sách - lời thơ của nhà thơ Tố Hữu đã nói lên tất cả sự kính trọng, tình yêu của nhân dân Việt Nam và bạn bè năm châu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - một nhân cách cao đẹp của mọi thời đại.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2015
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần I

NHỮNG NĂM THÁNG HOẠT ĐỘNG CỦA BÁC HỒ Ở NƯỚC NGOÀI

QUYẾT CHÍ RA ĐI

Đặt chân lên thành phố Sài Gòn, tức là Nguyễn Tất Thành đã đến xứ "*Nam Kỳ trực trị*". Và chỉ có tới đây, Thành mới thấy rõ cách tổ chức cai trị, cách bóc lột tinh vi, tàn nhẫn của bọn tư bản Pháp. Đội ngũ những người làm thuê ngày càng đông đảo và có mặt trong tất cả các nhà máy, xí nghiệp. Nguồn nhân công rẻ mạt ở đây chính là nguồn thu béo bở cho bọn cá mập tư bản Pháp.

Trên đường phố Sài Gòn, Thành đã chứng kiến thái độ thô bạo của người Pháp đối với người Việt Nam, nhất là đối với phụ nữ. Càng thâm nhập vào đời sống của các tầng lớp quần chúng lao động, Thành càng xiết bao hy vọng ở "*dân khí*" của Nam Kỳ, càng tin tưởng ở tinh thần quật khởi của đồng bào Nam Kỳ hơn.

Nhiều đêm, Thành cứ day dứt với những suy nghĩ mông lung. Niềm uất hận vì nỗi nhục mất

nước, nhà tan, nỗi nhục của gia đình ngày thân phụ bị cách chức lại giày vò Thành. Nghĩ đến người cha đang thất cơ lõi vận giữa đường đời, nước mắt Thành lại tràn mi. Càng thương cha bao nhiêu, Thành càng căm phẫn bọn thực dân Pháp và phong kiến Nam triều bấy nhiêu. Thành tin tưởng vào con đường của bản thân Thành đã chọn, nhưng Thành không khỏi phân vân vì khó tròn chữ hiếu với cha, và lại tin rằng người cha kính yêu sẽ lượng thứ cho Thành, vì người luôn đặt niềm tin vào Thành, vì người biết Thành không phải là hạng người chỉ quẩn quanh vì danh lợi, thiển cận. Nghĩ vậy, Thành thấy yên tâm hơn để tiếp tục con đường mà Thành đã chọn.

Trên đất Sài Gòn, để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay nặng nhọc cùng với nhóm thợ xung quanh nhà ông già Đờn, có Tư Lê, Út Huệ hướng dẫn, giúp đỡ. Tại Bến cảng Nhà Rồng, Thành rất chú ý đến các hảng tàu biển và một điều rất hấp dẫn là Thành biết hảng Năm Sao Sácgioi Rêuyni (Chargeurs Réunis) có tuyến "bồi An Nam" để phục vụ khách trên tàu. Thế là ý định của Thành sắp được thực hiện: Anh sẽ sang châu Âu, nơi có trào lưu tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học kỹ thuật đang phát triển, để xem xét, để nghiên cứu, để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra Bến cảng Nhà Rồng. Thành lên thang tàu Amiran Latuso Torevin (Amiral Latouche Tréville) của hãng Năm Sao để xin việc làm. Thoạt tiên Thành gặp ba người Việt Nam (sau này mới biết họ tên là Nguyễn Văn Hùm, Nguyễn Văn Ba và Bùi Văn Viên) làm việc ở phòng ăn. Thành mạnh dạn trình bày nguyện vọng, nhưng họ trả lời không có việc làm. Thành đã hơi thất vọng. Nhưng may sao gặp người thủy thủ tên Mai, có vẻ mặt phúc hậu, ân cần vỗ vai Thành rồi bảo:

- Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu.
Có thể ông ta sẽ có việc cho anh làm.

Khi thấy Thành, chủ tàu Luít E.Misen (Louis E.Michell) hơi ngần ngại, vì đứng trước mặt ông ta là một chàng trai cao gầy, có dáng vóc học trò hơn là người lao động, nhưng vẻ mặt rất khôi ngô. Ông hỏi (bằng tiếng Pháp):

- Anh có thể làm được những gì?
- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! - Thành đáp bằng tiếng Pháp.
- Được! Tôi sẽ lấy anh làm phụ bếp, sáng mai anh đến đây nhận việc.

Cái đêm trước ngày tạm xa Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành bồn chồn, thao thức, chỉ mong trời mau sáng. Ngày mai sẽ đánh dấu bước ngoặt lớn trong đời Thành. Hoài bão ra đi để tìm con đường cứu nguy dân tộc đã chất chứa trong lòng Thành

từ lâu, nay mới có cơ hội thực hiện. Không có bạn đồng hành, Thành sẽ sống và chiến đấu để vượt qua mọi khó khăn, thử thách bằng đôi bàn tay lao động và trí tuệ, nghị lực của bản thân. Hoàn toàn tự nguyện dấn thân vào con đường bôn ba, mạo hiểm, Thành không hề do dự, đắn đo. Tuy nhiên, trước khi tạm biệt lâu dài quê hương, đất nước, lòng Thành không khỏi xao xuyến bùi ngùi. Nghĩ về gia đình, lòng Thành lại bồi hồi thốn thúc. Thành rất tiếc là trước khi lên đường, chưa biết rõ cha và anh chị sống ở đâu, đang làm gì và tin chắc rằng chuyến đi này là rất lâu, không thể biết được đến bao giờ mới gặp lại người thân.

Hết nghĩ xa rồi lại nghĩ gần - nghĩ đến cái tình của hai cha con ông già Đòn, của Tư Lê và anh em đã sống và lao động chung với nhau thời gian qua. Giữa cái ảo giác của đất nước tròng trành, cả thành phố Sài Gòn chao đảo, đầu óc Thành hiện lên một viễn cảnh: Nước mình, dân mình sẽ không cam chịu cảnh ngựa trâu này mãi được! Phải xóa bỏ kiếp nô lệ và nhất định đời thợ chúng ta sẽ đổi thay... Chúng ta tin ở tương lai, tin vào tiền đồ dân tộc.

Thời gian hơn tám tháng ở Sài Gòn là thời gian hết sức quan trọng để Thành tìm hiểu, học hỏi thêm về đời sống của công nhân và người lao động ở Sài Gòn cũng như ở các tàu ra vào cảng Nhà Rồng. Đây cũng là bước chuẩn bị trực tiếp về vật

chất, tinh thần, phương tiện và quyết định cuối cùng cho việc ra đi tìm đường cứu nước.

Hòa mình trong cuộc sống của những người lao động, Thành càng hiểu bản chất độc ác của chế độ đế quốc thực dân, nỗi thống khổ của các tầng lớp cần lao, càng nung nấu quyết tâm tìm cho được con đường cứu nước đúng đắn để giải phóng quê hương, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, đòi tự do, dân chủ, công bằng cho những người lao động ở dân tộc mình và những người lao động trên toàn thế giới.

Rạng sáng ngày 03-6-1911, Nguyễn Tất Thành với tên mới là Văn Ba "đem hai bàn tay" của mình kiếm tiền để sống và để đi tìm chân lý. Làm phụ bếp, mỗi ngày Ba phải thức dậy trước 4 giờ sáng và từ đó đến 9 giờ tối, Ba phải làm việc quần quật hết công việc này đến công việc khác, nào quét dọn nhà bếp lớn, đốt lửa trong các lò; nào khuân vác than đá; xuống hầm lấy thực phẩm; nào rửa ráy, chùi nồi xoong chảo. Có khi Ba phải vác một bao nặng bước lên từng bậc thang, trong khi tàu tròng trành, v.v.. Suốt ngày, Ba đãm mồ hôi và đầy bụi than. Tuy làm việc quá sức, nhưng Ba vẫn ôn tồn nhẫn耐 và vui vẻ. Sau 9 giờ tối, công việc xong, mọi người túm tụm đánh bạc, còn Ba lại miệt mài đọc và viết đến khuya.

Trước khi tàu rời bến, Văn Ba chợt thấy ông Bùi Quang Chiêu, một kỹ sư canh nông "*dân Tây*"

(quốc tịch Pháp) đưa con sang du học ở Pháp. Ông Chiêu gọi Ba lại gần và hỏi:

- "Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi, con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn..."¹.

Văn Ba lẽ phép cảm ơn ông Chiêu và thầm nghĩ: Phải! Ông ấy hiểu sao nổi tâm trạng và chí hướng của mình là: "Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"².

Đó là những suy nghĩ đã chín muồi, là nguyện vọng tha thiết từ lâu của Nguyễn Tất Thành. Hoài bão đó đã tạo cho Thành có nghị lực phi thường và quyết tâm cao độ.

Một khi lòng căm thù bọn cướp nước và lũ bán nước đã sục sôi, và tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đã mãnh liệt, thì không một sức cản nào ngăn nổi bước chân người trai trẻ đi tìm đường cứu nước.

Sáng ngày 5-6-1911. Sương sớm phủ nóc Nhà Rồng. Dòng sông Sài Gòn cong vòng như lưng người già đã trải qua nhiều khúc đường đồi khổ ải. Trời ngả màu chì. Cơn mưa đen tháng sáu đang dấy lên. Dưới dòng sông, con tàu Amiran

1, 2. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 19, 15.

Latuso Torêvin kéo còi tàu, nhổ neo rời Bến cảng Nhà Rồng, mang theo người chiến sĩ lõi lạc của dân tộc và thế giới đi khắp bốn biển, năm châu suốt 30 năm dài gian nguy và anh hùng để tìm đường cứu dân tộc. Đó là bước chân đầu tiên trên ngàn vạn dặm của Người.

"Chào tạm biệt Sài Gòn! Chào tạm biệt quê hương thân yêu!".

Thế là từ Nhà Rồng, từ thành phố Sài Gòn, Người đã ra đi... Một chàng trai nước Việt! Anh là của nước, của dân! Tất cả đợi anh về!

Đâu đó vắng vắng tiếng ru của người mẹ:

Khăn thương nhớ ai mà khăn rơi xuống đất,

Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt

Mắt thương nhớ ai mà mắt không khô...

Trích từ sách *Hồ Chí Minh tinh hoa dân tộc*,

Hoài Quốc biên soạn,

Nxb. Văn học, Hà Nội, 2010, tr. 137.

CHUYỆN LẠ Ở NƯỚC PHÁP

Từ khi đặt chân lên chiếc tàu Amiran Latusor Tơrêvin (Amiral Latouche Tréville) cái gì đối với anh Ba cũng mới lạ, cũng phải học từ đầu. Suốt ngày, người phụ bếp trẻ mình đẫm hơi nước, mồ hôi và bụi than. Anh phải đem hết tinh thần, sức lực mới làm hết công việc. Vì chưa quen, anh phải vất vả lăm để gọt xong một đống củ cải và khoai tây. Có lần gọt măng tây, anh đã gọt trơ trụi, may mà có anh Mai đến, nhìn thấy, bèn quẳng số măng tây ấy xuống biển và bày cho anh cách làm, không thì chưa biết chuyện gì đã xảy ra. Anh Ba là người mới, người phụ bếp nhưng lại hiểu biết, ham học hỏi, hay giúp đỡ mọi người, nên ai cũng mến. Chỉ mấy ngày mà hai người lính Pháp giải ngũ về nước đã trở thành bạn thân của anh Ba, giúp anh Ba học tiếng Pháp và nhờ anh dạy học chữ Quốc ngữ... Ai cũng ngạc nhiên, và chính anh Ba cũng lấy làm lạ, nói với anh Mai:

- "Anh Mai, cũng có những người Pháp rất tốt, anh à".

Đến Mácxây, anh Ba chỉ được nhận 10 phrang,

bằng 1/20 của nhân viên Việt Nam khác. Tiền ít, nhưng anh rất vui vì biết được nhiều điều. Lại một phát hiện mới của anh:

"Ô! ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!".

Trông thấy những gái điếm làm tiền trên tàu, anh càng thấy lạ và tỏ ra bức tức:

"Sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta?".

Tàu điện đối với anh cũng là chuyện lạ. Lần đầu tiên, anh trông thấy "cái nhà biết chạy" ấy.

Gặp cái gì, anh cũng bảo bạn bè:

- Lần đầu tiên tôi mới thấy cái này...

Anh được bạn cho mượn bộ áo quần và rủ đến tiệm cà phê ở đường Canobia. Không cần phải nói cũng rõ đây là lần đầu tiên anh đặt chân đến một nơi như vậy. Nhưng điều lạ nhất là chính ở đây, lần đầu tiên trong đời, anh được chính người Pháp gọi bằng ông (monsieur)!

Anh Ba tóm tắt nhận xét của mình:

"Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương".

Sau đó, có lần theo tàu đến Đaca (châu Phi), sóng biển dữ dội, không thể thả ca nô xuống. Bọn Pháp trên bờ bắt người da đen bơi ra liên lạc với tàu và tất nhiên người nọ tiếp người kia bị sóng cuốn. Anh Ba rất xúc động, nói với bạn:

"Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô

nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang... Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu".

Đó là phát hiện đầu tiên, là bản "tổng kết" đầu tiên của anh Ba - người thanh niên Nguyễn Tất Thành trong buổi đầu đi tìm đường cứu nước. Anh đã bước đầu tìm thấy "những gì ẩn giấu đằng sau những chữ Tự do, Bình đẳng, Bác ái"¹ mà thời ấy không ai cất công tìm hiểu và phát hiện ra.

Theo Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện
về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch,*
Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

1. Ý câu nói của Nguyễn Ái Quốc với nhà hoạt động quốc tế, nhà báo Liên Xô Ôxíp Mandenxtam năm 1923.

MỘT NĂM Ở MỸ

MAI THANH HẢI

Năm 1966, trong một buổi chuyện trò với nhà báo Mỹ Đêvít Đenlinger (David Delingher), Bác Hồ có nói: "Khi trở về Mỹ, ông có thể nói rằng tôi đã đi ở cho người ta tại Brúclin (Brooklin) với lương tháng 40 đôla, còn bây giờ làm Chủ tịch nước Việt Nam, tôi được lĩnh 44 đôla. Tôi làm việc không đến nỗi vất vả lấm, tôi dùng một số thời gian rảnh để học tập và đi thăm một số khu vực khác trong thành phố" (Tạp chí *Libération*, tháng 10-1966).

Ta nhớ rằng, năm 1911, "anh Ba" sang Pháp làm thuê được mấy tháng rồi xin xuống tàu chở hàng chạy vòng quanh châu Phi. Cuối năm 1912, anh Ba vượt Đại Tây Dương đến nước Mỹ và ở lại hơn một năm¹. Nữ văn sĩ Mỹ Anna Luy Xtorông

1. Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. I, tr. 47 ghi: Nguyễn Tất Thành đã có một thời gian sống ở Mỹ vào cuối năm 1912 đầu năm 1913.

(Anna Louise Strong) kể lại ba lần chuyện trò với Hồ Chủ tịch, Bác nói với bà: "Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"¹.

Lúc này, chính sự ở nước Mỹ cũng rối bời. Chính phủ các bang tung lực lượng cảnh sát, mật thám đàn áp những người da đen. Anh Ba nhớ một người bạn da đen là Môđibô (Modibo) giới thiệu, kiếm được việc làm thuê cho một gia đình ở thị trấn Brúclin, phía đông thành phố Niu Oóc (New York), gần khu Háclem (Harlem) của người Mỹ da đen. Anh Ba vừa lo làm việc kiếm sống, vừa lo học tiếng Anh để giao tiếp với mọi người...

Về sau, Bác Hồ còn kể lại những ấn tượng sâu lắng khi đáp xe điện ngầm tới thăm khu Háclem, đi sâu tìm hiểu đời sống của người da đen.

Khi đó, khu vực này là căn cứ chính của các tổ chức thuộc Trung tâm UNIT (tên gọi tắt bằng tiếng Anh của "Tổ chức niềm tin về việc cải thiện đời sống của tất cả mọi người da đen"). Đó là tổ chức tập hợp rộng rãi người da đen lớp dưới để

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 41.

giáo dục, nâng cao ý thức về quyền sống và các quyền cơ bản khác của con người. Anh Ba dự các cuộc họp rất đều đặn và đã nhiều lần đóng góp tiền bạc cho tổ chức này.

Mấy tháng sau, anh Ba đến sống ở Bôxtơn (Boston) - thủ phủ bang Masachusét (Massachusetts) ở đông bắc nước Mỹ, vào khoảng năm 1912-1913. Anh xin vào làm việc ở khách sạn Páccơ Hudσ (Parker House - Parker Place).

Trong nhà bếp của khách sạn này, ngày nay còn có một chiếc bàn nhỏ từ thời ấy đặt ở tầng dưới tòa nhà, nơi sản xuất các loại bánh ngọt. Bàn này cao chừng một mét, mặt bàn bằng đá hoa trắng pha màu xanh nhạt, dài khoảng một mét rưỡi và rộng một mét. Đá đã bị mòn, hư hỏng, ở góc bị vỡ một mảng...

Anh chỉ làm đủ sống, có nhiều khi mỗi ngày chỉ làm nửa buổi, để thì giờ dành cho việc nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề cần quan tâm. Chính ở Bôxtơn, lần đầu tiên anh Ba được đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ do Tômát Giephecxơn Thomas Jefferson (1743-1826) soạn thảo và được thông qua ngày 4-7-1776, ngày được coi là khai sinh Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và trở thành ngày Quốc khánh của Mỹ.

Về sau, đã ba lần Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhắc đến tinh thần bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ, lần đầu trong *Đường cách mệnh* (1927),

lần thứ hai vào đầu năm 1945, khi bàn việc hợp tác lực lượng với người Mỹ ở Côn Minh, Trung Quốc, và lần thứ ba, trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam, Người đọc ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình.

Một luận điểm của Abraham Lincoln (Abraham Lincoln 1809-1865) về pháp quyền cũng được Hồ Chí Minh tiếp nhận và vận dụng: "Chế độ dân chủ là chính quyền của dân, do dân, vì dân" (A democracy is the government of the people, by the people, for the people)...

Ở Mỹ hơn một năm, anh Ba trở về Pháp rồi sang sống ở Anh.

Về sau, một số người Mỹ được tiếp xúc với Hồ Chủ tịch được biết Người từng sống ở Mỹ, đều rất lấy làm thú vị.

NHỮNG BỨC THƯ ĐẦU TIÊN GỬI THÂN PHỤ

Tháng 8-1910, Nguyễn Tất Thành rời Quy Nhơn lên đường đi vào Sài Gòn, quyết định thực hiện ý định đi sang phương Tây để tìm cho kỳ được giải pháp cứu nước mà các bậc tiền bối không thể tìm ra. Trên con đường đi từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành buộc phải dừng chân ở Phan Thiết vì đã hết tiền. Nhưng chỉ sau mấy tháng dạy học ở Trường tư thục Dục Thanh, một bộ phận của Công ty Liên Thành do một nhóm sĩ phu trong Hội Duy Tân thành lập, Thành được ông nghè Trương Gia Mô, bạn của cha, đưa vào Sài Gòn. Khi ông Nguyễn Sinh Sắc đến Phan Thiết thì Nguyễn Tất Thành không còn ở đây nữa, và theo sự chỉ dẫn của gia đình ông nghè Mô, ông Sắc đi thẳng vào Sài Gòn, đến nhà ông Lê Văn Đạt ở xóm cầu Rạch Bần (nay là số 185/1 đường Cô Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, ông Sắc đã gặp lại ông nghè Mô và Nguyễn Tất Thành. Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc gặp lại con trong niềm hân hoan vô hạn, và hằng ngày

ông đi xem mạch ra toa¹ ở hai tiệm thuốc, cố dành dụm một số tiền cho con làm lộ phí. Thấy cả cha và ông nghè Mô đều khổ sở mà vẫn chưa có được số tiền cần thiết cho chuyến đi của mình, Nguyễn Tất Thành nói: "Việc của con, để con lo. Con có thể tự lực". Hôm trước khi lên đường, Thành nhìn cha ái ngại:

- *Cha, hồi này sức khỏe của cha suy sụp quá nhiều, cha đã hy sinh cho con suốt bao năm dài, nuôi dưỡng, dạy dỗ, dùi dắt con từng bước đường đời. Nay đã từng tuổi này mà con chưa kịp báo đèn, quả thật là bất hiếu, ra đi con chưa yên lòng.*

- *Nước mắt thì lo mà cứu, con chỉ có một việc đó phải làm. Cứu nước tức là hiếu với cha rồi đó. Con hãy mạnh dạn lên đường. Cha chỉ ở quanh quẩn đất Sài Gòn này để trông tin tức của con.*

- *Xin cha hãy cố gắng giữ gìn sức khỏe, chờ tin con báo vê.*

Theo hồ sơ của Chánh mật thám Trung Kỳ tại Huế ngày 12-01-1923, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, thì hắn đã bắt được bức thư thứ nhất đề ngày 31-10-1911 của Nguyễn Tất Thành gửi cho cha từ Sài Gòn.

Tiếc thay, bức thư đã không đến được tận tay người nhận!

Vẫn chưa hết. Ngày 15-12-1912, từ Niu Oóc,

1. Kê đơn thuốc.

Nguyễn Tất Thành đã vội vàng viết bức thư thứ hai gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ nhờ cho biết tình hình và địa chỉ của cha.

Một lần nữa, khi còn ở Anh, ngày 16-4-1915, Nguyễn Tất Thành cũng đã viết thư gửi cho Toàn quyền Đông Dương, qua cơ quan lãnh sự Anh tại Sài Gòn, nhờ tìm địa chỉ của ông Phó bảng.

Những cuộc "vận động" trên đây đều vô ích.

Từ đó, với lòng thương nhớ con không lúc nào nguôi, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã đi hết nơi này đến nơi khác, tìm lại những người quen để nghe ngóng tin con.

Một hôm, nhờ được giới thiệu, ông gặp được một người Bắc Kỳ, vì tham gia chống thực dân Pháp nên bị bắt và an trí ở Sài Gòn. Ông này thường tiếp xúc với các thủy thủ làm việc trên các tàu nước ngoài, nên được coi như là một người rất thạo tin. Ông rất thông cảm với hoàn cảnh của ông Phó bảng, nhưng cuối cùng ông đành phải nói với ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc điều mà ông được biết qua tin tức của các thủy thủ: "Mới đây thôi, cánh thủy thủ ở châu Âu có đồn đại về một phụ bếp người Việt bệnh chết lúc tàu đang chạy dọc bờ biển châu Phi".

Ông Phó bảng lặng người đi vì quá đau xót.

Mặc dù nhận được tin đồn đại vô cùng đau đớn trên đây, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vẫn hy vọng: Đó mới chỉ là tin đồn thôi!

Đúng như vậy!

Vào khoảng tháng 7-1919, những người thủy thủ Việt Nam từ cảng Mácxây đã mang về Sài Gòn hai tờ báo *Nhân đạo* (L'Humanité) và *Dân chúng* (Le Populaire) có đăng bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, gồm tám điểm, mà những điểm chính là:

- Tự do lập hội và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá tù chính trị.

- Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam.

- bãi bỏ việc bắt ép dân mua rượu và thuốc phiện.

- bãi bỏ thuế định (người), thuế muối và sưu dịch.

Thay mặt Nhóm những người yêu nước An Nam và ký tên phía dưới bản *Yêu sách* là Nguyễn Ái Quốc.

Tiếp theo, từ Pháp, các thủy thủ lại mang về cơ man nào là truyền đơn in lại bản *Yêu sách* dưới đầu đề *Quyền của các dân tộc và Yêu sách của nhân dân An Nam*.

Quả bom chính trị của Nguyễn Ái Quốc chẳng những đã nổ ra ở Pari mà còn nổ ra ở Sài Gòn, Hà Nội và lan cả ra Đông Dương.

"Bọn thực dân in truyền đơn ấy lên báo chí để người ta chê giỗ và yêu cầu đàn áp. Chính nhờ những tờ báo ấy mà người Việt Nam biết được toàn bản *Yêu sách* và từ ngày ấy phong trào cách mạng Việt Nam càng lên cao".

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc có nghe nói đến truyền đơn *Quyền của các dân tộc*, nên ông tìm đến người cho ông biết cái tin đồn "Một phụ bếp bệnh chết...". Chính cũng người đó hôm nay trao cho ông tờ truyền đơn mà thủy thủ trên các tàu Pháp đã mang về có ký tên Nguyễn Ái Quốc, và nói:

- Xin lỗi ông. Tôi vô tình phao tin đồn nhảm, Nguyễn Ái Quốc chính là người phụ bếp trên con tàu chạy dọc bờ biển châu Phi năm nào đó. Ngày nay... ông có biết Nguyễn Ái Quốc là ai không?

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc nghẹn ngào, xúc động.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Tất Thành, là con của ông.

Thế là, sau gần mươi năm bắt tin, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc mới nhận được tin con.

Hạnh phúc lớn nhất của ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là biết được rằng con mình đang tiếp tục đi theo con đường yêu nước mà hai cha con đã cùng chọn.

Từ đó, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thường giao du với bạn bè, đi khắp đó đây và cuối cùng, vì cho rằng Cao Lãnh có phong trào yêu nước mạnh hơn, ông quyết định đến sống hẳn ở đây.

Theo Mai Văn Bộ: *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

KHÔNG PHẢI TẠI TRỜI

ĐÀO NHẤT VINH

Tháng 1-1917, chiếc tàu Ligiê (Liger) từ Áchentina về tới Đaca (Dakar) - Thủ đô Xênhegan thì anh Dị nhận ra tàu Sácbông II (Charbon II) của Công ty Than, nơi anh Ba làm việc. Nghe tiếng anh Ba từ lâu, anh em tàu Ligiê bèn mời anh Ba sang chơi. Gặp anh Ba, anh em thủy thủ rất mừng. Mọi người ngồi giữa sàn tàu, nhường chiếc ghế đệm duy nhất cho anh Ba. Anh liền ngồi xuống sàn, đầy chiếc ghế mòn anh Đòn, người nhiều tuổi nhất. Lâu ngày gặp nhau, anh em cùng uống nước, chuyện trò vui vẻ. Anh Ba hỏi họ tên, quê quán từng người, rồi giới thiệu vài nét về mình. Anh nói:

- Anh em mình đang thời trai trẻ, có dịp đi đây đó, nên làm theo ông cha dạy: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Cái nghề thủy thủ này tha hồ đi xa, nhưng thiếu cái tấm bụng, cái bền chí thì cũng khó mà lượm lặt được điều hay, điều tốt... Lại phải biết chữ để đọc sách, viết thư... dù

sao chúng mình cũng được "chu du thiên hạ" mà
lại không biết chữ thì cũng còn ra làm sao nữa.

Sau buổi gặp gỡ này, anh Ba thuê ca nô tổ chức
cho anh em thủy thủ ra thăm đảo Gôrê, nơi bọn tư
bản châu Âu nhốt người nô lệ da đen để đem đi bán.

Nhìn những chiếc cột sắt chôn dưới sàn nhà để
xích chân nô lệ, ai nấy đều thở dài. Có người thốt lên:

- Ông trời đối xử với con người không công bằng!

Mắt rực như lửa, anh Ba bảo:

- Không phải tại trời, mà giữa người với người
chưa có công bằng!

CHUYỆN MẬT THÁM THEO DÕI NGUYỄN ÁI QUỐC

*"Thưa các ngài, các ngài hãy tin rằng, chính con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây thập tự cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương"*¹.

Đến Pháp năm 1911, lưu lạc một thời gian, anh Ba - Nguyễn Tất Thành - theo con tàu vượt đại dương đến một số nước ở châu Âu, châu Phi, đến Mỹ và Anh. Năm 1917, anh trở lại nước Pháp.

Nguyễn Tất Thành tới nước Pháp đúng lúc phong trào phản chiến trong quân đội Pháp đang rầm rộ phát triển. Nhiều đại đội không tuân lệnh chỉ huy, vứt súng và không chiến đấu. Lệnh xung phong ban ra, có đơn vị phản đối khiến bọn chỉ huy phải bốc thăm lấy một số người đem đi bắn để uy hiếp tinh thần đấu tranh của binh lính.

Bọn mật thám Pháp đánh hơi được rất sớm việc Nguyễn Tất Thành xuất hiện ở Pari.

1. Lời của Lui Ácnu (Louis Arnous), mật thám chuyên theo dõi người Việt Nam ở Pháp, sau là Chánh mật thám Pháp ở Đông Dương, phát biểu tại Bộ Thuộc địa Pháp khoảng năm 1919.

Hồ sơ các báo cáo mật thám thời kỳ 1917-1919 đến nay hầu hết đã thất lạc. Nhưng từ năm 1919 trở đi thì "Hồ sơ Nguyễn Ái Quốc" hiện còn khá phong phú. Trùm mật thám Lui Ácnu (Louis Arnous) được Bộ Thuộc địa giao trách nhiệm phối hợp với Bộ Nội vụ chuyên theo dõi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp. Một cơ quan mật vụ liên bộ Thuộc địa và Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với Sở Mật thám Đông Dương (cơ quan thuộc Phủ toàn quyền thành lập ngày 28-6-1917 để theo dõi mọi hoạt động của "người An Nam" tại Pháp và các mối quan hệ của họ với người trong nước). Chưa đầy một tháng sau khi nhận nhiệm vụ, trong thư gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp đê ngày 12-11-1919, Ácnu đã xác định nhiệm vụ trung tâm của các bộ phận mật thám và cảnh sát trực thuộc hai bộ Thuộc địa và Nội vụ là phải tìm hiểu rõ hơn các mối quan hệ của Nguyễn Ái Quốc với Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh..., giữa mấy người này với những người châu Âu, và nhất là với một số người Trung Quốc và Nhật Bản. Cuối bức thư, Ácnu viết: "*Nếu có cách gì bắt được hoặc tịch thu được một ít thư từ của họ, chắc chắn chúng ta có thể biết được nhiều điều thú vị...*"¹.

Triển khai cấp tốc các chỉ thị trên, một mặt Ácnu đẩy mạnh hoạt động của các tiểu ban kiểm duyệt,

1. Thư của Ácnu gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp, đê ngày 12-11-1919.

các thư từ và bưu phẩm từ Pháp gửi sang Đông Dương, mặt khác cho thành lập một cơ quan tình báo chính trị có nhiệm vụ theo dõi sát sao mọi hành động của "người An Nam" tại Pháp và các mối quan hệ của Nguyễn Ái Quốc. Cơ quan tình báo chính trị này trực thuộc Tổng nha Giám sát người Đông Dương, có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Tổng nha Mật thám và Tổng nha Cảnh sát trực thuộc hai bộ Thuộc địa và Nội vụ của Chính phủ Pháp.

Một mạng lưới chỉ điểm, mật vụ đã được bùa giăng rộng khắp. Bốn tên mật thám Giăng (Jean), Đêsirê (Désiré), Đòve (Devèze), Éđua (Edouard) bám sát Nguyễn Ái Quốc như hình với bóng. Căn cứ vào báo cáo của bọn này thì đến tận cuối năm 1919, bọn chúng vẫn chưa nắm được lai lịch của Nguyễn Ái Quốc. Nhiều điểm báo cáo còn rất mơ hồ, thậm chí sai lệch.

Ngày 03-11-1919, mật thám Giăng cung cấp cho Ácnu sáu điểm về Nguyễn Ái Quốc:

1. Những tin tức thu được từ các nhóm (Việt kiều ở Ôbécviliê (Aubervilliers) và ở Vanhxen (Vincenens) cho phép khẳng định rằng nhân vật Nguyễn Ái Quốc là có thật; thực ra tên anh ta là Ái chứ không phải là Quốc.

2. Anh ta đã có mặt ở Pháp khá lâu. Anh nhận làm phụ bếp cho hãng vận tải để sang Pháp.

3. Người ta nói rằng anh ta đã sống lâu năm ở Mỹ và hai năm ở Anh.

4. Người ta chưa thể biết rõ anh từ đâu đến, cũng như lai lịch gia đình anh như thế nào.

5. Hình như anh nhận các thực phẩm An Nam đem bán, nhờ bọn bồi bếp làm trung gian.

6. Anh giỏi chữ Hán (còn tiếng Pháp thì anh chưa nắm được bao nhiêu).

Theo một báo cáo của tên mật thám Édouard ngày 17-11-1919; "Nguyễn Ái Quốc khẳng định với tôi rằng anh đã rời Đông Dương vào năm 1914¹; anh nói thạo tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, anh biết ít tiếng Đức".

Qua tập báo cáo tháng 12-1919 của mật thám Giăng thì hình như bọn chúng đã biết Nguyễn Ái Quốc chính là Nguyễn Tất Thành: "Ngày 22-12-1919... ông Bảy nói với tôi rằng: Theo ông Khuong thì Quốc có lẽ tên là Thành".

Khoảng cuối tháng 12-1919, mật thám Giăng biết thêm về Nguyễn Ái Quốc qua tám chi tiết sau:

"Công việc điều tra từ ngày 01-12-1919 đến nay theo sự chỉ dẫn của ông Phủ Bảy cho phép tôi đi đến mấy kết luận:

1. Nguyễn Ái Quốc ở nhà số 6, phố Vila đê Gôboanh (Villa des Gobelins), là người chính thức mang tên này, theo như thẻ đọc sách của anh ở Thư viện Quốc gia.

2. Căn cứ giọng nói thì có thể quê anh ở Trung Kỳ (giữa Vinh và Huế).

3. Anh nói qua cho biết rằng anh đã từng sống ở Mỹ và ở Anh, rằng anh đã ở Pháp từ bốn năm nay.

1. Nguyễn Ái Quốc không cho mật thám biết sự thật Người rời Đông Dương năm 1911.

4. Anh nói và viết thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, một chút ít hai thứ tiếng Ý và Tây Ban Nha.

5. Anh nói rằng anh chỉ về nước khi nào có một chính sách khác ở An Nam. Trong khi chờ đợi, anh ở lại Pháp hoặc ở nước ngoài để bảo vệ quyền lợi của Đông Dương.

6. Anh chẳng có tài sản gì cả. Anh sống nhờ sự giúp đỡ của Trần Kỳ (Khánh Ký) có cửa hiệu ở Đức, và sự giúp đỡ của Phan Châu Trinh. Ông Trinh làm nghề sửa ảnh, mỗi ngày kiếm được độ 30 phrăng; hình như hai người này cũng giúp đỡ ông Trường (Phan Văn Trường) làm trạng sư không có văn phòng.

7. Anh không được hội kín nào giúp đỡ tiền bạc, nhưng anh có bà con bè bạn ở Đông Dương. Vậy có thể nghĩ rằng anh đã liên lạc với họ qua đường dây mà chúng ta chưa phát hiện.

8. Anh Quốc đã viết công khai trên báo chí Pháp những yêu sách hòa bình của anh đối với chính sách ở Đông Dương".

Trong báo cáo ngày 04-01-1920, mật thám Giăng bổ sung bốn chi tiết về Nguyễn Ái Quốc, kèm theo một phim ảnh chụp Nguyễn Ái Quốc ở cầu Aléchxăng III (Alexandre III), trong đó có đoạn:

"Anh Quốc đã sống 6 năm ở Mỹ, 4 năm ở Anh, làm bất cứ nghề gì để kiếm sống và học hỏi... Anh nói và viết thạo tiếng Anh, đọc tiếng Ý tốt và đọc tiếng Tây Ban Nha tạm được".

Trong khi Giăng đã phân nào khai thác được ở

Nguyễn Ái Quốc những chi tiết gần với sự thật, thì nhiều mâu thám khác vẫn tiếp tục mò mẫm. Ví dụ trong báo cáo đề ngày 17-11-1919 (đã dẫn), Éđua ghi:

"Chiều hôm qua tôi gặp Nguyễn Ái Quốc và được anh ta nhận lời đi ăn tối. Qua câu chuyện, tôi có cơ sở để đoán rằng anh quê ở Bắc Trung Kỳ, rất có thể là Thanh Hóa".

Để tìm cách tiếp cận Nguyễn Ái Quốc, bọn mật thám dùng nhiều thủ đoạn. Ví dụ: Trong lần đầu tiên giáp mặt với Nguyễn Ái Quốc, tên Giăng đóng vai một nhà buôn:

"Ngày 01-12-1919, hồi 6 giờ 30 chiều, tôi đến thăm Quốc tại nhà anh ta. Tôi trình bày với Quốc ý định tổ chức một hội thương mại giữa Pháp và Đông Dương".

Sau vài lần đi lại làm quen, Giăng rủ Nguyễn Ái Quốc đi tham quan thành phố, xem triển lãm... để thăm dò, khai thác:

"Ngày chủ nhật 04-01-1920, anh Nguyễn Ái Quốc và tôi đi xem triển lãm máy bay. Từ 8 giờ đến 11 giờ, qua trò chuyện với anh (phần lớn thời gian nói chuyện máy bay), tôi có thể rút ra mấy chi tiết sau...".

Biết Nguyễn Ái Quốc giỏi chữ Hán, lại thường ghi chép hoặc có lúc viết truyền đơn (mà truyền đơn chữ Hán về bản *Yêu sách* 8 điểm là một ví dụ), Giăng đã tìm cớ để nấm được nét chữ của Nguyễn Ái Quốc:

"Ngày 15-12-1919... tôi đã viết thư cho Quốc yêu cầu anh ta dịch giúp tôi một quảng cáo thương mại ra tiếng Trung Quốc, cốt để có thủ bút của Quốc".

Có lẽ Nguyễn Ái Quốc thừa biết thủ đoạn của bọn chó săn, và không để chúng phải chờ lâu, chỉ hai ngày sau, tên Giăng "đã nhận được của Nguyễn Ái Quốc bản dịch tiếng Trung Quốc tờ quảng cáo thương mại".

Khi chuẩn bị bắt tay vào nhiệm vụ, ngay từ tháng 10-1919, Giăng đã vò ghi tên theo lớp học ở trường Đại học Xoócbon (Sorbonne). Trong một báo cáo gửi cấp trên, Giăng viết:

"Để cho họ khỏi nghi ngờ, tôi đã ghi tên vào Xoócbon theo lớp tiếng Anh các ngày thứ ba và thứ sáu. Vậy ông có hẹn gặp tôi thì đừng vào những ngày ấy. Viết thư cho tôi thì ký tên đàn bà, hẹn gặp Giannét (Jeannette)".

Giăng còn tính chuyện lén vào nhà ở của Nguyễn Ái Quốc khi anh đi vắng để lấy cắp thư từ, tài liệu... cũng là để thực hiện đúng chỉ dẫn của tên trùm Ácnu. Vẫn trong tập báo cáo tháng 12-1919 (đã dẫn), Giăng cho biết:

"Tôi đề nghị với ông Bảy rằng: Khi cần thiết, chúng tôi sẽ lấy các giấy tờ tài liệu của Quốc".

*

* * *

Những lần tiếp xúc, đối mặt với bọn mật thám của Pháp tràn trộn trong giới Việt kiều yêu nước, Nguyễn Ái Quốc rất cảnh giác, không tạo sơ hở cho chúng lợi dụng. Sau đây là một ví dụ:

Lần đầu tiên hẹn gặp Éđua, Nguyễn Ái Quốc dùng một tên khác và chuẩn bị một lai lịch khác:

"Chiều thứ bảy, tôi gặp lại một sinh viên trẻ từ Liông (Lyon) tới, tên là HO BA... Tôi nói chuyện với anh ta bằng tiếng An Nam, và tôi nhận ra anh là một người Bắc Kỳ. Anh ta hỏi tôi rằng anh có thể cùng với các ông Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc đấu tranh bảo vệ quyền lợi của người An Nam mà không sợ trở ngại gì không?".

Nhưng Éđua cũng đánh hơi thấy HO BA có thể chính là Nguyễn Ái Quốc:

"Tôi chắc anh ta là một người của nhóm Nguyễn Ái Quốc nếu không phải chính là Nguyễn Ái Quốc, tôi trả lời anh ta rằng: Đang là sinh viên thì không nên bận tâm vào những việc đó, vì có thể có hại cho việc học hành, nhưng sau khi học xong, anh tha hồ muốn làm gì thì làm tùy theo ý thích".

Và Éđua đề nghị cấp trên:

"Cần cho thu thập rất bí mật những tin tức về chàng thanh niên này tại Liông, nhưng không được để anh ta nghi ngờ rằng người ta đang theo dõi mình".

Một tuần sau, ngày 17-11-1919, Nguyễn Ái Quốc thấy không cần thiết thay tên đổi họ nữa và đã nói thẳng với Éđua rằng:

"Hôm nọ tôi đến thăm ông với cái tên HO BA để tìm cách biết được chính xác ý nghĩ của ông. Hôm nay tôi không giấu ông nữa rằng tôi chính là Nguyễn Ái Quốc, người đã ký bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* và nhiều bài viết khác liên quan đến Đông Dương. Vả lại, sáng nay ông đã gặp tôi trong các bản giấy của Phòng chờ ở Bộ (Thuộc địa)".

Đối phó với lũ mật thám bám riết từng bước chân, nhất là bọn Giăng, Éđua thường kiếm cớ thăm Người ở nhà số 6, phố Vila đê Gôbôlanh, Nguyễn Ái Quốc phải bố trí nhiều địa chỉ khác nhau để trực tiếp hoạt động hoặc nhận thư từ của Việt kiều yêu nước. Một đoạn báo cáo sau đây của Giăng phản ánh điều đó:

"Ngày 16-12-1919... Nguyễn Ái Quốc và Ai Cam đến Công ty Ghilominô (Guilleminot) ở số nhà 22, phố Satôđoong (Châteaudun) thì đã thấy Khánh Ký và Lê Văn Sao¹ ở đó. Hồi 7 giờ 10 phút, Quốc và Ai Cam rời nhà này, mang theo một gói khá to, xuống tàu điện ngầm tại bến Lô Pôlôchiê (Le Poletier) để trở về nhà số 6, phố Gôbôlanh".

Sau này, theo lời Bác Hồ kể lại: "Vì để phòng mật thám, thư từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác".

1. Lê Văn Sao, một thanh niên Việt Nam yêu nước ở cùng nhà với Nguyễn Ái Quốc tại nhà số 6, phố Vila đê Gôbôlanh.

Tiếp xúc với những tên mật thám người Việt (trà trộn trong Việt kiều yêu nước), Nguyễn Ái Quốc thường khéo léo qua chuyện trò mà giáo dục họ về lòng yêu đất nước, giúp họ hiểu đúng hơn nỗi cơ cực của đồng bào, chính sách bóc lột tàn bạo và ngu dân thâm độc của thực dân Pháp ở Việt Nam, về tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

Trong lần gặp Giăng vào đầu tháng 12-1919, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc lại cuộc nổi dậy năm 1908 ở Trung Kỳ, tên Giăng ghi:

"... Chúng tôi nói chuyện về tâm lý người An Nam, về những vụ rối loạn bên An Nam. Quốc và anh thanh niên (Lê Văn Sao) nói rằng: Trong những vụ rối loạn đó, họ đã chứng kiến những người nổi dậy bị giết, đặc biệt là đối với người bị bắn chết đầu tiên thì những người nổi dậy khác đều để tang và tham gia việc chôn cất...".

Một lần vào khoảng cuối tháng 12-1921, khi Nguyễn Ái Quốc đang nằm ở Bệnh viện Côsan (Cochin), có một tên mật thám người Việt tìm đến thăm, Nguyễn Ái Quốc chủ động hỏi:

- Chắc ông đang ở trong quân đội, vì ông có mềđay?

- Vâng, tôi đã từng làm thông ngôn cho quân ngũ vào thời chiến. Nhưng từ khi *Hòa ước* ký thì tôi xin giải ngũ và hiện theo học tại Mácxây (Marseille).

- Nên học hỏi thật nhiều - Nguyễn Ái Quốc nói -

để giúp ích cho quê hương nghèo khổ của chúng ta. Tôi vẫn luôn tin tưởng vào những bạn thông ngôn đã đến đây trong thời gian chiến tranh vừa qua. Nhưng tôi chỉ biết một số ít, những người ngoại hạng, còn phần đông chỉ thích ăn chơi. Họ đã về nước sau đó, chẳng đem theo được một tí hiểu biết gì về chính trị cũng như về kiến thức.

*
* * *

Nhiều lần Nguyễn Ái Quốc vạch mặt lũ tớ thây mật thám về những hành động theo dõi đê tiện cũng như những lời hăm dọa bỉ ổi của chúng.

Khi tên mật thám đến thăm Nguyễn Ái Quốc ở Bệnh viện Côsanh hỏi:

- Tôi thường nghe nói đến ông, về lòng yêu nước của ông. Thỉnh thoảng tôi cũng được thấy tên ông trên báo chí. Nhưng tại sao ông lại thích làm chính trị? Ông không sợ bị theo dõi à? Ông không sợ người ta có thể làm hại ông?

Nguyễn Ái Quốc đáp:

- Chẳng hề chi! Tôi thích làm chính trị thì tôi chẳng sợ chết, cũng chẳng sợ tù đày! Trong đời này, chúng ta chỉ chết có một lần, tại sao lại sợ?... Tôi biết là hiện giờ có một tổ chức gián điệp đang theo dõi tôi ráo riết, họ đã kiểm duyệt những thư từ của tôi. Nhưng họ làm gì để chống tôi chứ? Tôi có rất nhiều bằng chứng khi tôi viết về một vấn đề

gì. Vừa qua tôi đã dự Đại hội Tua (Tours), tôi đã nói đến tổ chức gián điệp ấy trong một buổi diễn thuyết như sau: Tôi biết là có nhiều người đã vội vàng mách lại với chính quyền những điều tôi nói. Nhưng tôi thách họ và cả chính quyền nữa có thể cải chính những điều ấy...

Khi được hỏi rằng: "Tại sao ông biết thư của ông bị kiểm duyệt?", Nguyễn Ái Quốc nói thẳng:

- Đó là một sự kiểm duyệt bí mật... Một hôm, tôi viết thư cho một nhà văn Pháp. Bốn hôm sau tôi nhận được thư trả lời, nhưng không phải của bạn nhà văn mà là của ông Chánh văn phòng Bộ Thuộc địa, ký tên Ghét (Guesde). Tôi tự hỏi: Tôi không hề quen biết ông này, tại sao ông ta lại mời tôi đến văn phòng? Tôi cũng chưa từng thư từ gì cho ông ta. Cho nên tôi nghĩ là ông Ghét muốn làm quen với tôi, hòng mua chuộc nên đã tự tiện mời tôi đến gặp ông ta".

Theo Trần Ngọc Linh, Lương Văn Phú,
Nguyễn Hữu Đảng (Sưu tầm, tuyển chọn):
Kể chuyện Bác Hồ, Nxb. Giáo dục, Hà Nội,
2003, t.II, tr. 149.

THEO DẤU CHÂN BÁC

THU TRANG

Ở Pari, Thủ đô nước Pháp, tại căn nhà số 6, phố Vila đê Gôbolanh trên con đường Avonu đê Gôbolanh (Avenue des Gobelins) - căn nhà của Luật sư Phan Văn Trường, Nguyễn Tất Thành đã ở một thời gian khá lâu (theo tài liệu trong thư khố Pháp thì Nguyễn Tất Thành đến Pari vào năm 1917 hoặc đầu năm 1918).

Hằng ngày, Nguyễn Tất Thành (1919 là Nguyễn Ái Quốc ký tên trong bản *Yêu sách* 8 điểm gửi Hội nghị Vécxây Versailles) đi từ căn nhà số 6 đến căn nhà số 3 đường "Chợ Bô lão" (rue du marché des Patriaches) nơi đặt trụ sở liên lạc của báo *Người cùng khổ* (Le Paria) cũng là nơi hội họp của một số Việt kiều và các người bạn châu Phi và ý kiến thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa cũng "thai nghén" từ nơi này.

Truyền thống đặc biệt của thư viện Xanhtơ Gioновьевơ (Sainte Geneviève) ở khu Păngtêông (Phanthéon) là mở cửa cho bất cứ ai đến đọc sách,

tham khảo, học hỏi và người khách có mặt hằng ngày (khi có thì giờ) là Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn đã miệt mài đọc sách khám phá những nhà văn lớn như: Vícto Huygô (Victor Hugo), Émin Dôla (Émile Zola), Anatô Phrăngxơ (Anatole France), Lép Nikôlaiêvitsơ Tônxtôi (Lev Nikolaievitch Tolstoi) và đặc biệt là sách, báo viết về vấn đề thuộc địa, về những gì liên quan đến quê hương đang đau khổ của anh. Nơi đây, Nguyễn Ái Quốc đã bị mật thám theo dõi hằng ngày. Vườn Luýchsembua (Jardin Du Luxembourg) gần đó là nơi Nguyễn cũng thường vào ngồi đọc báo hoặc để suy tưởng... và biết đâu có cả những cuộc hẹn hò.

"Hội những nhà thông thái" (Société Savante) đặt tại đường Sécpângtơ (Serpente) số nhà 28, là diễn đàn của rất nhiều người, nhiều giới khác nhau. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh đã đến nghe diễn thuyết về chính trị nhiều lần. Nguyễn Ái Quốc cũng thường lui tới trụ sở báo *Nhân đạo* (L'Humanité) tại số nhà 142, đường Môngmáctơ (Montmartre) và ghi tên vào nhóm "Nàng thơ hồng" (La Museroso), nhóm "Chim khuyên đỏ" (La Rouge Gorge) của Câu lạc bộ (Club du Faubourg).

Cách trạm mêtrot Guy Môquet độ 700m là đến số nhà 9, ngõ hẻm Compoin. Một căn phòng nhỏ rất đơn sơ, ở trong một tòa nhà không to lắm. Gian phòng của Nguyễn Ái Quốc ở tầng trên, phải

lên bằng cầu thang ọp ẹp. Ngồi trước cửa sổ phòng này, Nguyễn Ái Quốc làm việc rửa ảnh (retouche) và viết lách. Tâm hồn thả về quê hương với những ước mơ và trăn trở. Nguyễn ở đây từ tháng 7-1921 đến tháng 6-1923.

Tại nhà ga Gare du Nord, một chuyến tàu vào tháng 6-1923 đã đưa Nguyễn Ái Quốc đi về một ga nào đó ở Thụy Sĩ hay Đức, để từ đấy Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, con đường về gần quê hương và đồng bào vì Người đã có một hướng đấu tranh.

Trên đất Pari, còn nhiều địa chỉ mà dấu chân của Người đặt xuống, vì Nguyễn Ái Quốc đã luôn thay đổi chỗ ở, dù chỉ thời gian ngắn, hoặc những nơi hò hẹn để bàn công việc, như chiếc cầu Aléchxăng III (Alexandre III) trên dòng sông Sen (Seine) thơ mộng hay ở ngoại ô Pari (Saint Ouen, Jery, Jesy...).

Tết năm 1921, theo tài liệu thư khố, Nguyễn Ái Quốc vào trị bệnh tại Bệnh viện Côsanh (Cochin) khoảng một tháng. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhiều Việt kiều đến thăm, trong đó có cả mặt thám trà trộn. Một số câu trao đổi với Việt kiều sau đây thể hiện rõ nhiệt tình yêu nước của Nguyễn Ái Quốc.

- Nên học hỏi thật nhiều để giúp ích cho quê hương nghèo khổ của chúng ta. Tôi vẫn luôn tin tưởng vào những bạn thông ngôn đã đến đây trong thời gian chiến tranh vừa qua. Nhưng tôi

chỉ biết một số ít, những người ngoại hạng, còn phần đông thì chỉ thích ăn chơi. Họ đã về nước sau đó, chẳng đem được một tí hiểu biết gì về chính trị cũng như về kiến thức.

- Tôi thích làm chính trị thì tôi chẳng sợ chết, cũng chẳng sợ tù đày! Trong đời này, chúng ta chỉ chết có một lần, tại sao lại sợ?

- Nếu tôi ở bên Đông Dương thì người ta (chính quyền) đã bỏ tù, hoặc chặt đầu tôi rồi.

- Tôi vẫn luôn luôn có ý thành lập một tổ chức, không cần đồng lăm, điều cần thiết là phải đồng ý với nhau về quan điểm và có tinh thần yêu nước.

Những câu Người đã nói từ mùa xuân năm 1921 vẫn luôn còn nguyên giá trị đối với các thế hệ sau.

NGÀY GIỖ MẸ

SƠN TÙNG

Năm 1977, cụ Đào Nhật Vinh, tám mươi tuổi, từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội, thăm Khu di tích Bác Hồ. Cụ Vinh khóc suốt từ khi vào viếng lăng Bác, cho đến khi vào thăm ngôi nhà sàn, bùi ngùi quanh quẩn bên bàn làm việc của Bác...

Đào Nhật Vinh là thủy thủ tàu buôn Pháp từ năm 1913, gặp gỡ rồi trở nên thân thiết với anh thủy thủ Văn Ba, với nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc và may mắn được gặp Hồ Chủ tịch tại Pari khi Người sang Pháp năm 1946...

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), ông xin thôi việc, về Boecdô mở quán ăn. Biết ông Nguyễn đang ở Pari, ông liền lên thăm, được ông Nguyễn truyền lại nghề làm bánh kem Vani của vua đầu bếp Người Pháp Étcôpphie (Escophier):

- Em biết rồi đó, ngày anh làm ở Khách sạn Cácloton (Carlton), ông Étcôpphie rất tin yêu anh mà bày vẽ cho anh cái bí truyền làm bánh kem Vani ngon "độc nhất vô nhị" của dòng họ ông, để anh có

thể trở thành nhà triệu phú. Nhưng đó không phải là mục đích của đời anh, mặc dù anh đang phải đi làm cái nghề rửa ảnh thuê và vẽ đồ họa kiếm sống.

Trở về, ông Vinh kinh doanh thêm bánh kem Vani và nhanh chóng phát đạt. Ông tham gia Nhóm những người yêu nước An Nam ở Boócđô và thường đóng góp vào "Quỹ hoạt động báo chí" của ông Nguyễn...

Một lần ông Vinh lên Pari thăm ông Nguyễn, đứng ngoài phòng giữa ngõ tối, ngửi thấy mùi hương trầm phảng phất gợi nhớ về quê hương... Nghe tiếng gõ, ông Nguyễn mở hé cửa phòng và kêu lên:

- Ô, chú Vinh, vào đi!

Trên chiếc bàn làm việc bên cửa sổ giờ là bàn thờ: Ngọn nến sáng, bình hương khói nghi ngút, và trên đĩa xôi là con gà luộc, mỏ ngậm bông hoa râm bụt. Ông Nguyễn bùi ngùi, nói:

- Ngày giỗ mẹ anh. Hai mươi năm về trước, cũng vào ngày chủ nhật mồng 10 tháng 2 năm 1901, là ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý, mẹ anh qua đời!

Ông Nguyễn bỗng im lặng. Ông Vinh bật khóc, níu lấy cánh tay ông...

- Bấy giờ nhà ở trong ngõ Đông Ba, thành nội, kinh đô Huế. Cha cùng anh cả đi công việc tận ngoài tỉnh Thanh, chưa về - Giọng ông Nguyễn như lảng lại... tay nắm chặt bàn tay ông Vinh, xúc động...

Ông Vinh xin ra phố sắm ít lẽ vật, nhưng ông Nguyễn giữ lại, bảo:

- Chú từ phương xa đến đúng lúc anh có giỗ mẹ là tâm hương thành lễ, không nhất thiết phải có lẽ vật.

Ông Vinh đứng trước bàn thờ, chắp tay vái...
Lúc sau, hai người hạ lễ, cùng ngồi vào bàn ăn.
Ông Nguyễn nói:

- Ở đây không có gà giò như bên ta. Anh phải nhờ người mua con gà này, giống gà xứ Pyrénê cũng tầm tạm được. Còn cái món cơm nếp, lâu ngày quên cũ, nước hơi nhiều, bị nát. Từ ngày đi xa Tổ quốc, lần này ngày giỗ mẹ chẵn 20 năm anh mới bày biện lể bạc lòng thành cúng mẹ, còn hằng năm anh chỉ là tâm hương tưởng niệm.

Ông Vinh vui miệng hỏi sao gà cúng giỗ lại cầm hoa râm bụt vào miệng... Ông Nguyễn cười:

- Gà ngậm hoa chứ ai lại nói cầm hoa vào miệng gà! Vậy là em đã không nhớ câu ngạn ngữ "Gà thờ giỗ cha gà ngậm ngọn trúc, gà thờ giỗ mẹ gà ngậm hoa râm bụt"...

... Cụ Đào Nhật Vinh nhắc lại mấy kỷ niệm xưa, rồi tâm sự:

- Tôi không được diễm phúc làm người cán bộ của Hồ Chủ tịch vì cảnh ngộ của tôi! Nhưng cả cuộc đời tôi sống hướng theo những lý tưởng của Người. Hôm nay, tôi được đến bên anh linh Người, tôi kính dâng lên Người những ân tri ngộ!...

CÁI MÀ TÔI CÂN NHẤT TRÊN ĐỜI...

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà cho cụ Phan Văn Trường - nơi ông Nguyễn ở nhờ - trao cho ông một bức thư. Từ trước, ông chưa hề nhận được thư gửi theo địa chỉ này. Thì ra, đây là "giấy mời" của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp.

Vài hôm sau, Nguyễn Ái Quốc đến Bộ Thuộc địa, phố Uđinô (Oudinot), Pari. Trong phòng khách đã có nhiều người Pháp "tai to mặt lớn". Nhưng ông Nguyễn không phải chờ. Vừa đến, ông đã được ông già mang xiềng bạc - người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao - mời vào ngay.

Trong gian phòng rộng, trưng bày những đồ vật quý, quan Thượng thư Anbe Xarô (Albert Saraut) đâu hói như quả bưởi, mang kính trắng một mắt, ngồi chêm chệ bên cái bàn rộng, trên chất đầy giấy tờ. Thấy ông Nguyễn, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi, có vẻ lẽ độ lắm.

Nhưng rồi, Xarô nhìn ông Nguyễn chầm chằm, tay vẽ vẽ lên bàn, miệng nói như phun ra lửa:

"Hiện nay, có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bônsôvich ở Nga. Từ

Nga, họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông, họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại Nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bê gãy họ, như thế này...".

Mặt hầm hầm, Xarô nắm hai bàn tay làm điệu bộ bẻ một vật cứng rắn.

Ông Nguyễn cười mỉm làm quan Thượng thư Bộ Thuộc địa càng bức bối. Khi ông ta dứt lời, ông Nguyễn liền hỏi:

"Ngài nói xong rồi chứ?".

Là một nhà chính trị cáo già, Xarô liền đổi sắc mặt, đổi giọng, nói một cách ôn tồn:

"Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải "thức thời", mới ngoan. Ô này! khi nào ông có cần gì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...".

Ông Nguyễn liền đáp ngay:

"Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép vê".

Theo T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*,

Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 14-17.

TIẾNG NÓI CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TẠI ĐẠI HỘI V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

HỒNG HÀ

Giữa Thủ đô Mátxcơva, một ngôi nhà bốn tầng màu xám mang số 16 tại phố Makhovaia. Từ đây nhìn thấy một trong những cổng Điện Kreml với Tháp Cataphia, Quảng trường Manegi và Thư viện Rumianxép. Đây là trụ sở của Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập năm 1919. Nguyễn Ái Quốc làm việc ở tầng hai trong trụ sở với tư cách là cán bộ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản kể từ ngày 14-4-1924 theo quyết định của Trưởng ban R.Pêtöröp, người Nga. Ở cùng tầng là tòa soạn Tập san *Thư tín Quốc tế* (Inprekorr) mà Nguyễn Ái Quốc là cộng tác viên tích cực.

Đến mùa hè năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã sống ở Nga đúng một năm, trải qua một mùa đông Nga hết sức khắc nghiệt mà anh chưa quen. Hàng ngày, từ nơi ở là buồng số 176 trong khách sạn Luých trên đường Tvécxkaia, gần trụ sở Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đi bộ đến cơ quan

làm việc. Là một trong những nhà lãnh đạo Quốc tế Nông dân, có trụ sở gần Quảng trường Ácbát, Nguyễn Ái Quốc được mời đi dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản với tư cách là đại diện Đảng Cộng sản Pháp. Đại hội họp tại Cung Andráyépxki trong Điện Kreml, cũng là nơi Nguyễn Ái Quốc đã họp Hội nghị Quốc tế Nông dân tháng 10 năm trước.

Nguyễn Ái Quốc ngồi trên hàng ghế đầu của Đại hội, gần phía giữa. Ngay trong buổi khai mạc, Đại hội đã thấy anh là một người đầy tâm huyết với công việc giải phóng thuộc địa. Trước Đại hội gồm 504 đại biểu của 49 Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân, thay mặt cho 1.319.000 đảng viên cộng sản trên toàn thế giới và 10 tổ chức quốc tế, trong lúc Tổng Bí thư Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản V.Côlarốp chuẩn bị đọc Nghị quyết và lời kêu gọi nhân dịp Đại hội, Nguyễn Ái Quốc bỗng đứng lên giữa Đại hội hỏi:

"Tôi muốn biết Đại hội có gửi lời kêu gọi đặc biệt đến các thuộc địa không?...". Nguyễn Ái Quốc đề nghị: "Trước khi biểu quyết thông qua lời kêu gọi, tôi đề nghị bổ sung thêm mấy chữ: "Gửi các dân tộc các nước thuộc địa"".

Đề nghị trên của Nguyễn Ái Quốc đã được Đại hội chấp nhận.

Trong Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đã lên diễn đàn ba lần, nêu lên luận điểm: Cách mạng vô

sản ở các nước phương Tây muốn thắng lợi phải liên kết chặt chẽ với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc; cách mạng ở các nước thuộc địa là cách mạng giải phóng dân tộc.

Bằng một giọng sôi nổi, Nguyễn Ái Quốc nói với Đại hội:

"Tôi thấy rằng hình như các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đิ xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa".

... Các đồng chí thứ lỗi cho sự mạnh dạn của tôi, nhưng tôi có thể nói với các đồng chí rằng, sau khi nghe những lời phát biểu của các đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn đánh chết rắn đằng đuôi. Tất cả các đồng chí đều biết rằng hiện nay nọc độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy, binh sĩ cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng lại khinh thường thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc hòa trong dòng người đồng đảo dự buổi liên hoan chào mừng thành công Đại

hội V Quốc tế Cộng sản diễn ra trên đồi Lugionhíchki nhìn xuống sông Mátxcơva. Đám đông quây lấy anh, tung anh lên cao nhiều lần và hô: "Hoan hô đại biểu Đông Dương".

Sau Đại hội, Nguyễn Ái Quốc nhận được quyết định của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản cử anh làm Ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam với nhiệm vụ theo dõi, giúp đỡ phong trào cách mạng của các nước Đông Nam Á. Ít hôm sau, anh lại nhận Quyết định của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, ngày 25-9-1924, ghi rõ: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu. Chi phí do Ban Phương Đông chịu".

Manuinxki, một trong những nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản tiễn anh bằng cặp mắt lưu luyến và lời chúc thành công. Anh cảm ơn và nói:

- Lần sau tôi gặp đồng chí thì chắc lúc đó Việt Nam đã có Đảng Cộng sản.

NGƯỜI SÁNG LẬP ĐẢNG

HỒNG HÀ

Ngồi trong cabin tàu biển, anh Nguyễn nóng lòng được cập bến để nhanh chóng bắt tay vào việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Anh được biết Việt Nam Quốc dân Đảng đang ráo riết chuẩn bị một cuộc bạo động vũ trang. Thành lập năm 1927, Việt Nam Quốc dân Đảng thu nạp đảng viên thiếu chặt chẽ để bọn mật thám và tay sai thực dân Pháp chui vào trong Đảng. Chúng biết gần hết các đảng viên và các tổ chức của Đảng. Trong khi đó những người lãnh đạo nôn nóng khởi sự với tư tưởng "Không thành công thì cũng thành nhân".

Vụ ám sát Badanh ở Hà Nội làm rung động dư luận và làm anh suy nghĩ. Một buổi tối, Badanh, Giám đốc Sở Mộ phu, từ nhà một ả nhân tình ở phố Huế đi ra thì gặp hai thanh niên đưa cho một mảnh giấy viết bằng tiếng Pháp: "Mi, tên hút máu! Mi đem quăng người Việt Nam ra khắp bốn phương trời!". Rồi một anh rút súng bắn chết Badanh. Lập tức, cảnh sát, mật thám Pháp quăng lưới bắt

nhiều cơ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng: 40 quân nhân, 39 nhà buôn, 37 nghiệp chủ, thầy lang, 26 giáo viên trường công, 10 nhân viên thương mại, 6 sinh viên đại học, 2 giáo sư...

Tàu đưa anh Nguyễn vào bến Thượng Hải. Trước khi đi Hồng Kông, anh cần đến đây làm việc với cơ quan Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản và gặp Chi bộ Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng để hỏi tình hình và tìm hiểu những đường giao thông liên lạc giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thượng Hải là một trong những thành phố cảng sầm uất nhất Trung Quốc gồm ba khu vực: tô giới Anh, tô giới Pháp và phần thuộc Trung Quốc. Có thể nói đây là một thành phố nước ngoài trên đất Trung Quốc. Trong tô giới Anh có hạm đội Anh, cảnh sát là người Ấn Độ, chỉ huy là người Anh. Trong thành phố có nhiều xí nghiệp, ngân hàng, hiệu buôn, khách sạn của người nước ngoài.

Tô giới Pháp lại khác hẳn ở chỗ nó có rất nhiều biệt thự đẹp, sang trọng và những công viên cắm biển: "Cấm người Trung Quốc vào". Các quan chức cai trị ở đây do Chính phủ Pháp bổ nhiệm. Trong tô giới có khoảng 5.000 lính khố xanh, khố đỏ, cảnh sát người Đông Dương, có nhiều người Việt Nam làm ở nhà máy duPont khí, các công sở, làm bồi bếp cho Pháp, hoặc mở hiệu buôn. Tàu chiến Pháp đậu ở bến.

Anh Nguyễn tìm đến chỗ anh Nguyễn Lương Bằng, mang bí danh là Hai, một cán bộ đã dự lớp

huấn luyện chính trị ở Quảng Châu, đang phụ trách việc tuyên truyền, vận động binh lính Việt Nam và tổ chức liên lạc của đoàn thể từ Trung Quốc về Việt Nam bằng đường biển. Anh Nguyễn gửi một bức thư cho anh Hai: "Em chờ cậu ở chỗ đánh bi a của Công ty Tiên Thi". Một buổi chiều đầu năm, Thượng Hải lạnh và có tuyết, theo hẹn, anh đến Công ty Tiên Thi, một cửa hàng bách hóa vào hạng lớn nhất Thượng Hải. Anh đội chiếc mũ dạ cũ, mặc áo khoác ngoài hơi mỏng. Trông thấy một người mặc âu phục, áo ba đờxuy, quần khăn len, dáng quen thuộc, anh cất tiếng gọi:

- Anh Hai!

Anh Hai nhận ra người gọi, mừng rỡ:

- Anh Vượng!

Anh Nguyễn rủ anh Hai đi quanh các phố để hỏi tình hình công nhân, binh lính Việt Nam ở Thượng Hải, những tàu nào chạy đường Đông Dương - Trung Quốc có cơ sở của ta...

Rồi anh Nguyễn nói:

- Tôi ở đây chỉ vài ngày rồi lại phải đi ngay. Hẹn hôm sau đến chỗ tôi nói chuyện lâu. Anh ở bên tô giới Pháp phải cẩn thận. Chúng nó đang khủng bố riết.

Anh Nguyễn ở một căn nhà trọ nhỏ, thuê căn buồng rẻ tiền, đủ kê một giường con và một bàn con. Trời lạnh mà không có lò sưởi. Đến bữa, ăn cơm gạo xấu, có món canh và món cá mặn. Anh

Hai nghìn bữa ăn ấy, đầy vẻ ái ngại và nhận ra, so với hồi ở Quảng Châu, anh Nguyễn gầy đi nhiều. Anh Nguyễn dặn dò anh Hai: Hoạt động trong binh lính phải tránh mạnh động; tuyên truyền phải thiết thực, có sức thuyết phục, không nói sáo rỗng, chung chung; báo *Kèn gọi lính* phải viết cho ngắn gọn, rõ ràng, chú ý khơi dậy tinh thần yêu nước ở mọi người.

Anh Nguyễn đến Hồng Kông với hộ chiếu mang tên Tống Văn Sơ. Thành phố vừa đón năm mới 1930. Trên các hè đường, người ta bán hoa mẫu đơn, hoa thủy tiên, cá vàng. Anh Nguyễn gặp lại anh Hồ Tùng Mậu, cùng nhau bàn việc chuẩn bị chô họp và đón các đại biểu từ trong nước ra. Riêng anh Nguyễn còn bận nghiên cứu, suy nghĩ, dự thảo những văn kiện cho hội nghị sắp tới, viết báo cáo về tình hình Đông Dương cho Quốc tế Cộng sản trên cơ sở những tin tức anh nắm được ở Thượng Hải và Hồng Kông. Một học sinh Việt Nam ở Trường Đại học Phương Đông, Mátxcova, đã trở về nước. Sắp tới có các học sinh từ trong nước ra Hồng Kông để đi học ở Mátxcova, anh Nguyễn sẽ phải lo thu xếp cho họ đi. Một đồng chí phụ trách tổ chức cách mạng Mã Lai* vừa từ Xingapo và một đồng chí người Nam Dương** từ đảo Giava tới gặp

* Mã Lai: Malaixia.

** Nam Dương: Indônêxia.

anh Nguyễn để trao đổi ý kiến. Anh Nguyễn gửi đến Quốc tế Cộng sản một báo cáo về tình hình Mã Lai.

Đến Hồng Kông sớm nhất là đại biểu An Nam Cộng sản Đảng bao gồm Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu đáp tàu từ Sài Gòn. Tiếp đến là đoàn đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng gồm Nguyễn Đức Cảnh và Trịnh Đình Cửu đáp tàu Châu Liêm từ bến Hải Phòng. Hai người phải ngồi bó gối dưới gầm giường một người của đoàn thể ta làm điện báo viên dưới tàu. Hai đoàn được người liên lạc của anh Nguyễn đón riêng rẽ, đi xe điện hai tầng về nhà nghỉ. Riêng Đông Dương Cộng sản liên đoàn không kịp gửi đại biểu đến.

Anh Nguyễn đến gặp từng đoàn đại biểu tự giới thiệu là Vương, đại diện Quốc tế Cộng sản, hỏi thăm sức khỏe, chuyện đi đường, tình hình đồng chí, đồng bào trong nước, và nhất là tìm hiểu vì sao các nhóm không hợp nhất được với nhau và có sự căng thẳng giữa các nhóm. Anh Nguyễn quý mến và trọng thị các đồng chí trong nước ra, những người lặn lội với phong trào công nhân và nhân dân, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, mang chân lý của chủ nghĩa mới và đường lối giải phóng mới đến mọi tầng lớp nhân dân, đại biểu cho lớp người bằng cái mới của trí tuệ mình, đi đầu trong việc xây dựng một đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Các đồng chí ấy

đang tuổi hai mươi, tràn đầy dũng khí sáng tạo, say sưa cống hiến tất cả cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, cái tuổi nghe đến cách mạng là muốn bay, muốn nhảy, muốn lao vào trận, cái tuổi muốn sống đẹp nhất, có ý nghĩa nhất, sống cho ra sống. Từ những hạt giống cách mạng anh Nguyễn gieo và chăm sóc suốt mấy năm đã ra hoa đơm quả thành một thế hệ thanh xuân có tư duy tiên tiến, có ý chí sắt đá vươn lên giải quyết nhiệm vụ mới lịch sử giao cho.

Người liên lạc của anh Nguyễn đến nhà nghỉ đón các đại biểu đi phà mười phút qua eo biển sang bán đảo Cửu Long của thành phố Hồng Kông. Lúc này anh Nguyễn và mọi người đã thấy bộ mặt xấu của Lâm Đức Thụ, phụ trách Tổng bộ Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Thụ ở một ngôi nhà sang trọng lưng chừng núi tại Hồng Kông, kịch liệt chống việc lập Đảng Cộng sản. Một số hội viên Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng từng dự lớp học do anh Nguyễn mở ở Quảng Châu bị thực dân bắt. Họ thấy bọn mật thám có trong tay những tấm ảnh chụp lớp học Quảng Châu do Lâm Đức Thụ chụp để "làm kỷ niệm". Lâm Đức Thụ đã sinh bụng khác. Anh Nguyễn bố trí cuộc họp ở xa trung tâm, cách hẳn một eo biển, để giữ bí mật đối với Thụ. Các đại biểu đi lại về đêm, không ra phố Hồng Kông ban ngày, e gấp phải Thụ.

Cửu Long là một bán đảo đông dân, phần lớn là người lao động. Các đại biểu được dẫn đến xóm chợ nghèo nàn, chật hẹp, vào ngôi nhà một tầng nhỏ bé, bàn ghế đơn sơ, là gia đình một công nhân.

Cuộc họp tiến hành trang nghiêm. Anh Vương, tức Nguyễn Ái Quốc, nhân danh Quốc tế Cộng sản tuyên bố lý do hội nghị. Chỉ có uy tín, cương vị, đạo đức, năng lực, kinh nghiệm và óc tổ chức của anh mới giúp đi tới được cuộc hội nghị này, mới làm cho những người với ý kiến khác nhau cùng ngồi lại để tìm chân lý và tiếng nói chung, mới chỉ được hướng đi tới cho phong trào.

Anh Lương, tức Hồ Tùng Mậu, và anh Đỗ tức Lê Văn Phan chuyên lo bố trí nhà ở, nơi họp, việc đi lại của các đại biểu.

Tại hội nghị, anh Nguyễn Ái Quốc đề nghị các đại biểu xóa bỏ mọi thành kiến, bất đồng giữa các nhóm cộng sản, thành thật hợp tác để thống nhất thành một Đảng Cộng sản. Anh Nguyễn đề nghị từng đoàn đại biểu phát biểu ý kiến về vấn đề hợp nhất. Các đại biểu trình bày sôi nổi những quan điểm, ý nghĩ và dự định của mình. Sau những buổi lắng nghe các ý kiến, anh Nguyễn kết luận: "Thế là chúng ta đều là những người cách mạng. Ở Liên Xô, Anh, Mỹ, Pháp, cả đến các nước thuộc địa, mỗi nước chỉ có một Đảng Cộng sản. Vì vậy nước Việt Nam không thể có ba Đảng Cộng sản.

Chúng ta phải đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân, đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Để đạt mục đích ấy phải thống nhất tổ chức. Nhân danh Quốc tế Cộng sản, tôi đề nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản chân chính, thống nhất, các đồng chí có đồng ý không?".

Tất cả mọi người giơ tay biểu quyết đồng ý.

Khi thảo luận về đặt tên đảng, có ý kiến đề nghị lấy tên An Nam Cộng sản Đảng, có ý kiến nên gọi là Đông Dương Cộng sản Đảng. Anh Nguyễn nói:

- Không nên lấy tên An Nam mà cũng không nên lấy tên Đông Dương. Chúng ta nên đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tất cả mọi người nhất trí tán thành ý kiến sâu sắc đó. Anh Nguyễn đưa ra hội nghị dự thảo các văn kiện: *Chánh cương văn tắt của Đảng*, *Sách lược văn tắt của Đảng*, *Điều lệ văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Sách lược nói trên phù hợp với tình hình chính trị của Việt Nam, nhằm phân hóa, cô lập kẻ thù, tranh thủ và đoàn kết tất cả những người có thể tranh thủ và đoàn kết, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính, giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của thực dân phong kiến. Hội nghị thông qua các văn kiện nói trên, đồng thời thông qua *Điều lệ tóm tắt* của Công hội, Nông hội, Hội Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phản đế đồng

minh và Hội Cứu tế. Trong những văn kiện đó anh nêu rõ đường lối, chiến lược và sách lược của Đảng, chỉ rõ bản chất và nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đảng chủ trương làm cách mạng dân chủ tư sản đánh đổ thực dân Pháp và chế độ phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập sau đó tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Anh Nguyễn giao nhiệm vụ cho các đại biểu dự hội nghị trở về nước lấy danh nghĩa là đại diện của đại biểu Quốc tế Cộng sản, thống nhất các tổ chức cộng sản, sau đó bàn bạc với nhau cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Các đại diện của đại biểu Quốc tế Cộng sản, tức là của anh Nguyễn, sẽ hết nhiệm vụ sau khi hoàn thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước và lập được Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thế là sau 19 năm nầm ném mật, lao động và chiến đấu, quan sát và học tập, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và tổng kết thực tiễn đời sống trong nước, anh Nguyễn đã làm tròn một sứ mệnh lớn lao, cùng đồng chí và đồng đội tạo ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, trong đời sống chính trị của đất nước.

TÔI LÀ NGƯỜI CỘNG SẢN NHƯ THẾ NÀY NÀY!

Bác Hồ của chúng ta, từ sau khi bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III tại Đại hội Tua Đảng Xã hội Pháp đêm 30-12-1920, thì cũng từ giờ phút ấy, Người trở thành người Cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, như Người đã nói rõ, là do trải qua thực tế đấu tranh và nghiên cứu lý luận. Người đã hiểu được rằng: "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"¹.

Trong gần 50 năm mang danh hiệu người cộng sản, khi thuận lợi, lúc khó khăn, dù khi chỉ là một người thợ ảnh bình thường hay đã trở thành vị

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 563.

Chủ tịch nước đầy uy tín và danh vọng, ở buổi cách mạng thắng lợi giòn giã hay khi bị kẻ thù dồn dập phản kích, lúc nào Bác Hồ của chúng ta cũng tỏ ra là một người cộng sản kiên định, thủy chung, nghĩa khí, thắng không kiêu, bại không nản, vô cùng khiêm tốn nhưng cũng rất mực tự hào về danh hiệu người cộng sản của mình.

Đã có thời, có người nhấn mạnh quá đáng phẩm chất siêu việt của người cộng sản, cho rằng đó là những người có một tính cách *đặc biệt riêng*, v.v.. được cấu tạo bằng một chất liệu *đặc biệt riêng*. Không biết đó có phải là một trong những nguyên nhân để ra cái gọi là "thói kiêu ngạo cộng sản" hay không?

Có điều chắc chắn rằng Bác Hồ của chúng ta không tán thành cách nói thậm xưng đó, nhất là khi vào Đảng cầm quyền, vào lúc cách mạng đang thuận lợi. Người nói: "Đảng viên chúng ta là những người rất tầm thường, vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động... Thế thôi. Chính vì chúng ta rất tầm thường cho nên Đảng ta rất vĩ đại"¹.

Người đã từng nói nhiều lần: Người cộng sản cũng là con người, nên có ưu, có khuyết, có tốt, có xấu.

"Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 334.

trong xã hội mà ra"¹. "Cũng như những người hàng ngày lội bùn, mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn... Cân phải tắm rửa lâu mới sạch"². Vì vậy, Người dạy: Không phải cứ khắc lên trán hai chữ "cộng sản" là được nhân dân tín nhiệm đâu; phải khiêm tốn, không hiếu danh, không kiêu ngạo, phải nhớ mình vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tớ của nhân dân.

Bác Hồ của chúng ta, trong cuộc đời hoạt động cách mạng đi Âu về Á, đã từng giáp mặt với bao gian khổ, khó khăn (hai lần ngồi tù: 1931-1933 và 1942-1943), đã từng lãnh án tử hình vắng mặt (năm 1929); nhưng vì tin vào lý tưởng, tin vào nhân dân, tin ở chính mình, nên lúc nào Người cũng ung dung, tự tại, luôn thể hiện nhân cách cao đẹp của người cộng sản.

Năm 1931, khi Người bị giam trong nhà ngục Victoria của đế quốc Anh tại Hồng Kông hoặc khi bị bệnh phải đưa vào nhà thương, nhiều "ông bà" người Anh có quyền thế và cả một số nhân viên người Trung Quốc đã rủ nhau đến xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi "lạ lùng" của một người cộng sản! Cuối cùng, họ đã bắt gặp một nhân cách lớn mà họ rất khâm phục và sẵn lòng giúp đỡ từ đó.

Năm 1944, tại Liễu Châu, tuy Người được ra khỏi ngục Quốc dân Đảng, nhưng vẫn bị quản

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 303.

thúc vì họ biết Người là lãnh tụ cộng sản, không muốn thả cho về nước. Bác Hồ nói thẳng với Trương Phát Khuê: "Tôi là người cộng sản, nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do của nước Việt Nam". Chính lòng yêu nước, đức độ và tài trí của Bác Hồ đã làm cho Trương Phát Khuê cảm phục, trả lại tự do và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Người trở về Việt Nam.

Năm 1946, ở Pari, trong một cuộc họp báo, một nhà báo Pháp muốn làm giảm thiện cảm của những người Pháp không ưa cộng sản đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách đưa ra một câu hỏi:

- Thưa Chủ tịch, Ngài có phải là cộng sản không?

Bác Hồ của chúng ta liền đi đến lăng hoa bày trên bàn, vừa rút ra từng bông tặng mỗi người, vừa vui vẻ nói:

- Tôi là người cộng sản như thế này này!

Đó cũng là điều giúp ta có thể hiểu được vì sao mấy chục năm qua, thế giới có bao sự đổi thay, Bác Hồ vẫn luôn được cả thế giới tôn kính và ngưỡng vọng, coi như một biểu tượng cao cả của nhân đạo, chính nghĩa và hòa bình, một kiểu người cộng sản hài hòa giữa yêu nước và quốc tế, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa, phuơng Đông và phuơng Tây.

Có thể dẫn ra đây một ý kiến, trong rất nhiều ý kiến của một nhà báo Mỹ Sapholen, viết từ năm 1969:

"Trong rừng Việt Bắc, Cụ Hồ như một ông tiên. Nếu có ai bảo đây là một người cộng sản thì tôi có thể nói Cụ là một người cộng sản khác với quan niệm chúng ta vẫn thường nghĩ; và theo tôi, có thể dùng một từ mới: Một người cộng sản phương Đông, một người cộng sản Việt Nam".

Theo Trần Đức Hiếu:

Bác Hồ, con người và phong cách,

Nxb. Lao động, Hà Nội, 1993, t.I.

BỊ BẮT Ở HƯƠNG CẢNG

...Chúng tôi hồi hộp nghe Bác kể chuyện *bị bắt ở Hương Cảng* như sau:

Ngày xưa, giai cấp thống trị nước Anh có truyền thống đối đãi "khoan hồng" với những người cách mạng nước ngoài. Ví dụ:

- Người thầy cộng sản của chúng ta là Các Mác bị Chính phủ Đức đuổi ra khỏi nước, rồi bị Chính phủ Pháp đuổi. Nhưng đến Luân Đôn thì Chính phủ Anh để ông Mác ở yên suốt đời.

- Sau khi Công xã Pari thất bại (1871), bọn phản động Pháp khủng bố dữ. Nhiều lãnh tụ Công xã lánh nạn sang Anh, Chính phủ Anh cũng để cho họ làm ăn yên ổn.

Tháng 7 năm 1903, Đại hội lần thứ hai của Đảng công nhân xã hội dân chủ nước Nga - họp ở Luân Đôn. Khi Đại hội kết thúc ăn, một người tư sản Anh đã cho Đại hội mượn tiền để tiếp tục khai hội.

Đối với những người cách mạng nước ngoài, Chính phủ Anh chỉ đặt một điều kiện: "Các người tuyệt đối chớ động đến nội chính của nước Anh".

Nhưng từ ngày Cách mạng Tháng Mười thành công, cộng sản trở nên một phong trào mạnh trên thế giới, thì giai cấp thống trị Anh không "dễ dãi" với những người cộng sản.

Bác nói tiếp: "Hoạt động cách mạng bí mật phải hết sức cẩn thận để tránh bị bắt. Nhưng đồng thời phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng đối phó nếu không may mà bị bắt. Nếu bị bắt thì nguyên tắc bất di bất dịch là: Thà chết chứ quyết không nói gì, làm gì có hại cho cách mạng".

Năm 1931 là năm phong trào chống Nhật lên cao trong quần chúng nhân dân Trung Quốc, cũng là năm Quốc dân đảng và bọn đế quốc khủng bố tợn. Nhiều người cách mạng bị bắt ở Trung Quốc, ở Philíppin, ở Mã Lai, ở Hương Cảng... Các đồng chí Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Thị Minh Khai, v.v. người thì bị bắt ở Hương Cảng, người thì bị bắt ở Thuợng Hải, ở Quảng Châu...

Ngày 6 tháng Sáu năm 1931, Bác bị bắt ở nhà số 186, phố Tam Lung (Cửu Long). Sau đó, cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng đặt "bẫy chuột" để bắt những đồng chí qua lại với Bác. Nhưng kết quả không bắt được ai. Gian nhà Bác ở thì bị chúng lật hết từng bức tường, từng viên gạch, dùng chất hóa học nghiên cứu, để tìm tài liệu bí mật. Nhưng cũng không tìm được gì.

Những người cách mạng Trung Quốc bị bắt ở Xiêm, Mã Lai, Philíppin và các nơi khác đều bị đưa về Hương Cảng. Đối với họ cũng như đối với những người cách mạng bị bắt ở Hương Cảng, đế quốc Anh chỉ giam giữ ít lâu, tra khảo lấy khẩu cung, rồi đuổi ra khỏi Cảng, chứ không phạt tù dày.

Thật là "khoan hồng"! Nhưng một khi bước chân xuống thuyền (Hương Cảng là một hòn đảo, chung quanh là biển, muốn đi bất kỳ nơi nào khác, cũng phải đi thuyền), thì hầu hết những đồng chí được "trục xuất cảnh" đều bị bọn đặc vụ Quốc dân đảng bắt ngay.

Bác vào trại giam vài hôm, thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để "trục xuất cảnh". Nhân dịp đó, đồng chí Mậu báo cho luật sư Lôđobi¹ (chủ nhiệm Công ty luật sư RUSS của người Anh) biết tin Bác bị bắt, và nhờ ông ta giúp Bác.

Ông Lôđobi vào nhà giam để gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ cho Bác.

Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty.

Ông Lôđobi nói: "Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền...".

1. Theo ông Nguyễn Huy Hoan, nguyên Phó Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh, sinh thời, Bác Hồ vẫn đọc là Lôđobi.

Con gái luật sư, bà Patrítzia cũng nhắc: Cần đọc đúng là Lôđobi.

Từ đó, vợ chồng ông Lôdobi hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lôdobi mà các đồng chí Pháp và Hội Quốc tế Cứu tế Đỏ biết rõ tình hình của Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng và hoạt động tốn. Chúng phái cả bầy mập thám sang châu chục ở Cảng. Chúng vận động Chính phủ, tòa án và cảnh sát Anh dùng mọi cách để trao Bác cho chúng. Chúng phái tàu thủy chờ sẵn ở Cảng, nếu tòa án ký lệnh "trục xuất" là chúng tóm Bác đưa lên tàu chờ về Việt Nam ngay. Chúng cho rằng lần này chúng sẽ thực hiện được lời đe dọa của quan thương thư thuộc địa đã nói mười năm trước đây: tức là bẻ gãy những người cách mạng Việt Nam. Chính phủ Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp. Nhưng luật sư Lôdobi làm cho việc Bác thành ra công khai, và đòi Tòa án tối cao phải xét xử.

Một mặt do bọn thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người Bônsôvích cực kỳ nguy hiểm; mặt khác, do công an Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này - thành thủ dư luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Cảng!

Từ tháng Sáu đến tháng Chín, tòa án họp 9 phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn Độ gác khắp các cửa ra vào.

Trong các phiên tòa có nhiều quan chức cao cấp đến xem. Vai chính là:

- 2 vị chánh án và phó án,
- 2 vị công tố, thay mặt "Nhà vua" buộc tội,
- 2 vị luật sư cãi hộ cho Bác.

Các vị này đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa đời xưa. Trên bàn trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách ra để dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là "nói có sách mách có chứng!".

Ông Lôđobi ngồi ở bàn và Bác ngồi trong vành móng ngựa đều không được nói gì hết. Khi muốn trao đổi ý kiến với nhau hoặc với thầy kiện, thì chỉ viết tóm tắt trên một miếng giấy nhỏ.

Lý lẽ của các thầy kiện tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là *trái phép*, vì Bác bị bắt giam từ hôm 6 tháng Sáu năm 1931, nhưng đến hôm 12 tháng Sáu, Tổng đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đĩnh đã làm *trái phép* vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương, tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng giết Bác, thế là *trái phép*.

Hai điểm trên, Chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng quan tòa và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương.

Ông Lôdobi chống án lên "Hội đồng nhà vua", và nhờ luật sư Nôoen Porrít (Nowell Pritt) ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Khoảng cuối tháng Giêng năm 1933, gần Tết âm lịch, "Hội đồng nhà vua" xóa án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ rơi vào tay thực dân Pháp.

Bà Lôdobi nhờ một người bạn mua hai vé tàu thủy hạng nhất...

Hôm đó, một chiếc tàu nước ngoài (từ Hương Cảng qua Thượng Hải đi Nhật Bản) mới nhổ neo đi ra biển độ ba cây số thì được lệnh phải đỗ lại...

Chiếc canô riêng của Tổng đốc Hương Cảng đưa một vị thân sĩ Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên chiếc tàu ấy...

Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng 30 Tết âm lịch. Nhận lời mời của bầy bạn, vị thân sĩ Trung Quốc lưu lại *ăn Tết ở Hạ Môn*.

Sau khoảng 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của bọn thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng.

Thắng lợi này phần lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lôdobi.

Tức tối vì không bắt được Bác, giận dữ đối với

người Anh, các báo của thực dân Pháp bịa đặt ra tin rằng: Bác mắc bệnh lao trong nhà lao Anh, và đã chết rồi.

Các báo Anh liền quật lại, đại ý như sau:

"Các anh là những người hèn hạ, ngậm máu phun người. Các anh run sợ trước một người cách mạng Việt Nam nhưng không làm gì được. Người cách mạng đó đã được tòa án Anh tha rồi và đã xa chạy cao bay. Vì các người muốn bôi nhọ công lý và danh dự của người Anh, mà bịa đặt rằng người cách mạng đó chết là vì bị người Anh giam giữ. Sự thật là người Việt Nam ấy vẫn còn sống. Mà sự hy vọng vô lý của các anh thì chết rồi".

Các báo Anh nói thêm: Việc người cách mạng Việt Nam được tráng án là một danh dự lớn cho luật sư Lôđobi và của công lý nước Anh. Nhưng thiên hạ cũng phải nhận rằng một người Việt Nam ấy được may mắn... mà bị xử oan...

Nghe câu chuyện đến đây, anh em chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng cả người. Một lần nữa Bác lại thoát khỏi cơn nguy hiểm. Bác sĩ Chân liên hồi:

"Thưa Bác, trong khi bị bắt giam, tình trạng tinh thần và vật chất của Bác thế nào?".

Bác xem đồng hồ, nói: "Sáng nay, chúng ta đã đi được nửa đường rồi. Các chú xem có chỗ nào tốt, chúng ta nghỉ chân và ăn cơm, rồi Bác sẽ tiếp tục kể chuyện".

Khám lớn Hương Cảng rất to rộng, gọi là ngục Victoria là tên một vị vua đàn bà Anh nổi tiếng, trị vì 64 năm, thọ 82 tuổi (1819-1901).

Nhà giam Bác có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Cách xây dựng xà lim không xứng kích thước phế thông chút nào! Bề cao 3 thước tây, mà bề ngang chỉ hơn 1 thước, bề dọc không đầy hai thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng lờ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng bít. Ban ngày, từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bõ ngõ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt, ở chỗ cao ngang đầu người có một lỗ tròn, phía trong rộng phía ngoài hẹp, như một cái loa.

Chốc chốc tên lính gác ngục (người Ấn Độ, người Xíc và người Anh) ghé mắt vào lỗ, xem xét tình hình người tù trong xà lim.

Mỗi ngày, tù nhân được ra ngoài xà lim 15 phút, đi dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất nghễu với những bức tường kín mít, âm u, người ta cảm thấy như đi dạo dưới đáy một cái giếng. Ngừng đầu lên thì chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc khăn tay. Ở trong xà lim ngột ngạt, ra ngoài xà lim cũng vẫn ngột ngạt.

Mỗi ngày ăn hai bữa cơm gạo xay, một phần tư là thóc. Hôm nay, thức ăn bữa sáng có rau muống,

bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau, thay đổi "khẩu vị", bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau muống. Mỗi tuần được ăn một bữa tiệc: một phần cơm trắng cùng vài miếng thịt bò.

Cùng giam với Bác đều là những người bị bắt vì chính trị, những người phạm tội khác bị giam riêng. Dù cực khổ và có lẽ cái chết đã treo sau ót, những người tù cách mạng không hề tỏ vẻ lo sợ, họ vẫn vui cười như thường. Tối nào, đến giờ đi ngủ, họ cũng hát vang *Quốc tế ca* và nhiều bài hát cách mạng khác, bất chấp bọn lính gác ngục đe dọa la lối om sòm.

Đời sống vật chất trong nhà tù, tóm tắt là như vậy. Mấy tháng về sau, vì sức yếu và nhờ có ông Lôđobi vận động, Bác được đưa vào nhà thương, điều kiện, ăn ở có dễ chịu hơn.

Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Đảng ta tuy mới thành lập,

nhưng uy tín đã cao, đấu tranh đã mạnh, giai cấp công, nông đều trôi vào bị sự dắt dìu của Đảng; đồng thời bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt và bị hy sinh, nhiều tổ chức bị phá vỡ, từ nay công tác của Đảng sẽ tiến hành ra sao? Ai sẽ hướng dẫn những đảng viên mới, những chiến sĩ mới, anh dũng có thừa nhưng kinh nghiệm còn thiếu? Lo hết việc này, lại lo đến điều khác. Chỉ lo suông mãi không giải quyết được, cho nên:

"Ngổn ngang trăm mối bên lòng

Ngủ không yên giấc, ăn không ngon móm".

Lo chán lại đặt kế hoạch. Nếu được trở lại tự do, đối với công việc Đảng ta sẽ tăng cường điểm này; cuộc vận động công nhân và nông dân ta sẽ cải tiến chỗ nọ; việc tổ chức thanh niên và phụ nữ ta phải sửa đổi chỗ kia... Biết bao nhiêu là kế hoạch chủ quan, mình tự đặt ra, rồi mình lại thảo luận, bàn cãi với mình. Nếu người ngoài nhìn thấy vậy có thể cho Bác là đặng trí, lầm cảm. Sự thật là một người đang hoạt động sôi nổi, bỗng nhiên bị nhốt lại một mình trong một cái xà lim âm thầm kín mít, ngày này qua tháng khác không được nói năng gì với ai, không ai được nói năng gì với mình - trong hoàn cảnh đó, muốn cho khỏi đặng trí thì chỉ có một cách là đặt ra chuyện mà lo tính và tính lo cho khuây khỏa và giữ cho đầu óc cứ hoạt động như thường.

Còn một cách tiêu khiển nữa là gây chiến tranh với rệp, hoặc là xem Kinh thánh Cơ Đốc. Kinh thánh Cơ Đốc là một thứ sách được khuyến khích xem trong nhà tù. Dù sao, đối với công cuộc và tương lai của cách mạng, Bác quyết không hề bi quan, luôn luôn lạc quan.

Hồi đó, ở khám lớn Victoria có vài chuyện thú vị:

- Anh Lý bị án bảy năm tù (không rõ vì sao), còn 5 tháng nữa thì hết hạn. Lý được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng may áo của nhà tù. Ở xưởng này có một tên cai người Anh rất hung ác. Lý nói: "Ta quyết giết chết thằng ác ôn này, để anh em đỡ khổ với nó". Một hôm tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một bạn tù, thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra tòa án và chịu thêm bảy năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng.

- Cũng trong thời gian đó, Trịnh Quốc Dậu, con một Hoa kiều triệu phú, vì giành nhau một cô gái nhảy mà phạm tội giết người, bị tống vào khám Victoria. Vì "công tử" không ăn được cơm gạo xay như mọi người tù khác, nó được phép nhận cơm ở nhà đưa vào. Cơm ở ngoài đưa vào thì phải kinh qua những người tù làm "coócvê" chuyên đến cho Dậu. Những người tù này nói với nhau: "Bồ ố nó ăn sung mặc sướng nhiều rồi. Nhân dịp này chúng mình chia chút đỉnh cho anh em tù nghèo

cùng nếm". Thế là hầu hết nem, chả, vật lạ, của ngon không đến miệng Dậu. Dậu tức lấm không dám mở mồm.

- Anh em tù (đã thành án) bãі công, bãі thực để đòi cải thiện chế độ giam cầm. Chủ ngục dùng cách khủng bố, đánh đập từng người. Nhưng hễ một người tù bị đánh đập thì tất cả mọi người khác la um sùm. Khi đêm khuya thanh vắng, họ cùng nhau kêu van: "Đói lấm trời ơi! Khổ lấm trời ơi!" làm chấn động cả khu phố. Muốn đấu dịu, Chính phủ Hương Cảng bảo một nhóm thân sĩ Hoa kiều vào khám lớn khuyên dỗ anh em tù... Có vị thân sĩ khi đứng dằng xa thì nói to "Anh em nên chấm dứt cuộc bãі công, bãі thực đi. Nhà nước sẽ đáp ứng những lời yêu cầu của anh em...". Nhưng đến khi gần anh em tù, thì vị thân sĩ ấy nói khẽ: "Anh em cứ đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng...".

Những mẫu chuyện ấy cho chúng ta thấy rằng tình giai cấp và tình dân tộc ở đâu cũng có hoặc ít hoặc nhiều. Một mẫu chuyện nữa:

Khi Bác ở trong khám, nhiều "ông bà" người Anh có quyền thế dắt nhau vào xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi "lạ lùng" của người Bônsôvích.

Khi Bác vào nhà thương, anh chị em nhân viên người Trung Quốc cũng đến xem, nhưng với một cách kín đáo, không sốt sắng như người Anh.

Một hôm, cô y tá người Trung Quốc, thường ngày chăm nom Bác, thủ thỉ hỏi Bác một cách bí

mật: "Chú này! Cộng sản là thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bị bắt bớ khổ thân!". Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu, giết người, thế thì cộng sản là gì và vì sao mà bị bắt giam, điều cô ta không hiểu được!

Bác trả lời: "Nói tóm tắt, cộng sản là làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không ai bóc lột và đè nén ai. Ví dụ: Cộng sản muốn làm cho chị em cô không phải mang cổ xanh suốt đời và suốt đời không bị người mang cổ đỏ sai khiến. (Cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh, cổ áo xanh là những nữ y tá người Trung Quốc)".

Cô y tá giương to cặp mắt nhìn Bác và nói "Thế ạ?".

*

* * *

Ở Hạ Môn ít lâu, Bác đi tàu thủy lên Thượng Hải.

Đến Thượng Hải hôm trước, hôm sau xem báo thì thấy tin "Hôm qua, những tàu biển cập bến tô giới Pháp đều bị nhà chức trách lục soát rất kỹ...".

Hú vía! Ở Thượng Hải, bọn Quốc dân Đảng cũng khùng bối gắt gao. Để che mắt bọn mật thám, Bác phải tiếp tục giữ bộ điệu như một vị thân sĩ, mặc áo quân thật sang, ở khách sạn thật sang, nhưng đến tối thường khóa cửa phòng lại, rồi ăn khoai trừ bữa và tự giặt lấy áo quần...

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ châu Âu sắp sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Đoàn gồm có một người quý tộc Anh, một đại biểu Quốc hội nước Bỉ, một nhà văn người Pháp (là đồng chí Vayăng Cutuyriê). Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người.

Bác đến Thượng Hải đã lâu mà vẫn chưa bắt được liên lạc.

Đối với người cách mạng, không gì khổ tâm bằng đã không hoạt động được, lại mất liên lạc với đoàn thể lâu ngày. Điều đó làm cho người cách mạng đêm ngày cảm thấy vô cùng cô độc linh đình.

Đoàn đại biểu hòa bình đến Thượng Hải bị chính quyền Quốc dân Đảng và tất cả người da trắng ở thành phố này tẩy chay. Khi tàu sang đến Nhật, cũng bị Chính phủ Nhật cấm không cho lên bờ!

Ở Thượng Hải, bà Tống Khánh Linh (vợ góa cụ Tôn Trung Sơn) đã bí mật tổ chức một cuộc mít tinh cho đoàn nói chuyện.

Bác viết thư cho đồng chí Vayăng Cutuyriê. Thư này bỏ vào trong một thư khác cho một người bạn, nhờ chuyển hộ.

Người bạn này (Bác chỉ quen biết sơ thôii) có uy tín lớn cho nên Quốc dân Đảng và bọn đế quốc ghét lầm, nhưng chỉ phái đặc vụ bao vây dò xét, chứ không dám bắt bớ, giam cầm.

Bác ăn mặc thật sang, thuê một chiếc xe hơi thật sang, đi đến nhà người bạn ở trong đô giới Pháp, gõ cửa, trao bức thư, rồi đi ra ngay. Lúc trở về, thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố lục soát người đi đường. Người lái xe tỏ vẻ ngập ngừng... Bác bảo: "Cứ đi!". Chắc là vì chiếc xe rất sang, cho nên không bị chặn lại khám xét... Một lần nữa, hú vía!

Chiều tối hôm sau, Bác gặp đồng chí Vayăng Cutuyriê ở một địa điểm kín đáo. "Muôn dặm quê người gặp bạn thân!". Cả hai người vô cùng mừng rỡ, vừa cảm động nghẹn ngào...

Hai anh em siết chặt tay nhau mà nói chuyện.

Bác nói cho đồng chí Vayăng Cutuyriê biết hoàn cảnh khó khăn của mình.

Đồng chí Vayăng Cutuyriê nói cho Bác rõ tình hình phong trào cách mạng:

Ở Việt Nam từ ngày phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh nổ ra, thực dân Pháp cực kỳ hoảng sợ và thẳng tay khủng bố hết sức dã man. Nhiều làng mạc bị san phẳng. Nhiều đồng chí bị hy sinh. Nhiều tổ chức bị tan vỡ...

Tháng 3-1931, trong lúc Trung ương Đảng bí mật họp hội nghị ở Sài Gòn, Ngô Đức Trì bị bắt và phản bội. Vì nó khai mà đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác bị bắt. Suốt sáu tháng bị tra tấn dã man, tháng 9 năm ấy, đồng chí Trần Phú đã chết trong nhà tù.

Tuy phong trào tạm thời bị xuống thấp, nhưng sự hy sinh oanh liệt của cán bộ và đảng viên đã làm cho ảnh hưởng và uy tín Đảng không ngừng lên cao. Tên Bộ trưởng Thuộc địa Pháp đã công khai nhận rằng: "Hoạt động của Đảng Cộng sản nguy hiểm cho Pháp gấp mấy lần cuộc bạo động của Quốc dân Đảng...".

Từ cuối năm 1931 đến nay (mùa thu năm 1933) do sự cố gắng phi thường của các đảng viên và lòng hăng hái của nhân dân, nhiều chi bộ đảng và nhiều cơ sở quần chúng dần dần được tổ chức và hoạt động lại.

Tình hình thế giới thì thế này: Một bên là chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đã phải đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát xít. Một bên là giai cấp công nhân các nước đấu tranh ngày càng hăng. Nhân dân lao động Liên Xô thắt lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã thu được nhiều thắng lợi lớn... Nói tóm lại, tuy cách mạng gặp khó khăn không ít, nhưng tiến bộ cũng rất nhiều...

Đã ba năm không hay không biết gì hết, hôm nay được đồng chí Vayăng Cutuyriê cho biết những tin tức đó, lòng Bác bâng khuâng vừa thương xót, vừa vui mừng. Vui mừng, vì sau những cuộc thử thách cực kỳ ác liệt, Đảng ta đã tỏ ra cứng cáp về đường lối chính trị và Đảng dần dần khôi phục lại lực lượng của mình. Đồng thời phong trào cách mạng trên thế giới đang tiến lên,

thành trì của cách mạng thế giới là Liên Xô đang xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Thương xót, vì nhiều người con ưu tú của Đảng và của nhân dân - như đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác - đã bị hy sinh.

Đồng chí Trần Phú là một trong những thanh niên đầu tiên sang học ở Ban huấn luyện chính trị tại Quảng Châu rồi tham gia Hội "Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí" và được giới thiệu đi học ở Mátxcơva một thời gian. Vào khoảng tháng 4-1930, đồng chí Trần Phú trở lại Trung Quốc gặp Bác bàn bạc công việc Đảng, rồi về nước hoạt động. Tháng Mười năm 1930, Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất, chính thức bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Là một người rất thông minh, hăng hái và cần cù, đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều việc quan trọng cho Đảng, tuy chỉ hoạt động được non một năm (từ ngày về nước đến ngày bị bắt).

Mấy hôm sau khi gặp đồng chí Vayăng Cutuyriê, thì Bác chấp được liên lạc với đoàn thể. Nỗi vui mừng lúc đó không thể tả được.

*"Ba năm lưu lạc, linh đinh,
Nay đã trở lại trong đại gia đình công nông!"...*

Trích từ sách T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*,
Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 44-59.

TẤM THẺ 154

THỦY DƯƠNG

Một thời gian sau khi thoát khỏi nhà giam Hương Cảng, báo chí Pháp đã đưa tin: "Nguyễn Ái Quốc đã chết vì lao phổi trong nhà thương của nhà tù Hương Cảng". Báo *L'Humanité* (Nhân đạo) và nhiều báo Liên Xô cũng đưa tin này. Nhóm học viên người Việt Nam ở Trường Đại học Cộng sản Phương Đông ở Liên Xô đã tổ chức lễ truy điệu Nguyễn Ái Quốc, có cả đại diện Quốc tế Cộng sản và Ban Giám đốc tham dự.

Tại Thượng Hải năm 1933, Pôn Vayăng Cutuyriê, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp gặp và ôm hôn Nguyễn Ái Quốc rồi nghẹn ngào:

- Trời! Anh Nguyễn, anh vẫn còn sống đấy sao? Người ta đã chôn cất anh rồi cơ mà? Rõ ràng là anh sẽ sống lâu đây.

Hóa ra, trước khi mang một cái tên mới, có người bạn tốt bụng đã "chôn" hộ cái tên Tống Văn Sơ. Đó chính là ông bà luật sư Lôđobi đã đưa tin về cái chết của Tống Văn Sơ năm 1932 để đánh lạc hướng mật thám Pháp.

Tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, với cái tên Lin, Nguyễn tham gia Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng với tư cách là cán bộ của Quốc tế Cộng sản, có tấm thẻ đại biểu số 154 và bản tóm tắt lý lịch tự khai ghi ở phần chữ tiếng Nga: Trình độ văn hóa: Tự học, Trình độ ngoại ngữ: Pháp, Anh, Trung Quốc, Nga, Đức, Ý. Nơi vào Đảng: Đảng Cộng sản Pháp. Nơi sinh hoạt Đảng: Đảng Cộng sản Đông Dương - Cục Phương Đông Quốc tế Cộng sản. Nghề nghiệp chuyên môn: Đi biển, mười năm làm thủy thủ.

Cuối năm 1938, Nguyễn bí mật rời Mátxcơva đi Diên An (Trung Quốc) với tên mới là Hồ Quang - một công dân Trung Quốc, đã liên hệ mật thiết với Đảng Cộng sản và Hồng quân Trung Quốc. Đã là Hồ Quang, nhưng những người bạn Trung Quốc đã quen biết Nguyễn từ những năm ở Liên Xô vẫn quen gọi là đồng chí Lin.

Ở QUẾ LÂM NĂM XƯA

HỒNG HÀ
PHẠM QUÝ THÍCH

Quế Lâm là thành phố thuộc khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây, Trung Quốc. Quế Lâm còn là nơi giữ nhiều di tích và hiện vật về những năm tháng hoạt động cách mạng của Hồ Quang - Nguyễn Ái Quốc tại đây vào những năm 1938-1940.

Cuối năm 1938, sau khi rời Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh là Hồ Quang và với tư cách là thiếu tá của Bát lô quân Trung Quốc kháng chiến chống phát xít Nhật, từ Thiểm Tây đi xuống Quế Lâm. Người đã sống nhiều tháng ở Quế Lâm để tập hợp những nhà yêu nước Việt Nam và chuẩn bị trở về Tổ quốc lãnh đạo cách mạng. Dấu chân của Người đã đặt lên nhiều nơi ở thành phố Quế Lâm, từ nội thành đến ngoại thành.

Trên đường Thái Bình tại Quế Lâm, căn nhà số 12 là tòa soạn *Cứu vong nhật báo*, là nơi Hồ Quang đến giao dịch, viết bài cho báo từ năm 1940.

Cứu vong nhật báo là tờ báo do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong kháng chiến chống phát xít Nhật. Báo ra số đầu ở Thượng Hải (8-1937), sau dời đến Quảng Châu rồi cuối cùng dọn về Quế Lâm (10-01-1939). Tổng Biên tập của báo là Hạ Diễn, một nhà văn hóa yêu nước.

Do làm việc ở Bát lộ quân Trung Quốc, Hồ Quang quen với Hạ Diễn. Một buổi tối tháng 11-1940, Hồ Quang đến tòa soạn gặp Hạ Diễn, trao đổi ý kiến và đưa bài để đăng báo. Thấy Hồ Quang là một nhà yêu nước và tỏ ra không tán thành chính sách của Tưởng Giới Thạch, Hạ Diễn nhận đăng bài của Người.

Từ tháng 10 đến tháng 12-1940, Hồ Quang viết 10 bài cho *Cứu vong nhật báo* với bút danh Bình Sơn¹: "Ông-Trôi-Co-Mat" (15-11-1940); *Chú éch và con bò* (24-11-1940); *Trò đùa dai của Rudoven tiên sinh* (27-11-1940); *Hai Chính phủ Vécxây* (29-11-1940); *Bịa đặt* (01-12-1940); *Nhân dân Việt Nam và báo chí Trung Quốc* (02-12-1940); *Ca dao Việt Nam và cuộc kháng chiến của Trung Quốc* (04-12-1940); *Mắt cá giả ngọc trai* (05-12-1940); *Ý đại lợi thực bất đại lợi* (16-12-1940); *Việt Nam "phục quốc quân"* hay là "*mại quốc quân*" (18-12-1940).

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 113-126.

Đầu năm 1943, Bác Hồ có trở lại Quế Lâm trong hoàn cảnh tù đày do nhà cầm quyền Quốc dân Đảng quân phiệt giải đến từ Liễu Châu. Thế là đến bấy giờ Bác đã bị giam cầm bốn tháng:

*"Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ".*

Cho nên:

*"Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phân,
Gầy đen như quỷ đói,
 Ghế lở mọc đầy thân"¹.*

Sau một tháng bị giam ở Quế Lâm, Bác bị giải trở lại Liễu Châu và đến ngày 10-9-1943, Bác được trả tự do.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 418.

THẦY CÚNG CÁCH MẠNG

LÊ TÙNG SƠN

Tháng 4-1940, Bác Hồ về Côn Minh (Vân Nam) với tên mới "Ông Trần", trong vai một người đi tìm việc. "Ông Trần" và ông Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng của Việt kiều dọc đường xe lửa Vân Nam - Hồ Kiều. Đến ga Chỉ Thôn, (huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) được bố trí ở nhà anh Hoàng Quang Bình, một đảng viên cộng sản, làm nghề cắt tóc¹.

Tại thị trấn rẽ cao này có hơn 500 người Việt, phần lớn là công nhân đường sắt. Trước đó chưa lâu, máy bay Nhật ném bom phá cầu sắt Pô Chai (Xì Xuyên) làm hàng trăm người chết và bị thương, trong đó có 20 người Việt. Kiều bào đang sửa soạn làm lễ cầu hôn cho những người bị nạn tại đền "Tam phủ cộng đồng".

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 98-100.

Nghe tiếng "Ông Trần" tài lăm, ông học rộng, đi khắp nhiều nước, hiểu biết mọi sự, nên khi đến thăm các gia đình bị nạn, bà con khẩn khoản mời ông và ông Phùng giúp làm lễ cầu hôn. Phùng Chí Kiên chưa biết xử trí ra sao, thì "Ông Trần" vui vẻ nhận lời.

... Vào một buổi tối, hai người đến đền Tam phủ giúp ông Từ chuẩn bị lễ cầu hôn... "Ông Trần" ngồi viết sớ, ông Phùng cắt giấy, ông Thành quét dọn bàn thờ... "Ông Trần" sắp xếp nào lễ cúng Phật, lễ giải oan, chạy đàm...

... Buổi lễ bắt đầu. "Ông Trần" nổi ba hồi trống lớn; ông Từ tiếp ba hồi trống nhỏ. Không khí trang nghiêm, "Ông Trần" đã ứng khẩu đọc bài sớ:

"Nam mô Phật tổ Nhu Lai
Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương
Trăm tầng áp bức thảm thương
Thân gầy như củi, xác nhường thây ma
Đâu là phúc đặng hè sa
Đâu là cõi Phật, đâu là cảnh tiên?..."

Tiếp đến là lễ chạy đàm. "Ông Trần" vừa tụng niệm, vừa khoan thai cất bước... Ông từ đánh trống theo sau, rồi tiếp đến người nhà nạn nhân nối thành dây dài, lượn vòng trước bàn thờ. "Ông Trần" đọc tiếp:

"... Tiến lên tất cả đồng bào
Đánh đổ giặc Nhật đã giết hại kiều bào ta
Ô Pô Chai! Pô Chai! Pô Chai!".

Mọi người đều hô theo như một khẩu hiệu.
Không khí trang nghiêm trước bàn thờ khói
hương nghi ngút bỗng thay đổi. Ai nấy hùng hực
căm thù. "Ông Trần" lại đọc:

"Quân cướp Nhật thật là tàn ác
Vừa rồi đây oanh tạc Pô Chai.
Kiều bào mấy chục mạng người,
Thây tan thịt nát quê người thảm thê.
Khóc than cũng khôn bề cứu sống,
Phải vùng lên như đấng Thiên vương.
Thù nhà nợ nước đôi đường,
Đã vì người chết càng thương giống nòi.
Đừng tin vào số mệnh trời,
Mà do quân Nhật giết người gây nên.
Hồn ơi, hồn có linh thiêng,
Hãy cùng người sống báo đền nước non.
Người còn khóc thì nước phải còn...".

Và cứ thế, "Ông Trần" - Bác Hồ đọc những bài ca
ứng khẩu, kích động lòng yêu nước của đồng bào.

Buổi lễ cầu hồn biến thành một cuộc tuyên
truyền cách mạng công khai. Và "Ông Trần" càng
được bà con trong thị trấn hết lời ca ngợi.

DỚT MÀ HAY

VŨ ANH

Năm 1940, Tưởng Giới Thạch gấp rút chuẩn bị kế hoạch "*Hoa quân nhập Việt*". Tại Tĩnh Tây (Quảng Tây), tướng Trương Phát Khuê giao cho Trương Bội Công tổ chức việc này.

Trương Bội Công chính là Nguyễn Văn Chiếu, thuộc lớp Đông Du, sau khi phản bội, làm mật vụ, được bọn Tưởng tin dùng, nhưng lại khoác áo nhà yêu nước, nhà cách mạng.

Lúc bấy giờ, có 43 thanh niên bị Pháp khùng bối phải chạy sang Trung Quốc. Các cán bộ cách mạng như Hoàng Sâm, Lê Quảng Ba, Quốc Văn, Bằng Giang phải đi theo để lãnh đạo họ. Trương Bội Công thu nhận nhóm thanh niên này, hòng lợi dụng để phục vụ cho âm mưu của mình. Được tin, Nguyễn Ái Quốc cử người đi gặp anh em và tìm cách đưa họ thoát khỏi tay Trương Bội Công.

Nguyễn Ái Quốc đang ở Tân Khư, cách Tĩnh Tây khoảng mười cây số. Được tin Quốc dân Đảng sẽ khùng bối nhóm thanh niên nên ông Nguyễn

liên cho gọi Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm đến, giải thích rằng lúc này Tưởng đang cần đến người Việt, nên họ không làm hại mình đâu mà sợ và cần bảo vệ, tổ chức cho anh em đi đường hoàng, nói là về nước vận động quần chúng. Khi đi lợt rồi, ta sẽ có thư cho Trương Phát Khuê nói rõ lý do và phê phán Trương Bội Công. Như vậy, họ không thể cho mình là chạy trốn và Trương Bội Công cũng mất điều kiện lợi dụng cách mạng.

Sau đó, ông Nguyễn bảo một cán bộ giỏi tiếng Hán thảo bức thư lấy lời của nhóm thanh niên Việt Nam gửi cho tướng Trương Phát Khuê như kế đã định. Người cán bộ viết xong, đưa ông Nguyễn duyệt. Bác sửa chữa đôi chỗ rồi trả lại. Anh cán bộ cầm xem thì ngạc nhiên thấy chỗ sửa lại viết sai văn phạm, bèn nêu thắc mắc, Bác cười, bảo:

- Chú chỉ biết viết thư là viết thư... Người Việt Nam ở vùng dân tộc viết chữ Trung Quốc thế nào mà đúng văn phạm được! Viết như vậy, họ mới tin là chính thư của anh em viết chứ. Có thể nói cái thư này hay là ở chỗ viết dốt! Thế là dốt mà hay!

TỔ QUỐC TA ĐÂY RỒI!

LÊ QUẢNG BA*

Cuối tháng 2-1940, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô sang Trung Quốc. Vừa đến Côn Minh - thủ phủ tỉnh Vân Nam, Trung ương Đảng ta đã cử một số cán bộ của Đảng, như Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt), Võ Nguyên Giáp (Đương Hoài Nam)... sang tìm gặp để đón Người về nước.

Cuối tháng 6-1940, do đường giao thông Côn Minh - Lào Cai bị tắc nghẽn nên kế hoạch về nước của Bác phải chuyển hướng Cao Bằng, vì trình độ giác ngộ cách mạng của nhân dân dọc biên giới tương đối cao và cán bộ ở đây khá vững vàng.

Ngày 06-01-1941, Bác đã cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Đặng Văn Cáp, Phùng Chí Kiên... được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường đi qua Nậm Bo xuống Nậm Quang (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc). Tại đây, Bác mở lớp học và trực tiếp huấn luyện chính trị cho 43 đồng chí trong Ban công tác Đội do Trung ương

* Nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Trung ương.

cử đi. Lớp học kéo dài 20 ngày và kết thúc vào dịp gần Tết âm lịch - Tân Tỵ 1941.

Toàn bộ kế hoạch về nước do Bác trực tiếp chỉ đạo và qua cột mốc 108, về Pác Bó. Đoàn cán bộ về nước được chia làm ba nhóm. Nhóm thứ nhất do đồng chí Hoàng Sâm phụ trách đi về nước bằng đường Xuyên Sơn tới Pác Bó. Nhóm thứ hai do đồng chí Phùng Chí Kiên phụ trách đi qua cột mốc 108 theo đường 203 về Pác Bó. Hai nhóm này về nước nám tình hình, liên lạc báo cáo để Bác quyết định ngày giờ về nước. Nhóm thứ ba trực tiếp bảo vệ Bác gồm các đồng chí: Phùng Thế Tài, Hoàng Văn Lộc, Đặng Văn Cáp, Thế An, Lê Quảng Ba do đồng chí Lê Quảng Ba phụ trách.

Sáng sớm ngày 28-01-1941¹, tức ngày mồng 2 Tết Tân Tỵ, nhận được tin từ trong nước báo sang, đoàn cán bộ dẫn đường và bảo vệ Bác xuất phát từ Nậm Quang trở về nước.

Hành lý của Bác hầu như chẳng có gì, chỉ một chiếc vali nhỏ đựng mấy bộ quần áo cũ và chiếc máy chữ xách tay. Sau 8 giờ đi đường, khoảng 12 giờ trưa thì cả đoàn đi đến đỉnh dãy núi Phia Sum Khảo, nơi có cột mốc 108 trên biên giới Việt - Trung thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Nhóm đồng chí Hoàng Sâm lên đón Bác, tất cả đều xúc động khi thấy Bác đứng lặng hồi lâu bên cột mốc 108, mặt hướng về

1. Có tư liệu ghi Bác về nước ngày 18-01-1941, hoặc 08-02-1941.

Tổ quốc ngắm nhìn núi rừng trùng điệp Cao Bằng - mảnh đất địa đầu của Tổ quốc. Sau 30 năm xa Tổ quốc bôn ba hải ngoại đi tìm đường cứu nước, đúng vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc, Bác đã trở về nước. Bỗng Lê Quảng Ba nói như reo lên:

- Thưa Bác! Đường ranh giới là ở chỗ này đây!

Bác đứng sững lại, bùi ngùi xúc động nhìn những ngọn núi, hẻm đá, những vết đường mòn, những bụi lau còn long lanh sương sớm.

Mọi người cũng dừng lại vây quanh Bác, cùng lặng im. Gương mặt Bác như đổi khác, chòm râu lơ thơ rung rung trước gió, ánh mắt âu yếm nhìn trùm lên tất cả núi non, rừng cây, suối nước. Lúc lâu, Bác khẽ nói:

- Thôi ta đi! Tổ quốc ta đây rồi!

Hôm ấy, đúng là ngày 28-01-1941, tức ngày mồng 2 Tết Tân Ty.

Trong bộ quần áo Chàm Nùng, Bác như già hơn. Nguồn nhìn gương mặt sạm sương gió của Bác, thấy có một dáng vẻ ung dung, điềm tĩnh rất thân quen. Bác theo những vết đường mòn lượn giữa các nếp núi tiếp nhau ở vùng biên giới, vượt khỏi cột mốc 108 có chữ Pháp và chữ Hán ở hai mặt đá.

Nhớ lại, năm xưa ra đi, Nguyễn Tất Thành - Văn Ba không có gì trong tay, ngoài trái tim trắn trở và sục sôi. Nay trở về, Nguyễn Ái Quốc - đồng chí Già, đã là một nhà cách mạng lịch lâm, trải qua đủ mùi cay đắng trong trường đời và trường chính trị. Trái tim vẫn nóng như thuở còn trẻ, tuổi thanh xuân, mà tri thức đã đạt tầm thời đại

và kinh nghiệm đã dạn dày. Vẫn hai bàn tay trắng khi qua cột mốc 108, Nguyễn Ái Quốc biết mình sẽ phải làm gì, làm như thế nào. Con đường cứu nước đã có một chân trời thông thoáng, không chỉ từ trong sách, mà từ hiện thực của thế giới, nhất là từ những động thái bên trong của Việt Nam, sự chín muồi tất yếu của tình thế.

Về đến Cao Bằng - về đến Tổ quốc, đất nước thân yêu, Nguyễn Tất Thành phải trải qua một chặng đường dài thăm thẳm từ bến Nhà Rồng qua châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Phi..., qua đại lục Liên Xô và Trung Quốc để về Cao Bằng. Chặng đường thiên lý đó đòi hỏi vừa nghị lực, vừa trí tuệ ở tầm cao, có thể nói là tầm cao nhất. Trong 30 năm gian khổ chồng chất của cuộc hành trình, dù sinh sống hay hoạt động ở đâu, Nguyễn Ái Quốc đau đớn hai chữ "về nước". Đi thật xa, thật lâu để tìm đường về nước - sau khi đi thật xa để tìm đường cứu nước. Và "cứu nước" luôn là mục tiêu và động lực của Nguyễn Ái Quốc.

Chính từ sự khẳng định chắc nịch ấy mà Nguyễn Ái Quốc vạch đường lối cách mạng Việt Nam trong tình hình mới đầy sáng tạo và cách mạng đi đến thắng lợi trọn vẹn.

Không giải phóng dân tộc thì làm sao đưa cách mạng đến xa hơn - tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước không độc lập, tự do thì không có cái gì cả - cũng như sau này, dân không giàu, nước không mạnh thì làm sao có được một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tư duy Nguyễn Ái Quốc phát triển trong tư duy Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh là kết tinh của quá trình Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 28-01-1941 (mồng 2 Tết Tân Ty): Sáng xuất phát từ làng Nậm Quang, 12 giờ trưa đến cột mốc 108. Sau khi rời cột mốc 108, Bác xuống thung lũng Pác Bó và ở tại nhà cụ Mai Lý¹, dân tộc Nùng, một cơ sở cách mạng tin cậy. Ở nhà cụ Lý, bên mâm cỗ Tết, mọi người rầm ran trò chuyện, riêng Bác cứ ngồi im lặng, nét mặt đượm buồn, sau 30 năm xa Tổ quốc, nay ngày đầu tiên sống lại ngày Tết cổ truyền dân tộc, Bác tỏ ra rất xúc động.

Đến ngày 08-02-1941, đoàn cán bộ đưa Bác vào ở và làm việc trong hang Cốc Bó - một hang núi kín đáo ở giữa rừng sâu. Hang hẹp, cạnh lối vào có tảng đá lớn ngăn che phía trước. Bên ngoài là một dòng suối chảy quanh tung bợt trắng xóa. Một tấm gỗ mang từ bản ra được kê thành giường ở góc tận cùng hang. Những ngày trời mưa, hang ẩm ướt, rét thấu xương.

Trước tình hình cách mạng và thời cơ mới, tháng 4-1945, Bác quyết định trở về căn cứ Tân Trào (Tuyên Quang) để lãnh đạo nhân dân cả nước vùng lên giành chính quyền về tay nhân dân, làm nên Cách mạng Tháng Tám lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

1. Có tư liệu cho rằng tên cụ già là Máy Lý.

Phân II

BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ

BÁT CHÁO CHIA BA

VÕ HỒNG CƯƠNG *kể*
NGUYỄN HUY ĐỨC *ghi*

Một chiều mùa hè năm 1954, Bác đến thăm Trường Tuyên huấn Chính trị Trung ương. Bấy giờ trường mới chuyển đến bản Lời, gần quán Vuông, Thái Nguyên.

Sau khi nói chuyện với học viên, Bác về "nhà khách" - một túp lều tre nứa, lợp lá gồi - nghỉ đêm để sáng mai đi sớm.

Bí thư Đảng ủy trường là đồng chí Võ Hồng Cương cùng đồng chí phụ trách bảo vệ trường đem chăn màn đến ngủ sát bên nhau, hẹn cùng dậy sớm lo bữa ăn sáng để Bác dùng trước khi lên đường, không biết về đâu, xa hay gần.

Bàn bạc mãi mới quyết định thịt một con gà giò "tăng gia" để nấu cháo (gà to sợ Bác phê bình, gà bé quá lại không đành lòng).

Hai quan "hỏa đầu quân" tán chuyện mãi, ngủ

quên lúc nào không biết. Chẳng có giờ chính xác, nên cứ mổ gà sớm, vo gạo, đặt lên bếp. Khoảng gần một giờ sau, nồi cháo đã chín. Đồng chí Cương cởi than ủ nồi cháo cho nhừ. Chờ mãi, chờ mãi, trời vẫn chưa sáng. Hai anh không dám đi nằm, sợ ngủ quên bèn dựa lưng vào nhau gật gà, gật gù.

Bỗng đồng chí cảnh vệ của Bác lay lay. Bấy giờ "anh nuôi" mới choàng dậy. Nhìn vào nồi cháo thì ôi thôi nồi cháo đã cạn, chỉ còn độ một bát. Không biết tính toán sao đây thì đồng chí cảnh vệ mách đồng chí Cương:

- Anh cứ mang bát cháo này lên, mời Bác dùng và bảo chúng tôi đã ăn dưới này với các anh rồi.

Bí thư mừng quá:

- Thật là sáng kiến...

Anh bưng tô cháo, một cái bát con, một thia nhỏ và một lọ muối tiêu lên nhà khách.

Bác hỏi:

- Còn hai chú kia đâu?

Đồng chí Cương thưa với Bác mưu mẹo đã bàn...

Bác cười bảo:

- Chú xuống lấy thêm cho Bác hai cái bát, hai cái thia, rồi bảo hai chú lên ăn với Bác. Có nhiều ăn nhiều, còn ít ăn ít, cùng nhau ăn cho ấm bụng.

Bí thư đỏ mặt, đành nói dối tiếp:

- Thưa Bác, hai đồng chí kia đang ăn.

Bác lại cười, lắc đầu nói:

- Cháo này là các chú chắc ngủ quên, để cạn
nên chỉ còn chừng này thôi. Chú gọi hộ Bác hai
chú cảnh vệ đi.

Hai đồng chí cảnh vệ đành phải lên... Bác sẽ
bát cháo đặc chia ba phần đều nhau rồi nhận một
bát ăn rất ngon lành.

Đứng dựa cột nhà khách, chủ nhà, cấp dưỡng,
đồng chí Cương nhìn Bác mà nước mắt rưng rưng...

CHÚ CÒN TRẺ, CHÚ VÀO HẦM TRÚ ẨN TRƯỚC ĐI

THỦY TRƯỜNG

Một ngày tháng 7-1967 ở Hà Nội, đồng chí Mai Văn Bộ được Bác Hồ gọi đến mời cơm tiễn chân trước khi đồng chí lên đường đi Pari nhận nhiệm vụ Tổng đại diện Chính phủ Việt Nam tại Pháp.

Trong bữa cơm, Bác kể chuyện về khu Luýchxămbua, Môngpácnát, nơi Bác có nhiều kỷ niệm. Bác nói Bác rất yêu Pari, Pari đã dạy cho Người nhiều điều...

Bỗng tiếng còi báo động rú lên. Một chiến sĩ bảo vệ yêu cầu Bác và các đồng chí khác xuống hầm. Ít phút sau đã nghe tiếng đạn nổ xé trời.

- Thưa Bác, tác chiến báo cáo chúng nó đánh cầu Long Biên. Để đảm bảo an toàn, mời Bác vào hầm trú ẩn ngay cho.

Bác quay lại đồng chí Bộ, ôn tồn nói:

- Bác già rồi, chẳng bom đế quốc nào ném đâu.
Chú còn trẻ, chú cần vào hầm trú ẩn trước đi.

Rồi Bác đầy đồng chí Bộ đi trước, sau đó đến
đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí cảnh vệ.

Bác luôn quan tâm lo lắng cho hết thảy mọi
người và Bác là người vào hầm trú ẩn sau cùng.

CHÚ SANG XÔNG NHÀ CHO BÁC

HỒ VŨ

Vào các dịp lễ Tết hằng năm, vẫn có một số anh chị em "ăn cơm tập thể, nằm giường cá nhân" ở lại trực cơ quan. Mồng một Tết âm lịch (năm 1956), nhường anh em khác về quê, tôi ở lại bảo vệ cơ quan.

Khoảng 9 giờ sáng, khi mọi người đã rộn ràng đi chúc Tết, thì Bác tới. Thấy nhà vắng lặng, chỉ có mỗi mình tôi ngồi ở bàn, Bác mừng tuổi tôi một chiếc bánh chưng, một gói kẹo, chúc tôi nhân dịp năm mới, rồi Bác hỏi:

- Mồng một Tết chú khai bút cái gì đó?

Tôi trả lời:

- Thưa Bác, cháu đang viết báo cáo tổng kết công tác năm 1955 của đội ạ!

Bác khen:

- Các chú thật cần cù, chịu khó, quanh năm vất vả. Những ngày mưa dầm gió bắc, Bác ngủ trên nhà, còn các chú phải thức suốt đêm ở dưới vườn, Tết vẫn còn phải làm việc.

Rồi Bác nói tiếp:

- Chú viết báo cáo ngắn thôii và kết luận là:
Toàn đội hết lòng bảo vệ Trung ương Đảng và
Chính phủ được an toàn. Không nên nói: bảo vệ
Hồ Chủ tịch, vì trong Trung ương Đảng và Chính
phủ là có đủ mọi người rồi.

Bác nắm tay tôi:

- Chú sang xông nhà cho Bác đi.

Bác phân công tôi rửa ám chén, còn Bác thì lau
bàn ghế và cắm hoa để đón các đồng chí trong Bộ
Chính trị sang chúc Tết.

Tết năm ấy, tôi là người vui nhất. Tôi được
xông nhà cho Bác kính yêu!

NUỚC NÓNG, NUỚC NGUỘI

NGUYỄN VIỆT HỒNG

Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, có một đồng chí cán bộ trung đoàn thường hay quát mắng, đôi khi còn bợp tai chiến sĩ. Đồng chí này đã từng là giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng Tháng Tám.

Được tin nhân dân "dư luận" về đồng chí này, một hôm, Bác cho gọi đồng chí đó lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp An toàn khu, dù có đến sớm, thì cũng giũa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác.

Trời mùa hè, nắng chang chang, đi bộ đúng ngọ, "đồng chí cán bộ Trung đoàn" vẫn cả mồ hôi, người như bốc lửa. Đúng như lời Bác dặn, khi đồng chí cán bộ ấy đến nơi, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn đã đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi có ý chừng vừa như mới rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

- À ra thế! Thế chú có thích uống nước nguội, mát không?

- Dạ có ạ!

Rồi Bác nghiêm nét mặt nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sĩ của chú và cả tôi cũng không tiếp thu được. Hòa nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội dễ uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác và tâm phục cách giáo dục, uốn nắn cán bộ của Người, đồng chí cán bộ nhận lỗi, hứa sẽ sửa chữa...

LÒNG ĐỘ LƯỢNG CỦA NGƯỜI

LƯU QUANG HUYỀN

Năm 1966, Bác Hồ ở vào tuổi bảy mươi sáu, nhưng Bác vẫn đến trận địa thăm các chiến sĩ canh trời. Hôm ấy, Bác đến thăm một đơn vị của Đoàn thông tin sóng điện. Vì không báo trước, Bác đến bất ngờ, nên cuộc gặp này của Bác đã để lại rất nhiều xúc động đối với cán bộ, chiến sĩ thông tin.

Bác mặc áo lụa màu nâu, đi dép cao su, thoăn thoắt trèo lên đồi cao, các chiến sĩ vội ùa ra đón Bác. Lên đến nơi, Bác đến ngay nhà bếp. Các đồng chí nuôi quân thấy Bác, mừng quá, ngừng việc, đứng quanh Bác. Ông cụ ra xem chuồng lợn, thấy lợn béo, chuồng sạch, Bác khen các chú "mát tay", khéo chăn nuôi. Tuy đây là nơi có núi đá, đất trồng trọt ít, nước tưới hiếm, nhưng Bác khuyên chiến sĩ gắng trồng rau ở những chỗ có đất dù là một vật nhỏ, "có làm thì có ăn", Bác nói thế.

Vào nhà ăn, Bác mở lồng bàn xem kỹ một mâm cơm. Bác hỏi chiến sĩ đi theo: Ăn có đủ no,

đủ chất không? Bác đọc bản kinh tế công khai của đơn vị rất tỉ mỉ, Bác thấy hôm ấy, quản lý chỉ ăn quá 1 đồng. Bác hỏi tại sao? Đồng chí quản lý thừa: Hôm nay anh em đi lao động ngoài trời, công việc nặng nhọc nên chỉ huy đại đội đồng ý chi thêm để nồi canh ngon hơn mọi ngày. Bác khen làm thế là tốt!

Bác vào nhà câu lạc bộ. Lúc ấy, đông đủ cán bộ, chiến sĩ đứng xung quanh Bác, Bác nói: "Công tác thông tin liên lạc rất quan trọng, nó như thần kinh, mạch máu của con người. Các chú phải gắng làm thật tốt nhiệm vụ của mình. Các chú phải vừa chiến đấu vừa không ngừng học tập, nâng cao trình độ kỹ thuật. Muốn học tập kỹ thuật tốt, phải học văn hóa".

Buổi chiều, Bác xuống thăm nhà bếp một lần nữa. Bác chia thuốc lá cho anh nuôi. Các anh nuôi đều giữ lại thuốc lá, không ai hút. Điều thuốc của Bác chưa có lửa, một đồng chí anh nuôi vội đưa cho Bác bao diêm. Bác lắc đầu và nói: "Cả bếp lửa đang hồng thế kia tha hồ mà dùng, sao lại lãng phí một que diêm". Câu chuyện que diêm sau này trở thành một bài học sâu sắc trong anh em mà Bác Hồ đã để lại cho đơn vị. Anh em nói với nhau: Sự vĩ đại thường bắt nguồn từ sự bình thường nhất, giản dị nhất.

Bác đi quanh bếp, nhìn thấy một số hạt cơm rơi vãi. Bác phê bình: "Các chú để cơm rơi vãi như

thế là không nêu. Bà con nông dân phải một nắng hai sương mới làm ra được một hạt gạo, các chú phải biết tiết kiệm...".

Chiều tối hôm ấy, Bác lên xe trở về. Cùng đi với Bác, có đồng chí Vũ Kỳ - Thư ký riêng của Bác. Sau này, đơn vị mới biết, Bác muốn chọn một nơi thật yên tĩnh để hoàn thành một văn kiện lịch sử: "Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước", kịp công bố vào ngày 17-7-1966. Đơn vị của đoàn Sóng Điện có biết đâu, hôm Bác về chỗ các đồng chí là ngày 13-7-1966, cả hai đại đội 6 và đại đội 12 của Đoàn, mấy ngày sau được nghe lời kêu gọi như lời hịch truyền thiêng liêng do Bác đọc: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*"¹.

Ngày tháng 7 đẹp trời năm ấy, dấu rất bận việc, Bác vẫn dành thì giờ thăm đơn vị, nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ, xem xét chỗ ngủ, nơi ăn, khuyên bảo trồng rau, nuôi lợn, sống tiết kiệm, tránh lãng phí, mới hay Bác luôn quan tâm đến con người. Lúc chiến tranh, bộ đội là một trong những "giới" được Bác quan tâm đặc biệt. Hình ảnh Bác đội mũ sắt ra thăm trận địa đã trở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 131.

nên quen thuộc với tất cả mọi người. Tình thương của Bác đối với riêng bộ đội Phòng không được thể hiện rõ nét qua "hồi ký" của Thượng tướng Phùng Thế Tài. Anh viết:

"Năm 1962, mươi năm sau khi chiếc máy bay B52 đầu tiên ra đời, tôi được bổ nhiệm làm Tư lệnh bộ đội Phòng không. Trước khi nhận nhiệm vụ mới, tôi được Bác gọi lên. Tôi nhớ nhất một lời dạy của Bác hôm đó: "Chức chú bây giờ to hơn thì chú càng phải thương yêu chiến sĩ nhiều hơn...". Tôi tự trách mình là "tiến bộ chậm" để Bác phải nhắc nhiều về cái tính nóng nảy của mình. Tôi được theo bảo vệ Bác từ trước Cách mạng Tháng Tám. Ngay từ ngày đó, tính xấu nóng nảy của tôi đã xuất hiện, Bác cũng đã có nhắc nhở, mà cho đến nay tôi vẫn chưa sửa chữa được bao nhiêu. Bây giờ Bác nói "Chức chú to...", tôi biết Bác độ lượng và thương tôi nhiều".

TA CÙNG ĐI CHO VUI

VŨ KỲ

Một lần Bác Hồ cùng một số cán bộ đi công tác.
Vì đường xa, núi cao, mọi người mời Bác đi ngựa.
Nhìn anh em, Bác nói:

- Chúng ta có bảy người mà ngựa chỉ có một,
Bác cưỡi sao tiễn.

Một chiến sĩ nhanh nhẩu thưa:

- Thưa Bác, chúng cháu còn trẻ, Bác tuổi
cao, công việc nhiều, đường xa nên mời Bác lên
ngựa ạ!

Bác cười vui rồi nói:

- Ủ, để rồi xem đi đường các chú có theo kịp
Bác không?

Thấy mọi người đang phân vân, Bác liền bảo:

- Thôi được, ta cho ngựa theo để nó thồ hộ ba
lô, lương thực. Đi đường ai mệt thì cưỡi, Bác mệt
Bác cũng sẽ cưỡi.

Ngày đầu đi chừng được 30 cây số và phải vượt
hai con suối to. Ngày thứ hai ra đi từ bốn giờ sáng
đến tối mịt mới nghỉ chân. Bữa cơm tối ngoài món

"thịt hộp Việt Minh" mang theo còn có bát canh rau tự túc. Đang ăn, Bác nói đùa:

- Rau tàu bay có khác. Ăn vào thấy nhẹ cả người, lại như có cả mùi xăng.

Tất cả như quên hết mệt nhọc, cùng Bác cười vui.

Hiểu lòng chiến sĩ, Bác lại động viên:

- Bác mệt thì các chú cũng mệt. Thôi, ta cùng đi cho vui.

NHƯỜNG ÁO SẺ CƠM

NGUYỄN ĐỨC THỦY

Tôi đi công tác về báo cáo, các đồng chí Kháng và Chiến bảo tôi ngồi ăn cơm với Bác cho Bác vui vì hồi đó Bác yếu, suy nghĩ nhiều nên ăn ít lǎm. Ngồi trước mâm cơm có một đĩa con lòng gà, một đĩa con thịt gà (con gà bé quá, có lẽ chia đôi làm hai bữa) và một bát canh. Bác ngồi nhấp nháp với một chén rượu hạt mít... Ăn trong nỗi, ngồi trong hướng, tôi nói chuyện vui cho Bác nghe nhiều hơn là ăn, nên Bác giục tôi ăn. Bác gấp cho tôi bộ gan gà vừa bằng quả táo. Tôi khó nghĩ quá nên lẽ phép gấp lại bát cơm của Bác và mời Bác ăn. Bác lại gấp lại cho tôi và bảo:

- Ăn đi để mai đi đường cho khỏe.

Ở đây tôi không muốn nói tới bộ gan to hay nhỏ, nó bổ được bao nhiêu, mà ở đây tôi chỉ thấy tấm lòng của Bác thương yêu cán bộ trong hoàn cảnh khó khăn.

Buổi tối dưới ngọn đèn dầu tôi đang cùng các đồng chí bảo vệ nói chuyện thì nghe Bác hỏi: Chú

Thụy có thiếu quần áo lấm không? Tôi nghĩ bụng chắc Bác muốn cho, nên tôi thưa là có thiếu. Bác bảo đồng chí Kháng: Chọn cho chú Thụy một bộ quần áo. Sáng hôm sau tôi nhận được một bộ quần áo mới toanh, bằng lụa, màu gụ, may theo kiểu ta rất đẹp và trên túi áo con ở ngực có thêu mấy chữ: phúc, lộc, thọ. Đây chắc là áo của hội phụ nữ nào biếu Bác. Tôi hỏi đồng chí Kháng tại sao lại cho đồ mới của Bác. Đồng chí Kháng nói: Đây là quà của Bác, Bác tặng lại cán bộ.

Thế là trong lúc Bác phải lo bao nhiêu việc vất vả nhưng Bác vẫn quan tâm đến cán bộ. Tôi vừa được ăn lại vừa được mặc. Tôi thấy thực sự xúc động trước tấm lòng thương yêu của Bác.

ĐÊM ĐÓ, CHÚNG TÔI LÀM BÁC MẤT NGỦ

LÊ GIẢN*

Nếu tôi nhớ không sai thì đó là vào dịp Tết âm lịch năm 1948, cách đây đúng 48 năm¹. Trước đó, năm 1947, giặc Pháp đã huy động thủy, lục, không quân càn quét, đánh phá dữ dội các huyện Sơn Dương (Tuyên Quang), Định Hóa (Thái Nguyên), thị xã Bắc Kạn nhằm triệt tiêu các cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ ta đang đóng trong An toàn khu. Nhưng chúng đã bị quân ta đánh lại, bị thất bại thảm hại. Mừng chiến thắng hào hùng, Bác tổ chức mừng Tết, đón xuân cùng đồng bào và một số cán bộ chủ chốt trong An toàn khu. Có mặt chung quanh Bác trong mấy ngày Tết đó là các đồng chí: Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt,

* Nguyên Giám đốc Nha Công an Trung ương trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

1. Bài viết năm 1996 (BT).

Lê Văn Lương, Lê Văn Hiến, Trần Duy Hưng, Phan Mỹ, Trần Công Tường và tôi (Lê Giản). Suốt mấy ngày Tết, Bác cùng chúng tôi thường buổi sáng đi chúc Tết đồng bào, chiêu và tối thì ở nhà ăn uống, kể chuyện, làm thơ, hát hò vui xuân. Trong những buổi này anh Lê Văn Hiến đóng vai trò nổi bật về hát tuồng với điệu bộ độc đáo, chẳng kém gì các nghệ sĩ chuyên nghiệp khiến Bác rất mê. Anh Cả Bằng thì trổ tài bếp núc, các món ăn của anh giản dị nhưng rất hấp dẫn. Mỗi đêm Bác chỉ định hai đồng chí ngủ cùng phòng với Bác. Bác thường kể chuyện rất hay nhưng chúng tôi bảo nhau đêm không được nói chuyện để Bác ngủ cho yên. Đêm mùng Ba, anh Trần Công Trường và tôi được chỉ định ngủ cùng phòng - hay gọi cho đúng là cùng nhà với Bác - Bác nằm một giường một bên, hai chúng tôi nằm một bên, ở giữa có đống lửa sưởi ấm đỏ rực! Trước khi lên giường, chúng tôi chúc Bác ngủ ngon. Bác cười hiền từ bảo chúng tôi: "Đêm nay ngủ với Công an (tức là tôi, Lê Giản, Tổng Giám đốc Nha công an) và Tòa án (tức là anh Trần Công Trường, Thứ trưởng Bộ Tư pháp) ở bên cạnh, vòng ngoài lại có anh em an ninh (cảnh vệ) và nhân dân địa phương canh phòng, Bác nhất định vững tâm, yên giấc, còn các chú cũng cứ ngủ cho say để sáng mai về cơ quan làm việc cho tốt, không ngủ gà ngủ gật dông cả năm đấy".

Đúng như Bác đã bảo, đêm ấy chúng tôi đánh một giấc ngon lành. Khi mở mắt ra thấy trời đã sáng rõ và thấy... Bác đang ngồi sưởi bên đống củi lửa rực hồng.

Chúng tôi vội chạy ra chào và hỏi sao Bác dậy sớm thế. Bác cười và nói vui: "Cả đêm, các chú người thì "xay lúa", người thì "giã gạo" âm ầm. Bác phải thức chum lửa sưởi".

Nghe Bác nói, lòng dạ chúng tôi bùi ngùi áy náy như thế nào chắc ai cũng dễ nhận thấy.

Sau này các đồng chí cảnh vệ cho biết: "Chúng em đi tuần qua nhà, nghe tiếng các anh ngáy và nghiến răng to quá, nhìn vào thấy Bác đang lúi húi chum lửa, gạt than sưởi ấm. Biết Bác không ngủ được, chúng em vào khẽ nói: "Bác để chúng cháu mời các anh sang nhà bên để Bác nghỉ cho yên áng, tĩnh mịch" nhưng Bác không đồng ý. Bác nói se se: "Các chú ấy tuổi còn đang trẻ, bận rộn cả năm, ít khi được ăn no ngủ kỹ, chuyển chỗ có thể mất giấc ngủ ngon. Còn Bác tuổi già thức đêm quen rồi, mai ngủ bù không sao đâu, các chú cứ yên tâm"".

... Đấy, Bác của chúng ta, Hồ Chủ tịch của chúng ta là người như thế đấy!

PHẢI CHĂM CHỈ HỌC TẬP

LÊ HIỀN ĐỨC*

Tôi có vinh dự được sang làm việc bên Bác. Hàng ngày Bác làm việc ở nhà riêng. Thường Bác tự đánh máy lấy. Hết giờ làm việc, Bác cùng sinh hoạt chung với anh em. Vui nhất là sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường cùng anh em trong cơ quan đánh bóng chuyên. Bác già, tay cứng nên búng bóng yếu, "đối phuong" muốn gõ điểm, thường phát bóng vào chỗ Bác, Bác biết liền nói to:

- A, "truy tú" hả? - Bác vừa nói vừa nhảy lên đỡ bóng.

Có lần đối phuong phát bóng "ác" quá, Bác biết không đỡ được, liền kêu:

- Trường, Kỳ, Kháng, Chiến đâu? Cứu bóng!
Người đánh lẩn người xem cười vui vẻ.

Bấy giờ theo chính sách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, cơ quan chọn cử một số cán bộ trẻ ra nước ngoài học. Tôi cũng ở trong số đó. Nhưng tôi không muốn đi.

* Nguyên cán bộ cơ yếu Văn phòng Cục Tình báo.

Biết được điều đó, Bác liền gọi đến. Bác hỏi, tôi trả lời Bác:

- Dạ, thưa Bác, cháu muốn được công tác ạ.
- Thế cháu có muốn công tác thật tốt không?
- Có ạ.
- Có muốn phục vụ nhân dân được không?
- Có ạ.
- Thế thì phải đi học. Böyle giờ có điều kiện thì phải học tập. Học tập để hiểu nhiều, biết nhiều. Có hiểu nhiều, biết nhiều, mới phục vụ nhân dân tốt được.

Sau khi giảng giải và khuyên tôi đi học là cần thiết, Bác dặn:

- Đi học thì phải chịu khó, chăm chỉ học tập. Chưa hiểu thì hỏi, không được giấu dốt, đã hiểu rồi thì bảo lại cho bạn cùng hiểu.

Rồi Bác lấy cái hộp thuốc lá của Bác đưa cho tôi. Bác nói:

- Bác cho cháu cái hộp này để đựng kim chỉ, ngoài giờ học thêu, thùa, vá, may. Con gái phải biết làm những việc đó.

Tôi sang nước bạn ở khu học xá, rồi vào trường sư phạm. Tốt nghiệp xong, tôi về nước, dạy học ở Việt Bắc cho đến ngày kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tôi trở về tiếp quản Thủ đô.

Trích từ sách *Bác Hồ ở Việt Bắc*,
Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội,
2011, tr. 500-501.

CHIẾC ÁO TRẦN THỦ BÁC CHO

TRIỆU HỒNG THẮNG*

Mỗi ngày sống bên Bác là mỗi ngày tôi được thêm những bài học vô cùng quý báu. Bác chỉ bảo từng li từng tí.

Một kỷ niệm mà mỗi khi nhắc lại tôi thường bồi hồi xúc động, đó là chuyện Bác cho tôi chiếc áo trần thủ.

Mùa đông năm ấy, Việt Bắc rét hơn mọi năm. Chúng tôi sống trong hang đá, lại càng rét. Sáng ra sương muối xuống dày đặc, làm con buốt chân tay. Khi mới về công tác với Bác, tôi chỉ có một bộ quần áo vải mộc. Mấy hôm liền, tôi đi công tác, ngực bị lạnh, làm tôi ho luôn.

Hôm ấy vào đưa thư cho Bác. Tôi đã cố nhịn ho nhưng không sao chịu được.

Thấy tôi ho, Bác hỏi:

- Chú ốm à, chú Thắng?

* Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc.

- Thưa Bác, không ạ!

Bác nhìn tôi:

- Sao trông người chú khác thế?

- Không ạ. Chưa nói xong tôi đã ho rú ra...

Bác liền đứng dậy:

- Chú không có áo rét à?

Bấy giờ cán bộ còn nghèo. Tôi ngân ngừ định không nói thật, nhưng rồi không dám dối Bác. Trả lời xong, tôi quay ra thì Bác gọi lại và đến đầu giường lật tấm chăn mỏng, lấy ra chiếc áo trán thủ màu ngả vàng, Bác vẫn thường mặc, đưa cho tôi, Bác nói:

- Chú mặc tạm cái này cho đỡ lạnh. Mùa đông cốt nhất phải giữ ngực cho ấm.

Tôi không dám cầm. Mùa rét, Bác cũng chỉ có một chiếc áo trán thủ và một chiếc áo khoác ngoài. Mà Bác đã già rồi, ít chịu được rét. Thấy tôi chần chừ, Bác bảo:

- Chú mặc đi, cho đỡ rét.

- Thưa Bác...

- Chú cứ mặc vào.

Nhin đôi mắt trìu mến của Bác, tôi không dám từ chối nữa. Bác giúp tôi cài cẩn thận từng cúc áo một. Có chiếc áo của Bác, ngực tôi ấm dần. Ấm bằng hơi ấm của bông và cả bằng tình thương của Bác. Nhờ có chiếc áo trán thủ, tôi dần dần khỏi ho.

Tôi giữ gìn chiếc áo Bác cho rất cẩn thận. Chỉ những lúc thật rét mới mặc.

Tôi có ý định giữ chiếc áo đó làm kỷ niệm, nhưng tôi không thực hiện được ý định. Một năm, tôi về nhà ăn Tết, dân tộc Dao chúng tôi sống du canh du cư, làm ăn thất thường, nên đời sống đói khổ. Trời rất rét, bố tôi vẫn chỉ có một manh áo mỏng. Thương bố quá, tôi đã biếu bố chiếc áo trán thủ. Chiếc áo trán thủ đã sờn, nhưng là chiếc áo ấm đầu tiên trong đời bố tôi được mặc. Bố tôi vui lắm! Nếu biết là chiếc áo của Bác Hồ cho, chắc bố tôi sẽ vui sướng biết chừng nào! Nhưng vì nguyên tắc bí mật, tôi không dám nói.

Bố tôi mặc được mấy năm chiếc áo vẫn còn tốt.

Theo phong tục người Dao, khi chết, người ta chôn theo tất cả những đồ quý giá của người đó lúc sống đã dùng. Bố tôi chết, gia đình cũng đã bỏ chiếc áo trán thủ chôn theo. Chiếc áo trán thủ Bác cho đã làm ấm ngực tôi, sưởi ấm ngực bố tôi, nay bố tôi đã mất, chiếc áo lại theo xuống suối vàng mãi mãi sưởi ấm cho linh hồn bố tôi. Phải chăng đó cũng là một niềm vinh hạnh cho gia đình chúng tôi.

CHÚ RA XEM BỘ ĐỘI CÓ BỊ UỐT KHÔNG?

VŨ HỒNG

Chiều ngày 27-2-1951, khi Đại đoàn 304 tập kết về vị trí đóng quân đầy đủ thì Bác Hồ và một cán bộ đi ngựa đến. Trời mưa rả rích, đường sá lầy lội.

Bộ đội chỉ đoán chừng là khách cấp trên của Đại đoàn đến thăm đơn vị trước khi đi chiến dịch Thượng Lào.

Tối, Bác xuống nhà bếp của Đại đoàn bộ. Thấy các đồng chí nuôi quân, tuy trời đang tiết lạnh mà mồ hôi đầm đìa bên bếp lửa, Người lấy ra trong túi một quả cam rồi nói:

- Anh nuôi vất vả nhiều, Bác thường các chú...

Các chiến sĩ nhận ra Bác, cầm quả cam chưa nói được gì, Bác đã bước xa.

Đêm ấy, Bác vẫn làm việc. Khuya lăm Bác mới ngả lưng nghỉ trên sàn nứa, trong một cái lán dựng tạm, lợp lá cọ.

Sáng sớm, trời vẫn mưa. Chợt tỉnh giấc nghe thấy tiếng mưa, Bác gọi đồng chí Chính ủy Đại đoàn:

- Chú Quang¹ đâu! Ra xem bộ đội có ướt không đi?

Trích từ sách *Bác Hồ với chiến sĩ*,
Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội,
2001, tr. II.

1. Trần Quang - Bí thư Đảng ủy Đại đoàn 304 lúc bấy giờ.

BÁC CHỮA BỆNH CHO TÔI

Đại tá NGUYỄN VIỆT DŨNG *kể*
CAO BÁ SÁNH *ghi*

Tôi là người dân tộc Thổ, quê ở Chợ Đồn, Bắc Kạn, vào Quân Giải phóng năm 1945. Ngày rời quê hương tôi còn trẻ lấm. Trước khi lên đường, bố mẹ cưới vội cho một cô gái thôn quê, xinh đẹp và chất phác làm vợ. Cưới buổi sáng, thì buổi chiều tôi ra đi. Các đơn vị giải phóng quân của ta thời kỳ đầu năm 1945 phát triển mạnh ở Tân Trào. Tôi đến đó và được biên chế vào đơn vị của Quang Trung (Đàm Quang Trung). Được biết đây là đơn vị giải phóng quân làm nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ cơ quan quan trọng của cách mạng, nên tôi càng tự hào và lấy làm vinh dự.

Cuộc sống của giải phóng quân lúc đó còn nhiều khó khăn, thiếu thốn lấm. Vừa tập luyện gian khổ, vừa phải tăng gia tự túc lương thực và lo ăn từng bữa.

Sau lớp huấn luyện tuy ngắn ngày nhưng vô cùng vất vả đầu tiên thì tôi bị ngã bệnh. Người

mệt, và những cơn sốt rét rùng ập đến buộc tôi phải nằm liệt ở doanh trại (lán). Lần đầu tiên trong đời gặp phải cái bệnh quái ác này hành hạ, mặc dù sức lực thanh niên cường tráng nhưng tôi thật khốn khổ. Khi bị rét, phải quấn chặt đến hai chiếc chăn nhưng người cứ run lên, hai hàm răng đập vào nhau cầm còng. Những lúc như thế, tôi chỉ ước được vài người nằm đè lên, hoặc có một lò than thật hồng bên cạnh thì may ra mới kìm được. Cơn rét ghê gớm vừa qua, thì toàn thân lại nóng lên cứ rùng rực trong người như có lò than, đau đau như có người lấy dùi sắt đâm vào, khó chịu đến nỗi muốn lấy đá đập vào cho đỡ. Cơn sốt nóng là vậy nhưng cũng không dám bỏ chăn ra, vì khi gặp không khí lạnh ngoài trời, cả người lại ớn lên, gai gai dở say dở tỉnh đến dể sợ. Những lúc như vậy, nằm nhà một mình tôi lại nghĩ vẩn: Giá như những lúc thế này, còn ở nhà thì thế nào mẹ hoặc em gái đang đánh cảm hoặc nấu lá xông cho mình. Hoặc cô vợ trẻ đang ngồi bên với vẻ mặt lo âu đang ép mình cố ăn bát cháo nóng nấu với lá tía tô để giải cảm, v.v.. Nghĩ hết chuyện ở nhà lại nghĩ đến chuyện hiện tại: Ở đây tình đồng chí đồng đội thật cao cả, nhưng mọi thứ còn thiếu thốn quá. Tình cảm ấm áp tình đồng chí đồng đội, đôi khi làm tôi thêm sức mạnh để vượt qua bệnh tật... Đang mải suy tư lần thẩn trên giường bệnh, tôi chợt nghe như có người bước nhẹ

nhẹ đến bên mình rồi ngồi xuống bên cạnh. Tưởng là có đồng đội đổi gác trở về, nên tôi cứ trùm chăn mải mê trong dòng suy nghĩ miên man. Một bàn tay mát dịu luồn vào chăn, sờ lên trán tôi và tiếp đó là tiếng hỏi ấm áp thân thuộc:

- Đồng chí nào mệt đây?

Tôi giật mình nhận ra tiếng ông cụ thương cấp ở núi Hồng mà hằng ngày đơn vị Quang Trung có nhiệm vụ bảo vệ tuyệt đối an toàn cho cụ. Tôi vội thò đầu ra khỏi chăn. Tay ông cụ vẫn đặt trên trán tôi, đôi mắt sáng của cụ nhìn như ôm lấy tôi, sưởi ấm cho tôi. Ông cụ hỏi: "Đồng chí có mệt lắm không?" Tôi cảm động quá, vội thưa:

- Thưa cụ, cháu bị sốt rét, giờ đã hết cơn.

Ông cụ vừa nhìn tôi âu yếm, gật đầu bảo: "Đồng chí bị sốt quá. Nhưng đừng nằm, cố ngồi dậy dựa vào cột cho đỡ nặng đầu, tôi đi lấy thuốc cho đồng chí uống".

Nghe nói đến thuốc, tôi cảm thấy như mình đã khỏi bệnh. Mỗi viên thuốc trong hoàn cảnh khó khăn ở rừng núi lúc này quý giá biết bao. Được ông cụ chăm lo săn sóc, tôi cảm thấy như mình đang sống giữa tình thương cảm của gia đình, người thân và đồng đội. Tôi cảm thấy ngài ngại, vì ông cụ có biết bao việc lớn cho cách mạng đang phải làm. Mà cụ cũng thường bị sốt rét luôn chứ có khỏe lắm đâu. Tôi định thưa lại, nhưng ông cụ đã đi rồi. Nhìn theo mái tóc đã bạc quá nửa, thân

hình yếu, da xanh, đôi vai gầy của cụ mà lòng cứ nao nao. Tôi biết rất rõ giờ này là giờ cụ đang đọc sách và đánh máy tài liệu, nhưng sao ông cụ biết tôi ốm đến lán thăm tôi. Có thể trong lúc cơn rét và sốt tôi đã rên, và nói mơ gì đó nên ông cụ biết. Tôi thật ân hận nhưng tất cả đều đã muộn. Đang mải suy nghĩ thì ông cụ đã lại đến. Thấy ông cụ đến tôi thấy như mình có lỗi và cơn sốt rét như đã khỏi hẳn. Tôi vội vùng dậy, tung chăn, ngồi dựa vào cột, như người lính sẵn sàng nhận nhiệm vụ xung trận. Thấy vậy, ông cụ cười hiền hậu và bảo:

- Đồng chí cố gắng như vậy là tốt.

Tay ông cụ cầm một lọ con, bên trong còn khoảng chục viên thuốc ký ninh màu trắng. Cụ lấy ra bốn viên, đưa cho tôi và dặn: "Bây giờ đồng chí uống một viên, chiều uống một viên. Ngày mai cũng thế, bệnh sốt rét của đồng chí sẽ hết"... "Và khi bệnh đã đỡ rồi đồng chí phải gắng đi lại, nằm nhiều "con ma" ốm nó sẽ quật lại đấy. Đồng chí uống thuốc đi, tôi về làm việc".

Ông cụ đi rồi, mà tôi vẫn lặng nhìn theo không nói nên lời kể cả lời cảm ơn, vâng, dạ... khi cụ dặn. Tôi thật có lỗi. Từ khi cha sinh mẹ đẻ đến giờ, những người dân tộc chúng tôi nào ai đã biết đến viên thuốc thế này đâu. Uống xong viên thuốc người tôi như cảm thấy căn bệnh quái ác dần dần bị khuất phục. Trong miên man, tôi nghĩ chắc đây là loại thuốc mà Trung ương chuẩn bị cho cụ chữa

bệnh sốt rét. Thế mà ông cụ lại dành cho tôi, một thanh niên dân tộc từ quê hương có ngọn núi Cứu Quốc mới chập chững những bước ban đầu đi theo cách mạng. Tình cảm của ông cụ sao bao la và thân thương là vậy, ám áp là vậy. Nhớ lại buổi đầu đến đơn vị, tôi thậm chí chưa hiểu công sản là gì, tại sao lại có Việt Minh và bây giờ lại có cả cộng sản? Trong buổi huấn luyện đầu tiên, điều khúc mắc ấy trong tôi đã được ông cụ Núi Hồng, người giảng bài chính của lớp, đã khai sáng cho cái đầu u tối của tôi. Được bố nuôi dạy suốt 18 năm về mọi điều, nhưng thực tình mới chỉ được ông cụ chỉ bảo có mấy ngày mà tôi thấy như cụ dạy tôi nhiều hơn, đầu tôi như được khai sáng nhiều hơn.

Uống hết liều thuốc ông cụ cho, thực hiện theo lời cụ dạy, tôi không những đã khỏi bệnh sốt rét mà sức trai như cường tráng hẳn lên. Trong tôi như có một nghị lực và tinh thần cách mạng kiên cường khác hẳn chàng thanh niên dân tộc mới ngày nào đó còn bõ ngõ, rụt rè, hiểu biết hạn hẹp.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, tôi theo đơn vị về Hà Nội, được biết chính ông cụ thượng cấp ở Núi Hồng ấy nay là Chủ tịch Hồ Chí Minh của nước Việt Nam. Sung sướng, tin tưởng, chen lấn tự hào, lòng tôi nao nao đến khó tả và đôi mắt nhòa lệ khi nhớ đến hình ảnh cách đây mới hai tháng.

Tháng 4 năm 1972

CHÚ LÀ HIẾU MÀ LÍNH CỦA CHÚ ÍT HIẾU

Đồng chí HIẾU kê
NGUYỄN ĐỨC ghi

Tháng 7-1954, Hiệp định Giơnevơ vừa được ký kết. Chúng tôi đang chuẩn bị cho Trung đoàn học tập Nghị quyết của Trung ương. Bỗng một sáng Bác đi công tác qua, đã vào thăm đơn vị.

Bác buộc ngựa vào một thân cây, đầu doanh trại, bước nhanh vào "lán" của chúng tôi. Chưa kịp đánh kẽng tập trung đơn vị, cán bộ và chiến sĩ đã ùa ra vây quanh Bác. Tiếng hô "muôn năm, muôn năm" vang dậy cả khu rừng.

Tôi là Trung đoàn trưởng, nên tự chấn chỉnh trang phục, dẫn anh em chạy ra định mời Bác vào nhà khách. Bác ra hiệu không cần thiết, bảo anh em ngồi xuống để Bác bắt đầu nói chuyện.

Bác phân tích tình hình kháng chiến của ta, tình hình thế giới, tình hình ký kết Hiệp định Giơnevơ và việc thi hành Hiệp định. Tuy là những vấn đề "hắc búa" nhưng Bác diễn tả cụ thể, rõ

ràng, "lính ta" cứ gật gù đồng tình, tỏ vẻ nhận thức được. Tôi đứng cách Bác mấy bước thấy vậy cũng khấp khởi mừng thầm trong bụng.

Nói xong Bác hỏi:

- Có chú nào thắc mắc gì nữa không?
- Thôi ạ, thôi ạ!

Tôi nghĩ, "thôi ạ" nhiều quá thế này, ông cụ lại chất vấn cho một câu, anh nào mà bí thì chết...

Cũng có anh em định hỏi, nhưng ý sợ Bác bận ít thời gian, lại cũng có người ngại can bộ...

Bỗng có một chiến sĩ đứng lên, Bác khuyến khích:

- Cháu cứ hỏi đi!

Anh lính bỏ mũ nan lợp lá cọ cầm trong tay xoay xoay vành, ấp a, ấp úng:

- Thưa... dạ thưa Bác, khi Bác nói chuyện, Bác có kể về Sài Gòn. Cháu... cháu xin hỏi "cái nước Sài Gòn" họ ở đâu ạ?

Tôi đứng chết lặng đi.

Bác hơi thoảng buồn, nhìn quanh tìm, tìm được một cái que, rồi tiến ra một mảnh đất không có cỏ nói:

- Các cháu lại đây!

Bác vẽ bản đồ Việt Nam rồi chỉ dẫn:

- Đây là nước ta. Phía Bắc giáp... phía Tây giáp... Thủ đô của ta là Hà Nội, Việt Bắc, Thái Nguyên ở đây, Thanh Hóa đây, Huế đây, Sài Gòn đây... Vậy Sài Gòn là của nước ta hay của nước nào?

Tiếng trả lời ồn ào hẳng lên. Bác đưa mắt hỏi
đồng chí đã thắc mắc.

- Dạ, thưa Bác, Sài Gòn là nước ta ạ!

Bác gật đầu.

Lát sau, Bác bảo anh em về tiếp tục học tập để
Bác còn đi công tác...

Chúng tôi tiễn chân Bác xuống đồi. Tôi dắt
ngựa đi theo Bác. Bác hỏi:

- Chú nào là cán bộ phụ trách ở đây?

Tôi khẽ thưa:

- Dạ, cháu ạ!

- Chú tên là gì?

- Dạ, tên cháu là Hiếu ạ!

Bác dừng chân nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Tên chú là Hiếu mà lính của chú ít hiểu biết
quá... Có bao nhiêu cháu chưa biết chữ?

- Dạ có đến vài chục người.

Bác nói:

- Chú mở lớp bình dân, dạy cho chiến sĩ, một
tháng rưỡi sau Bác sẽ trở lại kiểm tra...

Câu nói và cái nhìn của Bác năm ấy cho đến
bây giờ không sao tôi quên được và tôi cứ hối hận
mãi như có lỗi với Người.

MĂNG MAI CŨNG PHẢI CÓ NGƯỜI TRỒNG

Chiến sĩ Hợi trên đường đi công tác về, trong khi lội qua nhiều suối, khe, anh đã bắt được mấy xâu cá. Anh thấy cần kiềm ít măng tươi.

Đến một con suối lượn quanh một quả đồi nhỏ, có rất nhiều khóm mai, dưới gốc đang trổ nhiều măng.

Thật là ước gì được nấy!

Hợi vội chặt hai chiếc măng to, rồi rảo bước về cơ quan để kịp bữa cơm chiều. Nghĩ tới lúc trên mâm cơm có thêm món cải thiện, thì trong bụng cứ lâng lâng.

Tới cơ quan, vừa hết giờ làm việc. Bác cùng mấy chiến sĩ cảnh vệ đang chuẩn bị đi tăng gia. Thấy Hợi đi công tác về lại bắt được nhiều cá, kiềm được cả măng to, mấy anh em cùng xúm lại coi.

Nhin thấy măng, Bác ngạc nhiên hỏi:

- Chú mua đâu được măng mai to vậy?
- Thưa Bác, cháu kiếm ở rừng ạ!

Hợi phấn khởi thưa với Bác, không ngờ thấy Người nghiêm nghị nói:

- Không phải, chú xem những dải rừng quanh đây, nhân dân chỉ kiếm măng nứa, măng giang hoặc măng vầu thôi. Còn măng mai là của nhân dân trồng, sao chú lấy?

Hợi lo lắng trình bày lại:

- Thưa Bác, quả thực là mai rừng mà, ở đó xa bản, các khóm mai đều mọc trên bờ suối, ven theo một ngọn đồi...

Bác hỏi lại:

- Chú kể cho Bác xem hình dáng các khóm mai thế nào?

Câu hỏi của Bác làm cho Hợi nhớ lại. Phải rồi, nếu là mai rừng tất nhiên bụi phải dày, nhiều tầng, nhiều gốc. Gốc già gốc trẻ chen nhau. Còn những khóm mai mà Hợi lấy thì chừng bốn hay năm tuổi, các cây bằng nhau đều đặn. Hợi càng nghĩ càng ngắn người ra.

Biết Hợi đã nhận ra cái sai của mình, Bác liền bảo:

- Chú mang tiền, mang măng vào bản gần những khóm mai nhất, hỏi xem của ai rồi xin lỗi và bồi thường đi. Như vậy đồng bào sẽ hiểu chúng ta.

Hợi tuân theo lời Bác tối bản mới rõ: Nhân dân miền núi ít bản làm vườn quanh nhà. Song, ai đã khai phá miếng đất nào, trồng cây gì là của người ấy và được mọi người tôn trọng. Cụ chủ của những khóm mai ấy cũng vừa đi thăm mai

về, đang buồn về việc mất hai cái măng to. Thấy Hợi đưa măng tới xin lỗi và xin đền tiền, cụ rất mừng nói:

- Chú không biết nên làm cái sai, nay biết mà xin lỗi thì nhân dân yên cái bụng lấm! Chú mang măng về mà dùng. Chắc là có cần mới lấy! Người già xin cảm ơn cơ quan có người đã chỉ cho chú biết cái sai.

Cụ dừng lại vẻ suy nghĩ rồi dặn tiếp:

- Lần sau chú có đi lấy măng ở rừng, thì nhớ chặt những cái mắt măng, hay những măng nhỏ. Như vậy, cũng như làm cỏ cho cây mà. Còn măng to dù của rừng cũng phải để lại, để nuôi cái rừng mà. Cái gì cũng vậy, ta có nuôi nó, nó mới nuôi ta.

Nghe cụ già nói, Hợi càng thấy: ý Bác, lòng dân là một.

Trích từ sách *Bác Hồ kính yêu*,
Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1979, tr. 80-82.

CÙNG BÁC QUA SUỐI

NGỌC CHÂU

Một lần đi công tác cùng Bác qua suối, hai chiến sĩ cảnh vệ vội lại gần toan đỡ Bác, Bác bảo:

- Bác đi được, các chú cứ đi đi.

Nói rồi, tay chống gậy, tay xắn quần, Bác bước xuống suối. Hai chiến sĩ cảnh vệ đi hai bên, phòng giúp Bác khi gặp khó khăn. Bác vừa cẩn thận đi từng bước vừa lấy gậy dò mực nước. Thỉnh thoảng Bác nhắc các đồng chí đi sau: "chỗ này sâu, khéo ướt quần!", hoặc "chỗ này rêu trơn đi cẩn thận!"...

Gần qua hết suối, chợt Bác trượt chân suýt ngã. Hoảng quá, các chiến sĩ vội đến đỡ Bác, thấy Bác đã đứng vững anh em mới yên tâm. Bác vẫn chưa đi. Người cui xuống xem lại chỗ vừa bị trượt chân và nói:

- Hòn đá đã tròn lại có nhiều rêu trơn, hơn nữa chỗ này sắp đến bờ, thường dễ sinh ra chủ quan, nên rất có thể bị ngã.

Nói xong, Bác cui xuống vừa vút hòn đá ấy đi nơi khác vừa nói:

- Phải tránh cho người đi sau khỏi ngã.

Một lần khác, Bác cháu lại lội qua suối. Ở đây có những hòn đá to nổi lên trên mặt nước, chỉ việc bước từ hòn đá này sang hòn đá kia mà đi một cách dễ dàng.

Khi Bác qua hết suối, một chiến sĩ đi sau chót xảy chân bị ngã. Thấy vậy, Bác dừng lại bên bờ đợi. Đồng chí chiến sĩ đi tới, Bác hỏi:

- Chú ngã có đau không?

- Dạ, không sao ạ!

- Thế chú có biết tại sao bị ngã không?

- Tại hòn đá bị kênh ạ!

- Cần phải kê lại để người khác qua suối không còn bị ngã nữa. Vâng lời Bác, đồng chí chiến sĩ vội quay lui kê lại hòn đá. Xong đâu đấy, Bác, cháu mới tiếp tục lên đường. Vừa đi Bác vừa dặn:

- Khi ngã cần phải xem tại sao mình bị ngã, để lần sau mà tránh. Cái gì đã làm cho mình ngã thì phải vứt bỏ nó đi để tránh cho người sau.

Trích từ sách *Bác Hồ kính yêu*,

Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1979, tr. 82-83.

Phần III

BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI

CUỘC GẶP BẤT NGỜ

NGUYỄN HOÀNG *ghi*

Đồng chí VŨ KỲ *kể*

Đồng chí Vũ Kỳ, Thư ký của Bác kể lại:

Một lần vào đầu mùa xuân 1963, sau khi thăm cơ sở xong, trên đường về Hà Nội, thấy ngọn đồi có cây cối xum xuê, Bác cho nghỉ lại. Lúc này, giữa trưa nắng vé, mấy Bác cháu giờ cơm nắm vừa ăn vừa ngắm cảnh.

Vừa ăn xong, ngồi nghỉ được một lát thì nghe có tiếng lội bì bõm và tiếng người nói rì rầm. Mấy đồng chí đi theo Bác chạy ra thì thấy hàng chục thiếu nhi trai có, gái có, cháu cầm cà cỏ, cháu xách rổ hái rau, đang hướng về gốc cây to chõ Bác ngồi nghỉ. Đồng chí bảo vệ báo cáo tình hình với Bác, Bác cười:

- Các chú đi mời các cháu lại đây chơi với Bác, nhưng nhớ đừng làm các cháu sợ.

Các cháu sung sướng chạy ùa đến và quây thành vòng tròn quanh Bác, cháu nào cũng hớn hở vui mừng.

Bác trìu mến nhìn khắp lượt và hỏi vui:

- Các cháu làm gì mà đông thế?

Một bé trai dáng láu lỉnh lẽ phép đáp:

- Thưa Bác, một bạn thấy Bác xuống xe liền bảo chúng cháu ra xem Bác ạ!

Bác cười rất vui vẻ:

- Muốn xem à? Bác ngồi đây cháu nào muốn xem thì xem cho kỹ.

Cả Bác, cháu và các chú cùng đi cười vui vẻ.
Bác hỏi tiếp:

- Các cháu đều đi học cả chứ? Ở đây có cháu nào không được đi học không?

- Dạ, chúng cháu đều đi học cả ạ!

Bác cười hiền hậu:

- Thế là tốt! Thế các cháu học có giỏi không? Có ngoan không nào?

Nhiều cháu phấn khởi trả lời Bác:

- Có giỏi ạ! Có ngoan ạ!

Bác gật đầu hài lòng và bảo các cháu hát. Các cháu đưa mắt nhìn nhau và cùng hát vang bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng*.

Thế là giữa thiên nhiên trời đất bao la, một dàn đồng ca gồm các nghệ sĩ tí hon biểu diễn say sưa dưới bàn tay bắt nhịp của Bác Hồ kính yêu.

Hát xong, Bác triều mến nhìn các cháu và cất giọng hiền từ:

- Bác cảm ơn các cháu đến thăm Bác, hát cho Bác nghe. Bác mong các cháu học chăm, học giỏi, vâng lời thầy cô và cha mẹ. Böyle giờ Bác phải đi tiếp, Bác cháu ta tạm chia tay nhau ở đây.

Báo Thiếu niên Tiền phong,

số Xuân Giáp Tuất 1994.

CHUYỆN CỦA GIA ĐÌNH TÔI

NGUYỄN ĐÌNH TIỀM

Câu chuyện tự thuật cảm động của ông Nguyễn Đình Tiêm và một niềm kính trọng sâu sắc với Bác Hồ qua những lời răn dạy của Người, với nhan đề "Chuyện của gia đình tôi":

Sáu đứa con của tôi, nay đã trưởng thành, đứa bộ đội trong Nam, đứa là cán bộ nhà nước... Nhìn thằng con trai trưởng Nguyễn Văn Hiền - hiện là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi bồi hồi nhớ lại cách đây 35 năm, gia đình tôi sống tại Lâm trường Con Cuông.

... Hôm đó là ngày 15-6-1960, tôi vừa lên lâm trường bộ thì có tiếng la ó: "Cháy nhà! Cháy nhà! Bà con ơi! Ông Tiêm ơi, ông sinh con, sao không biết dạy con, nó đã đốt cháy cái nhà bếp của tôi...". Tôi lôi thằng Hiền vào nhà, treo cổ nó lên, đánh nó lia lịa, nhiều người vào can tôi, tôi càng hùng hổ hơn. Một cậu thanh niên khỏe mạnh đã giũ tay tôi lại, mở trói và đưa thằng Hiền đi trốn, hai ngày sau thấy tôi bớt giận,

mới trả thằng Hiền về cho tôi... Lúc đó cháu mới 5 tuổi.

Sau 15 ngày, báo *Lao động* có đưa tin về vụ đánh đập con tàn nhẫn của tôi... Một tuần sau, có thư của Bác Hồ gửi về cho Ban Giám đốc, Công đoàn Lâm trường Con Cuông. Bác đề nghị kiểm điểm tôi: "Các đồng chí phải kiểm điểm chú ấy, làm sao để chú ấy thấy được việc đánh con như thế, Bác Hồ không bàng lòng, Bác bất bình lắm... kết quả thế nào, báo cáo lên cho Bác biết".

Nghe đồng chí giám đốc trao đổi lại, tôi đã khóc trước mặt đồng chí. Về nhà tôi ôm cháu vào lòng khóc, nghẹn ngào nói với cháu: "Bố xin lỗi con, con hãy tha thứ cho bố, bố vì giận quá đã mất khôn, từ nay về sau, bố không bao giờ đánh con như thế nữa".

Tối hôm đó, khi ngồi viết bản tự kiểm điểm đến tận khuya, tôi càng thấm thía những lời Bác khuyên răn và ý thức được rằng, không những Bác Hồ chỉ dành nhiều thời gian lo cho việc đại sự quốc gia, Bác còn dành nhiều thời gian chăm lo cho cuộc sống ấm no, yên bình của nhân dân.

Nguyệt san *Sự kiện và nhân chứng*,
số 17, tháng 5-1995.

NIÊM VUI BẤT NGỜ

PHẠM ĐỨC *ghi*
Đồng chí VŨ KỲ *kể*

Vào một buổi sáng nắng đẹp, cô giáo Mỹ dẫn các cháu lớp mẫu giáo đi chơi vườn Bách thảo.

Thường ngày ở lớp, cô hay kể cho các cháu nghe nhiều mẫu chuyện về Bác. Những lúc ấy, các cháu ngồi rất chăm chú. Nhiều lần các cháu xúm lại quanh cô mà hỏi những câu thật đáng yêu:

- Thưa cô, nhà Bác Hồ ở phố nào ạ?
- Thưa cô, hôm nào cô dẫn chúng cháu đến thăm nhà Bác Hồ ạ!

Thật khó mà trả lời được hết những câu hỏi của các cháu. Cô giáo chỉ biết dặn các cháu phải ngoan ngoãn nghe lời cô dạy, giữ vệ sinh để nếu có dịp gặp Bác sẽ báo cáo với Bác.

Hôm ấy đưa các cháu đi chơi qua cổng Phủ Chủ tịch, cô giáo dẫn các cháu đứng sát cổng, chỉ vào trong và nói cho các cháu biết Bác Hồ làm việc ở đó. Thế là hàng ngũ các cháu lộn xộn và tất cả các cháu đều nhảy lên reo:

- Nhà Bác Hồ, nhà Bác Hồ đẹp quá!

Nơi đây vốn yên tĩnh, bỗng trở nên ồn ào vì mấy chục cháu nhỏ. Đồng chí công an đứng gác ở đó vội đi tới nói với cô giáo:

- Đề nghị cô dẫn các cháu sang bên kia đường xem cho có trật tự.

Nghe đồng chí công an nói, cô giáo cảm thấy mình đã làm một điều gì sai, mặt cô bỗng đỏ bừng, cô ân hận đã để các cháu làm ảnh hưởng đến công tác của các đồng chí. Cô vội thổi còi để tập hợp các cháu lại, nhưng các cháu cứ nhảy lên ríu rít:

- Cô cho chúng cháu xem nhà Bác Hồ một tí nữa.

Trước tình hình đó, cô rất lúng túng và khó xử, cô nghĩ: "Đúng là để các cháu đứng gần nơi gác là không nên, nhưng đang lúc các cháu vui vì được thấy nơi làm việc của Bác mà đưa được các cháu sang phía bên kia đường, quả là khó".

Cô nói với đồng chí công an đứng gác:

- Xin phép đồng chí, để cho các cháu đứng chơi thêm một lúc.

Vừa lúc đó, cánh cổng xanh Phủ Chủ tịch bỗng từ từ mở, một đồng chí cán bộ vui vẻ đi ra nói với đồng chí công an đứng gác và cô giáo:

- Cho các cháu vào trong vườn xem.

Cô giáo còn đang sững sốt không hiểu ra thế nào thì đồng chí công an lại giục:

- Kìa cô giáo cho các cháu vào đi chứ!

Đưa các cháu vào Phủ Chủ tịch! Thật là việc quá bất ngờ đối với cô nên cô cứ cuống quít gọi các cháu theo đồng chí cán bộ đi nhanh qua cổng. Cánh cửa lại từ từ khép lại. Không biết các cháu lúc đó nghĩ thế nào, còn cô thì vừa mừng vừa lo...

Cô hồi hộp hướng dẫn các cháu đi hàng hai, vòng quanh theo đường vườn hoa vào phía trong Phủ Chủ tịch. Đồng chí cán bộ vừa đi vừa hỏi chuyện cô và hỏi chuyện một số cháu. Bỗng Bác Hồ xuất hiện, tất cả cô và cháu, không ai bảo ai, đều reo lên:

- A Bác! Bác Hồ! Bác Hồ!

Các cháu như bầy chim ríu rít bay về phía Bác. Bác tươi cười đi lại đón các cháu. Từ những miệng hồng nhõm nhắn xinh xinh, cất lên những tiếng cười đáng yêu:

- Chúng cháu chào Bác ạ! Chúng cháu chào Bác ạ!

Niềm vui sướng trong lòng cô giáo cứ rộn lên xúc động. Cô không biết nói gì với Bác. Cô cứ đứng lặng nhìn Bác.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - SỨ GIẢ CỦA TÌNH HỮU NGHỊ

LÊ BÁ THUYỀN

Ở Nam Tư, ngay từ buổi chiều mới đến, các vị lãnh đạo ở đây hướng dẫn Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Thủ đô. Ghé vào thăm một cửa hàng giải khát đang đông khách, Bác thấy một cháu bé ngồi trước cốc kem.

Bác Hồ lại gần, thân mật cầm chiếc thia xúc kem bón cho cháu nhỏ.

Sáng hôm sau, các báo ở Bêográt đều đăng trang trọng ở trang nhất bức ảnh Bác Hồ bón kem cho cháu bé Nam Tư, hiền từ, âu yếm như một người ông.

Báo *Nhân dân*, số ra ngày 5-5-1990.

QUẢ TÁO CỦA BÁC HỒ

Năm 1946, Bác Hồ sang thăm nước Pháp theo lời mời của Tổng thống Pháp. Nhân dân và thiếu nhi Pháp luôn luôn tụ tập chờ đợi và vẫy tay hoan hô Người tại các nơi Người đi qua hay tới thăm. Có một câu chuyện mà cho đến nay, nhân dân và thiếu nhi nước Pháp vẫn còn nhắc nhở với tất cả tấm lòng trùm mến và cảm phục. Đó là câu chuyện quả táo.

Hôm ấy, Tòa thị chính Pari mở tiệc lớn đón mừng Bác. Tiệc tan, các thị trưởng (thành phố Pari có nhiều thị trưởng) mời Người ra phòng lớn uống nước và nói chuyện. Bác vui vẻ đứng dậy và cầm một quả táo đem theo. Nhiều người ngạc nhiên, nhiều con mắt mò mòn chú ý.

Bác ra đến ngoài thì có một đám thiếu nhi ríu rít chạy tới chào. Bác tươi cười bế một em gái nhỏ nhất lên hôn và đưa cho em quả táo. Mọi người bấy giờ mới vỡ lẽ và rất cảm động trước cử chỉ thương yêu của Người.

Ngày hôm sau, câu chuyện "Quả táo của Bác Hồ" đều được các báo Pháp đăng lên đầu trang

nhất. Các báo còn kể lại rằng em bé gái khi nhận được quả táo đó thì giữ khư khư trong tay, ai xin cũng không cho. Lúc về nhà, em để quả táo trên bàn học. Cha mẹ em bảo: "Con ăn đi, kẻo để lâu sẽ hỏng, không ăn được". Nhưng em nhất định không ăn. Em nói: "Đó là táo của Bác Hồ cho con, con sẽ giữ thật lâu để làm kỷ niệm".

Theo sách *Bác Hồ kính yêu*,
Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1979.

CÚNG HỒ BIẾT THUỐC GIỎI LẮM!

Thời kỳ ở Pác Bó, do phải giữ bí mật, Bác ít tiếp xúc với các cháu ở bên ngoài mà thường chỉ ra vào khu nhà đồng chí Đại Lâm. Nhà đồng chí Đại Lâm rất đông anh em và rất nhiều cháu bé. Những lần Bác ra chơi, ngoài những khi trò chuyện với ông cụ thân sinh đồng chí Đại Lâm, Bác thường chơi đùa và chăm sóc các cháu nhỏ.

Các cháu nhà đồng chí Đại Lâm đông, nên hai ông bà chăm sóc không xuể. Các cháu thường chơi nghịch đất cát, quần áo lem luốc, bẩn thỉu, lại do đời sống vệ sinh còn lạc hậu nên nhiều cháu đầu bị chốc lở, tanh tưởi mà không có thuốc chữa chạy.

Thấy tình cảnh ấy, có hôm Bác bảo đun nước nóng, rồi tắm, giặt quần áo cho các cháu. Cháu nào bị chốc đầu, Bác tự tay chữa trị.

Đồng chí Đại Lâm đã kể lại chuyện rằng:

"Biết Bác thường dậy sớm, tôi vội trả dậy nhóm lửa. Bác từ trong nhà ra, đi về khe nước. Một lát sau, Bác quay lại, từ dưới nhà gọi lên:

- Cuốc đâu, cho Bác mượn bốn cái.

Tôi lấy cuốc đưa xuống, Bác gọi ba đồng chí đi theo:

- Các cô chú ra đây, giúp Bác một tay!

Bác phân cho mỗi người một cái cuốc, rồi cùng vác lên vai đi. Khe nước mùa đông cạn, nước đọng thành từng vũng. Bác và mấy đồng chí cuốc dọn xung quanh và lấy cây rào bến nước lại. Xong việc Bác quay về nhà. Đến dưới sàn, Bác nhấc thử chiếc loồng (một thứ thuyền độc mộc):

- Nào các chú thanh niên, giúp Bác một tay!

Mấy người xúm lại khiêng theo Bác, nhưng chưa hiểu Bác định làm gì. Bác bảo đặt loồng xuống bến, rồi lấy bẹ chuối cọ sạch, bắc nước vào. Khi nước đầy, bác quay về gọi mấy cháu nhỏ:

- Nào, các cháu, ra đây!

Mấy cháu lớn đã quen Bác, một số cháu chưa biết, nhưng thấy Bác ân cần và có nhiều anh chị em cùng đi nên các cháu kéo nhau theo Bác ra bến nước.

Bác nói:

- Cháu nào biết cởi quần áo thì tự cởi, cháu nào chưa biết cởi, Bác sẽ cởi cho.

Lần lượt Bác tắm cho từng cháu một.

Rồi, Bác bảo đưa bé Thần con tôi vừa được hơn một tuổi lại bên. Cái đầu nó bị chốc lở, mũ ứa ra, tóc bết lại. Thấy vậy, Bác vừa làm vừa dạy mẹ cháu cách chữa. Bác đun siêu nước sôi để nguội, rồi trộn tro sạch gói vào một miếng vải mới, chụp

lên đầu cháu. Nước tro ngấm vào các vết lở nên xót, bé Thần òa lên khóc, Bác dỗ và nói:

- Không việc gì. Xót thế mới chóng khỏi, cháu ạ!

Lát sau, Bác bỏ tro đi, lấy khăn khô bịt đầu cho bé. Bé hết xót, ngược mắt nhìn Bác. Thấy vậy, Bác cười:

- Cứ để khăn thế cháu nhé! Khi nào đầu khô rồi sẽ khỏi.

Mấy hôm sau, đầu bé Thần đã khô và khỏi dần...

Câu chuyện đó được lan truyền đi.

Nhân dân ở vùng đó kháo nhau: "Cúng Hồ biết thuốc giỏi lắm!".

Tâm lòng thương yêu của Bác không chỉ thể hiện ở những việc nho nhỏ chăm sóc sức khỏe cho các cháu, Bác còn nghĩ đến những việc lớn hơn.

Tại vùng đầu nguồn cách mạng Pác Bó, Bác đã giao cho anh Đức Thanh tổ chức Hội đồng Cứu quốc đầu tiên ở thôn Nà Mạ.

Theo sách *Bác Hồ kính yêu*,
Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1979.

BÁC CHỈ MUỐN CÁC CHÁU ĐƯỢC HỌC HÀNH

Sau khi Pháp rút quân khỏi Hà Nội, trên đường đi công tác, Bác vào thăm một thôn nhỏ. Thôn này nằm trong vùng du kích những ngày kháng chiến chống giặc Pháp. Khắp thôn, những ngôi nhà nhỏ vừa dựng lại, mái rạ vàng tươi.

Hay tin Bác đến, nhân dân trong thôn mừng cuống, chạy tới quanh Người mà vẫn ngỡ ngợ chưa tin. Bác hỏi thăm các cụ già, các cháu thanh niên về việc đánh giặc, chia ruộng đất. Người dạy bảo việc xây dựng lại làng xóm. Bác chia kẹo cho các cháu thiếu nhi. Các cháu rất sung sướng, vừa bóc ăn, vừa nhìn Người. Có một cháu gái chừng năm sáu tuổi, tay cầm kẹo nhìn Bác không chớp mắt. Thấy vậy, đồng chí cán bộ đứng bên cạnh Bác âu yếm bảo cháu:

- Ăn kẹo đi, cháu!
- Cháu để phần mẹ cháu.

Tiếng cháu nho nhỏ, đủ nghe. Câu trả lời của cháu làm mọi người phải chú ý. Đồng chí cán bộ liền lấy thêm phần kẹo khác đưa cháu và bảo:

- Cháu ăn phần kẹo này đi, còn phần trước để dành cho mẹ cháu.

Cháu bé cầm lấy kẹo nhưng vẫn không ăn, cứ mải nhìn Bác. Chia kẹo xong, Bác quay nhìn cháu bé và bảo:

- Cháu bé ăn kẹo đi!
- Cháu chờ mẹ cháu cùng ăn à!

Nghe câu trả lời dễ thương của cháu nhỏ, Bác cúi xuống vuốt mái tóc của cháu và hỏi:

- Cháu tên là gì?
 - Mẹ cháu gọi là cái Chiến.
- Bác gật đầu, nhắc lại:
- Tên cháu là Chiến.

Như đã quen với việc giải thích về cái tên của mình, cháu bé nói luôn:

- Mẹ cháu bảo phải đuổi hết giặc đi mới sống được nên gọi là cái Chiến.

Bác kéo bé Chiến vào lòng. Một cụ già trong thôn liền kể để Bác nghe về cảnh của cháu Chiến: Ông cháu bị giặc Pháp bắt đi phu không thấy về. Bố cháu bị giặc Pháp giết khi cháu vừa ra đời. Mẹ cháu vừa sản xuất, vừa chiến đấu nuôi cháu bằng ngần ấy tuổi, vì vậy cháu rất quý mẹ và căm thù giặc.

Nghe chuyện, Bác rất cảm động. Người khuyên bà con đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau và chăm sóc các cháu, các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Đứng bên Bác Hồ, nghe cụ già kể chuyện về mình, bé Chiến tỏ vẻ nóng ruột như muốn hỏi Bác

điều gì. Khi thấy các chú cán bộ cùng đi với Bác lên xe, bé Chiến níu tay Bác hỏi:

- Bác ơi! Cháu lớn lên còn giặc để đánh không?

Nghe cháu hỏi, Bác cúi xuống thơm lên trán của cháu rồi Người nhẹ nhàng bảo: "Bác không muốn các cháu phải đánh giặc, Bác chỉ muốn các cháu được học hành, lớn lên xây dựng đất nước".

Bà con trong thôn tiễn Bác lên xe. Xe đã đi xa, bé Chiến vẫn còn ngây người nhìn theo xe Bác và nghĩ về mong ước của Người...

Trích từ sách *Bác Hồ kính yêu*,

Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1979, tr. 107-108.

CÁI VÒNG BẠC

HOÀNG GIAI

Cao Bằng là địa phương mà Bác Hồ đã sống và làm việc nhiều năm, cũng là nơi Bác để lại nhiều kỷ niệm trong lòng bà con các dân tộc. Những câu chuyện về Người, về tình cảm của Người với nhân dân, đặc biệt là với các em nhỏ, luôn làm mọi người xúc động và nhớ mãi. Sau đây là một câu chuyện do bà con ở Cao Bằng kể lại về Bác:

Do điều kiện công tác, sau hơn hai năm, Bác Hồ mới có dịp trở lại một vùng cơ sở trước đây Người đã từng sống và làm việc. Thấy Bác về, bà con già, trẻ, gái, trai khắp bản ùa ra đón Bác.

Trong số những người đứng vây quanh Bác hôm ấy có một em bé hai năm trước đã từng quýt bên Bác khi Người ra suối câu cá, hoặc lên nương cuốc đất trồng rau sau những giờ làm việc. Ngày Bác lên đường đi công tác xa, em bé đó theo ra đến đầu bản tiễn Bác. Trước lúc chia tay, Bác cúi xuống hôn má em và Người chưa kịp hỏi gì thì đã nghe em bé nói một câu rất tự nhiên:

- Đến đâu thấy vòng bạc, Bác nhớ mua cho cháu một cái.

Đối với em bé dân tộc miền núi Cao Bằng, được cái vòng bạc đeo cổ tay là điều rất thích thú. Nay giờ em bé đó đã qua tuổi nhi đồng, chững chạc, được học, đã biết đọc, biết viết, không còn vòi vĩnh, nũng nịu như ngày được bên Bác và chắc cũng không còn nhớ là mình đã dặn Bác Hồ mua cho cái vòng bạc.

Bà con dân bản tiễn Bác lên đường đi công tác cách đây hai năm cũng đã quên chuyện "Cái vòng bạc" ấy. Sau những lời chúc mừng thăm hỏi sức khỏe dân bản, nhận ra em bé ngày trước đứng trong đám đông, Bác bước đến, từ từ mở nắp túi áo trước ngực, lấy ra chiếc vòng bạc mới tinh và trao cho em.

Ngỡ ngàng giây lát, rồi nhớ ra lời dặn Bác hai năm trước, em bé sung sướng quá, không giấu nổi xúc động, hai mắt cứ chớp mãi, líu cá lưỡi mới nói được:

- Cháu... cảm... cảm ơn Bác!

Một số người không có mặt hôm tiễn Bác lên đường đi công tác ngày trước, nay thấy vậy lấy làm ngạc nhiên và hỏi đồng chí giúp việc của Bác. Đồng chí này kể lại cho mọi người nghe là trên đường về Bác đã ghé vào một cửa hàng mua chiếc vòng bạc. Khi đồng chí hỏi, Bác giải thích như sau:

- Các cháu khi đã nhờ mua cái gì tức là chúng nó thích cái đó lắm. Thấy có hại thì tìm cách giải thích cho các cháu hiểu, nếu không có hại thì không nên từ chối. Các cháu như tờ giấy trắng nhuộm đỏ thì đỏ, nhuộm xanh thì xanh, đừng để giảm lòng tin của các cháu. Mình đã hứa là phải làm cho kỳ được, không làm được thì đừng có hứa. Đây là chữ Tín, cần giữ trọng lòng tin của mọi người, đặc biệt là đối với các cháu nhỏ.

HỒ CHÍ MINH VỚI THIẾU NHI ĐỨC

SONG TÙNG

Ai cũng biết Chủ tịch Hồ Chí Minh rất yêu quý thiếu nhi. Nhưng có lẽ chưa bao giờ và chưa có bất cứ ai thể hiện tình cảm đối với thiếu nhi như Bác. Dưới đây là một trường hợp đặc biệt.

Khi đoàn xe đón đoàn đại biểu nước ta đi từ sân bay về Béclin bỗng nhiên đường bị tắc nghẽn.

Bác đi ô tô với Tổng Bí thư và vợ chồng Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Đức. Xe vừa vào thành phố, học sinh một trường mẫu giáo sắp hàng đón đoàn. Bác đề nghị cho ô tô dừng lại. Người bước ra, Tổng Bí thư và vợ chồng Thủ tướng nước bạn cùng xuống theo. Xe đại sứ được đi sát sau xe Chủ tịch. Tôi lo lắng không biết chuyện gì xảy ra, bỗng thấy Bác tiến lại phía các cháu thiếu nhi. Các cháu và cô giáo vây quanh Bác và các vị lãnh đạo. Bác bế một em bé lên và hỏi chuyện các em bằng tiếng Đức. Không khí thật đầm ấm vui tươi. Bác hỏi một người:

- Chú có kẹo không?

Thế là bà Thủ tướng cho người đi mua kẹo. Bác lần lượt chia kẹo cho các cháu.

Đoàn xe dừng lại 20 phút, Bác chia kẹo cho các cháu xong mới trở về ô tô. Sự kiện đặc biệt này được dư luận nước bạn xôn xao bàn luận khá lâu, mọi người đều ca ngợi tình cảm và sự quan tâm của Bác dành cho các cháu thiếu nhi.

BÁC TẶNG CHÁU BÉ MỘT BÔNG HỒNG

VŨ KỲ

Vào một ngày cuối tháng 8-1960, Bác đi họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ở Trường Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Khi ra về, xe đi ngang qua Phủ Chủ tịch, nhìn qua cửa kính ô tô, Bác thấy có các cháu mẫu giáo được cô giáo dắt đi chơi qua đó.

Chắc là nghe nói Bác Hồ sống và làm việc ở đây, nên các cháu chạy ùa về phía cổng sắt để nhìn vào cho được rõ. Nhưng các đồng chí bảo vệ ngăn không cho các cháu đến gần. Khi xe vòng lối sau vào tới sân, Bác bảo với chú Vũ Kỳ:

- Chú ra nói với các chú bảo vệ cho các cháu vào chơi với Bác một lát.

Chú Kỳ đi ra nói ngay với mấy đồng chí bảo vệ. Thế là các cháu chạy ùa vào với Bác. Trong lúc vội vã, có một bé gái vấp ngã. Cháu khóc. Cô giáo vội bế cháu lên và dỗ dành:

- Cháu nín đi! Nín đi rồi cô cho cháu xem con thỏ Bác Hồ nuôi.

Cháu bé nghe cô giáo nói vậy nín ngay, nét mặt tỏ vẻ háo hức chờ đợi.

Biết được chuyện đó, Bác ra vườn hái một bông hoa hồng đưa cho cháu bé và nói:

- Bác không có thỏ đâu, nhưng Bác có hoa này tặng cháu.

Bác nói với cô giáo:

- Các cháu dù còn nhỏ, nhưng nói với các cháu phải nói đúng sự thật.

Thế đấy! Bất kỳ ai ở gần hay có dịp tiếp xúc với Bác đều nhận được tình yêu thương ấm áp và sự ân cần chỉ bảo của Bác từ những việc rất nhỏ.

TẤT CẢ CHO CÁC CHÁU

VŨ KỲ

Trước khi đi thăm nước ngoài, Bác cho gọi kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh, người được giao trọng trách thiết kế và thi công nhà sàn, dặn rằng:

- Khách của Bác có nhiều, có lúc Bác phải tiếp đồng các cháu, vì vậy chú thiết kế cho Bác một hàng ghế xi măng bao quanh.

Vâng lời Bác, các đồng chí đã thiết kế hàng ghế đó. Mỗi lần các cháu đến, các cháu quây quần bên Bác và được Bác chia bánh kẹo.

Một hôm, Bác nói với đồng chí giúp việc:

- Chú xem, khách "tí hon" của Bác khá nhiều, để các cháu vui thì phải có cái gì đó cho các cháu xem cho đỡ chán, chú gắng kiểm một chiếc bể về nuôi cá vàng làm cảnh cho các cháu.

Vâng lời Bác, đồng chí giúp việc đi tìm mua một bể nuôi cá đặt tại hành lang của tầng dưới ngôi nhà sàn và thả cá vàng rất đẹp.

Hằng ngày, sau giờ làm việc, Bác vẫn dành thời gian chăm sóc và cho cá vàng ăn.

Bác thường cẩn dặn:

- Cá cũng như người, mùa đông phải giữ nhiệt độ đủ ấm, chú nên làm một chiếc nắp đậy bể cá để bảo đảm độ ấm cho cá.

Khách đến nhà thăm Bác, dù là khách người lớn hay là khách "tí hon" đều dừng chân ngắm bể cá vàng.

Nay Bác đã đi xa nhưng bể cá vẫn được giữ gìn, chăm sóc chu đáo. Hàng ngày, các cháu và đồng bào cả nước đến thăm nhà sàn của Bác vẫn thấy những con cá vàng bơi trong bể như ngày nào Bác Hồ vẫn sống và làm việc ở đây.

ĐÙNG ĐỂ CÁC CHÁU CHƠI NGOÀI ĐƯỜNG

VŨ KỲ

Tết năm ấy Bác đi chúc Tết mấy gia đình cơ sở ở mạn Hà Đông. Xe ô tô đưa Bác và một số cán bộ từ Hà Nội đến Văn Đình. Trời nắng ấm, chiếc xe ô tô đi rất êm. Mấy cháu bé chừng 7-8 tuổi đang mải chơi, đua nhau chạy trên nền đường cái. Xe Bác vừa đi đến. Các cháu luýnh quýnh. Một cháu vấp ngã. Chiếc xe phanh "kít" lại. Bác lo quá, nên vừa dừng lại. Bác đã giục:

- Các chú xuống ngay!

Bác bảo bác sĩ cùng đi xem mình cháu bé có chỗ nào sây sát không. Bác lấy một gói kẹo, một gói bánh trong số quà đi thăm cơ sở đưa cho cháu bé và dẫn cháu vào tận gia đình. Bố mẹ cháu rất vui mừng vì được đón Bác, Bác nhẹ nhàng dặn:

- Đừng cho các cháu chơi đùa ngoài đường cái, nhỡ xảy ra tai nạn.

CHIẾC BÁNH CARAMEN

NGUYỆT TÚ

Những ngày Tết ở chiến khu Việt Bắc, đồng bào sống quanh vùng Bác ở thường đem biếu Bác những chiếc bánh nhân đỗ đen, đỗ xanh, nhân thịt. Bác vẫn hay treo lên để dành chia cho các cháu ở gần. Các chị ở cơ quan Hội Phụ nữ Trung ương thì hay làm mứt khoai lang đưa đến biếu Bác. Một hôm, nhân có sữa hộp của một đồng chí đi công tác miền xuôi đưa về, các chị bàn nhau làm bánh Caramen. Thú bánh này dễ làm. Có trứng gà, chỉ thêm ít sữa đánh lên, rồi đem chưng cách thủy trong một lon sữa bò, lót ít đường đun cháy, thêm vài miếng vỏ cam.

Khi các anh chị mang bánh đến biếu Bác, mùi bánh thơm phức cả căn lán. Ai cũng tấm tắc khen.

Bác Hồ nhận bánh rất vui, khen các chị thật khéo tay. Mọi người đều nghĩ là Bác sẽ ăn ngay. Nhưng, thật ngạc nhiên, Bác nói:

- Các chú bảo vệ cất đi cho Bác!

Thì ra, chiều hôm ấy sẽ có các cháu đến chơi. Bác muốn để dành cho các cháu cùng ăn.

THĂM TRẠI TRẺ MỒ CÔI

VŨ KỲ

Ngày mồng một Tết Đinh Dậu, trên đường đi chúc Tết đồng bào và chiến sĩ, Bác ghé thăm trại trẻ mồ côi mang tên Anh hùng liệt sĩ Kim Đồng ở xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội). Trại được lập ra để nuôi dạy gần 500 trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Các cán bộ phụ trách trại dẫn Bác đi thăm nơi nghỉ, nơi ăn học của các cháu. Đến nhà ăn và khu bếp của trại, Bác ân cần dặn dò anh chị em cấp dưỡng cố gắng nấu ngon cho các cháu ăn hết tiêu chuẩn, bảo đảm vệ sinh, chăm diệt ruồi muỗi, lau chùi bàn ghế sạch sẽ. Bác thăm ruộng mía, vườn su hào do các cháu vun trồng. Đứng trước đàn cháu như bầy chim non ríu rít, cháu nào cũng có áo mới, áo ấm, Bác rất vui và chia quà cho các cháu. Bác chúc các cháu chơi ngoan, chăm học, giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đùm bọc, thương yêu nhau.

Nói chuyện với cán bộ và nhân viên của trại, Bác biểu dương tinh thần trách nhiệm, sự lao động không mệt mỏi của tập thể, biến nơi đây từ

một cơ sở của chế độ cũ để lại, thành trại trẻ ngẩn
nấp, gọn gàng, sạch sẽ. Bác căn dặn:

"Đối với các cháu mồ côi, điều quan trọng nhất
là làm sao bù đắp được tình thương, chia sẻ thiệt
thời cho các cháu. Muốn thế, các cô, các chú phải
đem tất cả tấm lòng của người làm cha, làm mẹ
mà cư xử, chăm sóc và dạy dỗ các cháu. Dạy cho
các cháu sống có kỷ luật, biết giúp đỡ và nhường
nhịn nhau, không được biến các cháu nhỏ thành
ông cụ non, làm mất đi cái trẻ trung, hồn nhiên
vốn có. Mục tiêu cao cả của các cô, các chú là biến
nơi đây thành một gia đình lớn, ấm áp tình người.
Muốn vậy, các cô, các chú phải thực sự là những
người bố, người mẹ gương mẫu, ở trại thì các cháu
cảm thấy ấm cúng, vui tươi, đi xa thì nhớ".

Cái ngày 31-01-1957 ấy mãi mãi trở thành một
ngày đáng nhớ của cán bộ nhân viên trại trẻ mồ
côi Kim Đồng. Đúng chín năm sau, cũng vào ngày
mồng một Tết Bính Ngọ, tức ngày 21-01-1966,
Bác Hồ trở lại thăm, chúc Tết tại trại trẻ mồ côi
Kim Đồng một lần nữa. Giữa hai lần đến chúc
Tết, Bác vẫn nhận được những báo cáo của trại về
việc thực hiện những lời dạy của Bác. Cùng với
những thay đổi lớn lao của đất nước, trại trẻ mồ
côi Kim Đồng cũng thay đổi rất nhiều, tiến bộ rất
nhiều. Lớp lớp cán bộ, trại viên hiểu sâu sắc rằng,
có một điều không mấy may thay đổi, đó là tình
thương bao la của Bác đối với các cháu thiếu niên
nhi đồng mồ côi.

CÓ PHẢI CHÁU LÀ HIẾU KHÔNG?

NGỌC CHÂU

Tháng 11-1946, một trí thức 38 tuổi có bằng Tiến sĩ Văn khoa và cử nhân Luật của Pháp, rất ngạc nhiên khi nhận được tấm danh thiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mời lên gặp. Trong lần gặp này, Bác đã trực tiếp giao cho anh đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Anh băn khoăn thưa với Bác là chưa tham gia công tác cách mạng bao giờ. Bác Hồ đã ân cần động viên anh: "Cứ làm đi rồi sẽ làm được". Lời động viên thân ái ấy đã là sức mạnh to lớn giúp Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên đem hết tâm trí ra góp phần xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục của nước ta cho đến tận những giờ phút cuối cùng của đời mình.

Hôm Bác sang Pháp cùng đoàn đại biểu Việt Nam dự Hội nghị Phôngtennoblô, trong đó có anh. Tỉnh cờ tại sân bay Gia Lâm, Bác thấy đồng chí Phạm Văn Đồng bế một cháu gái nhỏ khoảng bốn tuổi. Bác rất vui khi biết đó là bé Hiếu "con gái

của bố Huyên"¹, và Bác đã bế bé Hiếu một lúc trước khi lên máy bay. Thế nhưng về sau Bác vẫn không quên bé gái này.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khi chưa đầy mười tuổi, bé Hiếu không may bị ốm liệt giường vì bệnh lao xương. Khi biết tin, Bác Hồ đã cho người tìm thuốc và cao hổ cốt để giao cho "chú Huyên" đem về chạy chữa cho bé. Mỗi lần họp Hội đồng Chính phủ, Bác lại hỏi thăm Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên: "Cháu Hiếu đã khỏi chưa? Nếu cháu bắt đầu chơi đùa được là không đáng lo đâu".

Năm 1953, bé Hiếu đã hoàn toàn lành bệnh và được cùng một số khá đồng thiếu nhi Việt Nam sang học tập tại nước bạn. Bác rất vui khi được báo tin này. Bác tìm một hộp sữa và một mảnh vải ka ki màu vàng để "chú Huyên" mang về cho bé Hiếu. Bác còn dặn: "Chú bảo cô may gấp cho cháu một cái áo bằng mảnh vải này nhé".

Nhiều năm trôi qua, một lần tại Hà Nội, Hiếu được cùng một số "cháu ngoan Bác Hồ" lên Phủ Chủ tịch và được gặp Bác. Bác Hồ ân cần thăm hỏi từng cháu một. Khi nghe Hiếu mạnh dạn thưa: "Cháu là con bố Huyên", Bác đã ôm lấy đầu em và âu yếm hỏi: "Có phải cháu là Hiếu không?".

1. Lúc này Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên đang giữ chức Giám đốc Đại học vụ kiêm Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Ôi, tấm lòng của một vị Chủ tịch nước đối với
một cháu bé gái mà Người chỉ có dịp bế trong giây
lát từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng
Tám thật là bao la!

Bác ơi, Bác có biết không, đứa cháu gái bé bỏng
và ốm yếu giờ đây là một đại tá, bác sĩ quân y,
Thầy thuốc Nhân dân ngày đêm đang tận tụy cứu
chữa cho các chiến sĩ, các thương, bệnh binh tại
một bệnh viện lớn nhất của Quân đội ta.

BÁC HỒ ĐẾN VỚI CÁC CHÁU MỒ CÔI Ở TRẠI KIM ĐÔNG

SƠN TÙNG

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đến với các cháu mồ côi ở trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại, nhìn bờ rào giăng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách, giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của thời cũ để lại đây ạ!

Bác lắc đầu:

- Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai của các cháu.

Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học nơi các cháu vui chơi. Bác khen:

- Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn...

Bác hỏi cán bộ phụ trách trại:

- Còn thế nào, các cô, các chú biết không?

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở còn chật chội ạ!

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng có một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô các chú ở đây là bố, là mẹ của các cháu. Các cô, các chú nuôi, dạy các cháu phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây đối với các cháu, còn cái vẻ "trại lính", thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy cho các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoả mái. Đừng biến các cháu thành các "ông cụ non". Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?

Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ!

- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa. Có như vậy thì dạy mới có kết quả tốt.

Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt nhẹ nhè tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác, tên cháu là Quốc lủi ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?

- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ!

- Vì sao các bạn lại gọi cháu là Quốc lủi?

- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ!

- Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?

- Thưa Bác... Ở trong trại khổ cực lắm ạ!

- Khổ cực như thế nào?

- Dạ... chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.

- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?

- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói nên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: "Từ nay cháu phải phấn đấu bỏ cái tên "lủi", giữ lại cái tên Quốc...". Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống thực dân Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác đã từng thèm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng mô cõi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em trèo trẹo bên hông đi xin sửa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật, yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt, và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác hỏi:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng "có" vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo

lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa.

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó, trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lủi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong tim.

Trích từ sách *Hoa râm bụt*,
Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1999.

Phần IV

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG MẮT BẠN BÈ QUỐC TẾ

NGUYỄN VỌNG THA THIẾT NHẤT

Miền Nam Việt Nam đã hoàn toàn giải phóng. Đạt được thắng lợi đó là vì các lực lượng yêu nước và toàn thể nhân dân Việt Nam đã vận dụng tư tưởng của vị lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh, thực hiện đúng lời chỉ giáo của Người, áp dụng một cách sáng tạo tư tưởng của Người vào tình hình cụ thể ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước, nhà cách mạng, mà "máu là máu của Việt Nam, xương là xương của dân tộc Việt Nam", là một người theo chủ nghĩa quốc tế và chiến sĩ kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa quốc tế vô sản.

... Suốt cả cuộc đời mình, và ngay cả sau khi đã nhắm mắt, Người vẫn dùi dắt nhân dân đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Hồ Chí Minh được toàn thể nhân dân kính yêu. Người gần gũi với nhân dân, luôn luôn giữ quan hệ mật thiết với nhân dân, dùi dắt và lắng

nghe ý kiến của nhân dân. Người đã từng nhấn mạnh rằng, mối quan hệ với quần chúng là nguồn cảm xúc, là tri thức và động lực hành động đối với Người.

... Chiến thắng của nhân dân Việt Nam hoàn toàn giải phóng miền Nam Việt Nam là nguyện vọng tha thiết nhất của Người...

Trích từ báo *Diễn đàn nhân dân*
(Ba Lan).

CHỐNG LẠI NHỮNG LỰC LUỢNG QUÂN PHIỆT LỚN NHẤT TRONG MỌI THỜI ĐẠI

Cụ Hồ không những đã giải phóng đất nước Việt Nam mà còn góp phần vào việc xóa bỏ cả hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp ở Đông Nam Á. Rồi Cụ trở thành nhà lãnh đạo của một dân tộc chống lại những lực lượng quân phiệt lớn nhất trong mọi thời đại. Người Mỹ kéo đến. Cụ đã đưa họ đến chỗ không còn có thể nói đến chiến thắng mà chỉ có thể nói đến chiến bại. Cụ đã đánh đổ một Tổng thống Mỹ.

Trích từ báo *Miền Nam nước Đức*
(Tây Đức).

TÌNH YÊU THẬT SỰ

HAYDE XANTAMARIA*

Thời gian ở Việt Nam, tôi đã thấy rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân yêu mến như một người thân thiết nhất. Tình yêu của họ đối với Người vô cùng sâu sắc và không bờ bến. Đó là điều biểu hiện rõ rệt nhất ở mỗi người Việt Nam. Đây không phải là tình yêu thần thoại mà là tình yêu thật sự.

* Nhà báo Cuba.

TƯ TUỞNG CỦA BÁC HỒ ĐÃ TRỞ THÀNH BẤT DIỆT

MÁCTA RÔGIÁT*

Đã từ lâu, người ta chỉ còn đơn giản gọi Người là Bác Hồ. *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* - đó là khẩu hiệu của Người, hiện nay vẫn còn đầy sức sống trong đấu tranh, đó là lẽ sống và là học thuyết cách mạng của Người. Khẩu hiệu đó là sức mạnh lôi kéo dân tộc của Người. Nó là nguồn gốc ý chí chiến đấu tuyệt vời của Người cho đến hơi thở cuối cùng, cho đến thắng lợi cuối cùng.

Chúng tôi đã hỏi Bác Hồ: Nhân dân Việt Nam lấy sức mạnh thần kỳ của mình ở đâu để chống những kẻ thù cực mạnh như bọn Mỹ? Và Người đã trả lời chúng tôi: Trước hết, đó là sự đoàn kết. Nhưng sự đoàn kết nhất trí đó dựa trên niềm tin sắt đá rằng: *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*. Chính vì nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc đều

* Nhà báo Cuba.

tin tưởng sâu sắc họ có thể đoàn kết với cố gắng to lớn nhất là vượt qua mọi trở ngại (như các vấn đề phức tạp nhất, sự đàn áp tàn bạo nhất) mà kẻ thù hiện nay là đế quốc Mỹ dựng lên trước mặt họ. Cũng chính vì thế, trong từng giây phút chiến đấu, họ vẫn giữ được tinh thần hết sức trong sáng và niềm lạc quan đôi khi làm ngạc nhiên những ai không hiểu giá trị của tư tưởng nói trên mà Bác Hồ đã khắc sâu vào trái tim, khói óc của mỗi người Việt Nam.

Bác Hồ đã mất, nhưng trước khi từ trần, tư tưởng đó của Người chẳng những đã trở thành bất diệt mà còn trở thành sinh động nhờ tấm gương cụ thể về cuộc đời của Người. Tư tưởng đó sẽ nảy nở ở bất cứ nơi nào cần có một cuộc đấu tranh như cuộc đấu tranh được tiến hành ở Việt Nam.

Nếu có ai hỏi văn bản nào giải thích kỹ càng nhất học thuyết Hồ Chí Minh? Chúng ta phải trả lời đó là chủ nghĩa anh hùng nảy sinh hàng ngày trong dân tộc của Người.

Khi một gia đình nào đó ở Việt Nam dỡ nhà và đồ đạc của mình để giúp vào việc xây hầm hoặc làm chất đốt cho một đơn vị bộ đội đóng rải rác ở trên bờ biển, thì chính gia đình đó đã thực hành học thuyết của Người. Khi những cái quý báu nhất như sinh mệnh của những người bảo vệ Tổ quốc, nền tự do và độc lập bị lâm nguy thì nhà cửa và đồ đạc có nghĩa lý gì đâu? Khi một phụ nữ

nông thôn nhường con trâu của mình cho bộ đội dùng và tự mình kéo cày, tức là người đó đã thực hành học thuyết của Bác Hồ. Thực vậy, người phụ nữ đó đã nghĩ rằng: Dù có mang nặng trên vai, hay tự kéo láy cái cày hoặc xe bò ch้าง nữa thì cũng ch้าง thấm vào đâu so với việc con trâu của mình được dùng kéo pháo để bảo vệ độc lập, tự do của nhân dân, bởi vì không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Thứ hỏi, nếu ruộng đất bị tước đoạt, nếu Tổ quốc một lần nữa lại bị giày xéo, thì con trâu đó còn dùng làm gì? Tất cả nông dân Việt Nam đều nghĩ như vậy.

Khi một chiến sĩ lấy thân mình làm giá súng cho một chiến sĩ khác nhả đạn vào quân thù, như một anh hùng đã làm ở Điện Biên Phủ trước đây, thì chính hành động đó đã nói lên: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*".

Như vậy là thông qua chủ nghĩa anh hùng này sinh hằng ngày của nhân dân Việt Nam, người ta đã tìm thấy lời giải thích hay nhất về học thuyết vì độc lập và tự do của Hồ Chủ tịch.

Chính bản thân Người cũng rút ra từ nguyên lý đó - nguyên lý mà Người đã kiên quyết bảo vệ - sức mạnh chiến đấu và chiến thắng cho suốt cả cuộc đời mình, một cuộc đời cần cù và đầy thắng lợi của một nhà cách mạng...

MỜI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SANG THĂM NHẬT BẢN

RIOKÊ ONISI*

Tôi chỉ cầu mong đất nước các bạn sớm có hòa bình để chúng tôi được mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Nhật Bản. Nhờ các bạn về nói hộ với Chủ tịch rằng tôi năm nay đã 96 tuổi nhưng sẽ cố sống đến ngày đó.

Người cứu nước

"Trời xanh đón người cứu nước về
Đau lòng chúng sinh trên đường mê
Xưa nay hiếm bậc lão anh kiệt
Chiếc lá thu bay: trời ủ ê"¹.

* Vị cao tăng Nhật Bản.

1. Khi được tin Hồ Chủ tịch mất, cụ rất đau xót bỏ cả ăn và tự tay viết bài thơ trên (thơ dịch) để kính viếng. Cụ trụ trì chùa Kiômidư, là một ngôi chùa cổ ở thành phố Kiyôtô, cố đô Nhật. Cụ có uy tín rất lớn với nhân dân Nhật.

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO

XUDAN XONTÁC*

Hãy lấy lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng tôi thường được nghe nhắc lại: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*". Chỉ sau khi tôi được nghe câu nói đó nhiều lần, nhiều lần lầm, tôi mới thực sự cảm nhận được nó. Và khi đó, tôi nghĩ rằng đúng là câu nói ấy đã nói lên rất nhiều điều. Thực vậy, người Việt Nam đã có thể trong thời gian dài sống theo tinh thần của câu nói giản dị đó. Người Việt Nam coi Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà tư tưởng mà còn là một con người hành động, những lời nói của Người là để áp dụng.

* Nhà văn Mỹ.

NGÀY KỶ NIỆM KHÔNG CHỈ CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

G.GRÊSOCÔ*

Hội nghị Quốc tế "Việt Nam và thế giới" được tổ chức theo sáng kiến Hội đồng hòa bình thế giới để tưởng niệm người chiến sĩ đầy nhiệt huyết đấu tranh cho nền độc lập của các dân tộc bị áp bức, vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - đồng chí Hồ Chí Minh mà toàn thể loài người tiến bộ đều kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Người - đồng thời để bày tỏ tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam.

Hội nghị là một sự biểu lộ sáng ngời lòng yêu mến của nhân dân thế giới đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ đấu tranh cho những lý tưởng hòa bình, độc lập và tiến bộ. Trong bài phát

* Nhà du hành vũ trụ Liên Xô.

biểu của các đại biểu nhiều nước khác nhau đã phản ánh được sự hoạt động nhiều mặt của Người như là một nhà hoạt động lối lạc của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, người sáng lập và cổ vũ của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà tổ chức và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, nhà quốc tế chủ nghĩa Lê ninist, nhà cách mạng bất khuất, người đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì tự do của các dân tộc bị áp bức. Ảnh hưởng và sự đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự phát triển, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới là rất to lớn. Đồng chí Hồ Chí Minh là một người vĩ đại, và lối lạc của thời đại chúng ta. Ngay cả kẻ thù của chúng ta cũng phải công nhận điều đó.

Thắng lợi của Việt Nam, như được nêu rõ tại hội nghị, khẳng định một chân lý vĩ đại của thời đại chúng ta: mỗi dân tộc đang đấu tranh cho tự do và độc lập có thể tin tưởng chắc chắn vào sự giúp đỡ kiên quyết và có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của tất cả các lực lượng tiến bộ.

Hội nghị có ý nghĩa quốc tế rất lớn này còn có lý do là trên diễn đàn của nó, các đại biểu của năm châu lại một lần nữa biểu lộ tình đoàn kết

chiến đấu, sự giúp đỡ nhiệt tình đối với nhân dân Việt Nam. Các đại biểu đã ra một bản tuyên ngôn trong đó họ nhất trí lên án kịch liệt những âm mưu đang tiếp diễn của các lực lượng đế quốc và phản động, đứng đầu là Mỹ, chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cuba, Ághanistan, Iran và các nước khác.

Lễ kỷ niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh - đó là ngày kỷ niệm không chỉ của nhân dân Việt Nam. Khắp nơi đều kỷ niệm ngày đó, đặc biệt trong đất nước chúng ta. Đồng chí Hồ Chí Minh là người bạn lớn và tin tưởng của Liên Xô. Người đã xây dựng nên tình hữu nghị vĩ đại của hai dân tộc chúng ta và luôn luôn cố gắng củng cố nó. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu sâu sắc và đầy đủ những tư tưởng của Lênin, tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười và cả cuộc đời mình, Người đã cống hiến cho việc thực hiện những tư tưởng đó trên Tổ quốc mình. Người đã nhiều lần đến thăm Liên Xô, nói tiếng Nga rất lưu loát, yêu mến nhân dân Xô viết một cách chân thành và nồng nhiệt. Và nhân dân Liên Xô cũng đáp lại như vậy đối với tình cảm đó của Người. Phát biểu ở hội nghị gặp gỡ với các đồng chí Việt Nam, tôi đã kể về những tình cảm lớn của toàn thể nhân dân Liên Xô đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với dân tộc mà Người đã phục vụ bằng toàn bộ cuộc đời mình.

Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh được kính trọng sâu sắc. Tên Người được đặt cho một trong những quảng trường lớn ở Mátxcơva, một trường đại học ngoại ngữ ở Iêcútxơ, một tàu biển... Có thể thấy rằng đồng chí Hồ Chí Minh được biết đến rộng rãi căn cứ vào sự kiện sau: Năm ngoái, Nhà xuất bản Đội cận vệ trẻ của Liên bang Nga đã phát hành cuốn sách *Hồ Chí Minh* của Épghêni Cônôbêlêp - trong loạt sách *Cuộc đời của những con người tuyệt vời*, và những cuốn sách đó đã được nhanh chóng tiêu thụ. Hiện nay đang chuẩn bị cho lần xuất bản mới.

Trước ngày kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Người, trên khắp đất nước Xôviết đã tổ chức hội thảo, các cuộc mít tinh và hội nghị long trọng, các cuộc gặp mặt với học sinh Việt Nam tại Liên Xô, các buổi xem phim nói về ngày trọng đại này. Còn trên đất nước Việt Nam, như tôi đã được kể lại, tại các công trình do Liên Xô giúp đỡ kỹ thuật, ngày lễ được kỷ niệm bằng thi đấu sản xuất xã hội chủ nghĩa chung để kỷ niệm ngày sinh Lênin và Hồ Chí Minh trong những tập thể nơi có các chuyên gia Xôviết làm việc, từ lâu đã trở thành một truyền thống tốt đẹp.

Phần tôi, tôi được đến Việt Nam lần đầu, mặc dù nhiều lần tôi được nhìn thấy đất nước tuyệt vời và rất thân thương, gần gũi đối với toàn thể nhân dân Xôviết này từ trên vũ trụ. Từ cửa mạn của

con tàu vũ trụ nhìn xuống, tôi mơ ước có ngày sẽ được đến thăm đất nước này, gặp gỡ những con người tuyệt vời và mến khách mà các đồng chí của tôi là Ghécmán Titóp và Valentina Têrêxcôva đã nhiều lần kể cho tôi nghe một cách thân tình. Và thế là ước mơ đã trở thành sự thật. Tôi sung sướng gấp hai lần, vì rằng điều này đã diễn ra đúng vào năm trọng đại của Việt Nam: Năm kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lần thứ 90 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và lần thứ 35 ngày thành lập nước.

Trong những ngày thử thách khốc liệt, những ngày chiến đấu ác liệt chống bọn can thiệp nước ngoài, đồng chí Hồ Chí Minh đã tin tưởng sắt đá vào thắng lợi, vào nền độc lập và tự do của đất nước mình. Người nói: Sau khi đuổi được bọn xâm lược và thống nhất Tổ quốc, nhân dân Việt Nam sẽ xây dựng Việt Nam 10 lần đẹp hơn và giàu hơn. Và ngày nay, đứng trên mảnh đất lộng gió vinh quang anh hùng này và được thấy nhân dân Việt Nam đang lao động với tinh thần nhiệt tình và quyết tâm như thế nào, tôi tin tưởng chắc chắn rằng: bất chấp tất cả những khó khăn và trở ngại, *Đi chúc vĩ đại* của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được thực hiện, Việt Nam sẽ ngày càng giàu đẹp và vững mạnh.

CHỌN TÊN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

RÊNÊ XUARÉT*

Những đồng chí được chọn vào các đội đại diện cho hàng vạn công nhân xây dựng Cuba đã viết đơn tình nguyện sang Việt Nam góp phần công sức của mình vào nhiệm vụ to lớn là xây dựng lại đất nước Việt Nam "mười lần tươi đẹp hơn".

Chọn tên Hồ Chí Minh để đặt cho đoàn, chúng tôi hiểu rằng không còn tên nào thích hợp hơn là tên vị lãnh tụ kính mến và bất diệt của nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi có thể nói tóm tắt rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có khả năng đối phó với những khả năng gian khổ nhất, là người đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc mình và là một người đã đóng góp kinh nghiệm tuyệt vời cho phong trào cách mạng của nhân loại.

* Trưởng đoàn xây dựng quốc tế Hồ Chí Minh (Cuba).

NHỮNG SUY NGHĨ VỀ CHÂU PHI

Nhà cách mạng lão thành Hồ Chí Minh đã thể hiện nghĩa vụ Đảng và nghĩa vụ nhà báo của mình qua việc giáo dục cho mọi người mang lại cho họ tiếng nói của sự thật, thúc đẩy họ về mặt xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi gần khắp các thuộc địa, đã đến Bắc Phi và Trung Phi. Và đương nhiên không ai biết rõ hơn Người về tình hình ở Đông Dương. Kinh nghiệm của các cuộc Cách mạng Tháng Mười và chính sách dân tộc ở nước Nga Xôviết là một cuốn sách giáo khoa vĩ đại với Người. Tác phẩm gồm những bài báo, bút ký và bút chiến của Người về cuộc đấu tranh của các dân tộc châu Phi chống lại ách thực dân, là tác phẩm chính luận đầy sức chiến đấu của Người chiến sĩ quốc tế vĩ đại, một tác phẩm cần thiết cả trong ngày hôm nay khi trên trái đất vẫn còn những tàn tích của chủ nghĩa thực dân như Bắc Ailen ở châu Âu, Namibia ở châu Phi, Hồng Kông ở châu Á.

Những bài viết 60 năm trước của Hồ Chủ tịch vẫn rất thiết thực trong tình hình hiện nay. Cũng

như toàn bộ hoạt động của người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam, tác phẩm *Những suy nghĩ về châu Phi* cho phép khẳng định rằng Hồ Chí Minh vẫn đứng trong đội ngũ, vẫn sát cánh cùng những chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội.

Trích từ tạp chí *Thời mới* (Liên Xô).

NGHĨ ĐẾN VIỆT NAM, NGHĨ ĐẾN BÁC HỒ

XINLI XANBAO*

Cách đây ít lâu, tôi được Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh trao cho một phần thưởng cao quý. Đó là tấm huy chương "Vì thế hệ trẻ", có ngôi sao đỏ và chân dung Bác Hồ kính mến.

Tôi biết, tôi không còn trẻ nữa, trên đầu tôi tóc đã bạc nhiều, nhưng trong giây phút bồi hồi, cảm động ấy, tôi thấy tim bỗng đập rộn ràng, tựa hồ vẫn đang tuổi thanh xuân đầy sức sống. Và tôi càng biết ở các bạn trẻ Việt Nam, những người con trai, con gái của dân tộc Việt Nam kiên cường, những người cháu yêu quý của Bác Hồ, đã dành cho tôi niềm vinh dự ấy. Cả một thế hệ thanh niên hồn hậu, trong sáng, khỏe đẹp, rất xứng đáng được mang danh hiệu Hồ Chí Minh.

* Công tác ở Ủy ban Việt Nam của Cộng hòa Dân chủ Đức.

Cũng từ phút ấy, ý nghĩ của tôi lại lần theo những ngả đường Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Thái Nguyên, Cao Bằng và nhiều nơi khác trên đất nước Việt Nam mà tôi đã tới. Những cuộc tiếp xúc gặp gỡ với các anh chị em Việt Nam, những con người hiền lành mà can đảm, giản dị mà vĩ đại, đã làm tôi xúc động biết nhường nào. Giữa bao nhiêu gian khổ hy sinh, các anh chị em Việt Nam đã luôn luôn chứng tỏ sức mạnh tuyệt vời của mình làm nên chiến thắng. Chiến thắng đó phải chăng cũng là niềm tự hào của tất cả chúng tôi, những người trong bao nhiêu năm qua và mãi mãi về sau luôn luôn đứng cạnh các đồng chí Việt Nam với niềm tin tưởng và ý chí chiến thắng. Là một người công tác ở Ủy ban Việt Nam, trong bao nhiêu năm qua, tôi đã lắng nghe với tất cả tâm hồn mình những bước đi của cuộc kháng chiến thần thánh đó, tôi cũng đã lắng nghe cả niềm xúc động sâu sắc của nhân dân nước Cộng hòa Dân chủ Đức đối với Việt Nam trong những năm qua. Đối với chúng tôi, Việt Nam có nghĩa là Bác Hồ. Trên làn môi của trẻ em nước chúng tôi, hai tiếng "Bác Hồ" được gọi với niềm yêu thương, tin cậy, trìu mến. Riêng đối với tôi, bởi vì Việt Nam đã trở thành quê hương thứ hai của mình, tôi xin phép được gọi Bác Hồ là người Cha thân thiết của tôi. Tôi bỗng nhớ đến một câu ca dao Việt Nam rất dễ thương:

*"Tháp Mười đẹp nhất hoa sen,
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ".*

Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh... những tên gọi khác nhau của một tâm hồn gang thép, một tâm hồn Việt Nam tuyệt đẹp. Những ý nghĩ nóng bỏng lại đưa tôi đến những kỷ niệm với Người. Và tôi xin được nói rằng: Được gặp Bác Hồ là một dịp may hiếm có trong đời tôi. Đó cũng là một phần thưởng cao quý đối với một công dân nước Cộng hòa Dân chủ Đức muôn hiến toàn bộ trái tim mình cho phong trào ủng hộ sự nghiệp cao đẹp của nhân dân Việt Nam.

Mùa xuân năm 1969 - mùa xuân cuối cùng trong đời Bác Hồ, chúng tôi được vào thăm Bác tại vườn hoa Phủ Chủ tịch, trong một căn nhà đơn sơ, giản dị. Riêng căn nhà ấy cũng đủ làm người ta nghĩ đến phong thái của vị Chủ tịch nước luôn luôn đặt mình trong mức sống còn chật vật của nhân dân.

Cảm tưởng của tôi không phải là đến với một vị Chủ tịch, một lãnh tụ vĩ đại, mà là đến với một người Cha thân yêu, với người anh cả trong gia đình lớn.

Ngay từ phút đầu, chúng tôi ngồi quây quần bên Bác, trong không khí ấm áp, thân tình. Đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đến với chúng tôi. Bác hỏi thăm từng người một và mời chúng tôi ăn hoa quả. Bác nói:

- Các chú có lạnh không?

- Thưa Bác, không ạ!

Đối với chúng tôi, tháng Giêng ở Việt Nam quả là không lạnh. Bác nói:

- Không lạnh nhưng rất nguy hiểm.

Nói xong, Bác cởi chiếc khăn quàng của Bác và quàng cho đồng chí Mác Đôphơrin, Chủ tịch Ủy ban Việt Nam, hôm ấy đang húng hăng ho. Cử chỉ ấy làm chúng tôi ai nấy đều cảm động, thể hiện những tình cảm của một người Cha đối với những đứa con từ phương xa về.

Chúng tôi sung sướng báo cáo với Người về phong trào đoàn kết ủng hộ Việt Nam ở Cộng hòa Dân chủ Đức và trao tặng Bác những món quà của nhân dân nước chúng tôi gửi đến biếu Bác. Điều rất lạ là sau 37 năm trời - kể từ năm Bác qua hoạt động bên nước chúng tôi - Bác vẫn nói tiếng Đức một cách chính xác. Người lắng nghe, hỏi han, tò ý hài lòng và nói:

- Ngày nay, nhân dân nước Cộng hòa Dân chủ Đức là người thừa kế vinh quang của Mác và Ăngghen. Đó là một niềm vinh dự lớn cũng là một nghĩa vụ to lớn. Trong lúc này, thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản theo tư tưởng của Mác càng vô cùng cần thiết.

Qua những lời dạy của Người, tôi càng thấy chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời giản dị và hàm súc. Điều nổi bật là

Người luôn luôn coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, luôn luôn hướng về lợi ích của cách mạng thế giới để lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng của dân tộc mình. Ở Bác tỏa ra ánh sáng của một con người vĩ đại, với tất cả chiêu sâu và chiêu rộng, mà cũng thật thận thiết, dẽ gần.

Trong khi viết những dòng này, mắt tôi thỉnh thoảng lại hướng về chân dung của Bác mà chính Người đã ký tặng trong lần gặp ấy. Và bên tai tôi vẫn vang những tiếng hô "Hồ... Hồ... Hồ Chí Minh" của thanh niên khắp năm châu trong những ngày Đại hội liên hoan vừa qua ở Béclin. Phải chăng tên Người đã trở thành khái niệm để kêu gọi tình đoàn kết chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình và hữu nghị. Tự lòng tôi, tôi cũng xin gọi tên Người để có thêm sức mạnh mà tiếp tục chiến đấu. Và tôi xin nói thêm rằng: Bác là tượng trưng cho dân tộc Việt Nam, một dân tộc rất giàu tình cảm yêu thương mà cũng vô cùng bất khuất. Nghĩ đến Bác Hồ, nghĩ đến Việt Nam, tôi càng thấy phải cống hiến nhiều hơn nữa cho Việt Nam và chính vì vậy mà tôi cảm thấy cuộc đời mình đang sống là có ý nghĩa biết ngần nào!

MỘT NIÊM THƠ CAO CẤP

CONXTANTIN XIMÔNỐP*

Ở bản thân dung mạo Hồ Chí Minh đã có điểm gì đó thơ mộng cổ hưu. Người vừa là lãnh tụ của nhân dân, đồng thời là nhà cách mạng quốc tế chủ nghĩa bất khuất, là nhà lý luận cũng lại là con người hành động, nhà chiến lược và sách lược của chiến tranh cách mạng, một con người có học vấn uyên bác, không chỉ biết nhiều thứ tiếng, mà còn viết các tác phẩm của mình bằng mấy thứ tiếng và đồng thời cộng tất cả mọi điều đó trong nhận thức của nhân dân Việt Nam, Người vẫn là "Bác Hồ", một con người thông minh, sống giản dị, gần gũi, thân thiết với tất cả mọi người Việt Nam dù họ là đồng niên với Người hay một thanh niên, một chị phụ nữ hoặc một cháu nhỏ.

Đồng chí Hồ Chí Minh thích tên gọi Bác Hồ. Cái tên gọi ấy không chỉ nói lên rằng Người được mọi người yêu mến, mà còn nói lên rằng Người dẽ

* Nhà văn Liên Xô.

hiểu đối với mọi người, rằng tâm hồn Người gần gũi với tâm hồn của họ, cũng như những nỗi đau buồn của Người gần gũi với những nỗi đau buồn của họ, những niềm vui của Người gần gũi với những niềm vui của họ, những hy vọng của Người gần gũi với những hy vọng của họ.

Khi người ta nói về một nhà hoạt động cách mạng vĩ đại như nói về một người bình thường, thì điều đó chứng tỏ là một lời khen. Nhìn bề ngoài dung mạo của đồng chí Hồ Chí Minh không có chút gì đặc trưng của một quân nhân, mặc dù Người đã phải lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân mình trong suốt mấy chục năm. Ở Người vừa có dáng vẻ một trí thức, vừa có dáng vẻ của một triết gia, người có tầm hiểu biết cao xa. Vào những năm cuối đời, Người giống như một ông già nông dân Việt Nam, một con người từ nhân dân mà ra cũng hết như những người khác chung quanh mình, song đó là ông già thông thái nhất, kiên nghị nhất, bất khuất nhất.

Khi đọc *Nhật ký trong tù* của đồng chí Hồ Chí Minh, bạn sẽ sững sốt không chỉ trước sự tự chủ của Người, sự điềm tĩnh của Người trước nguy hiểm, trước cái chết, mà bạn sẽ sững sốt trước cái điều là tất cả hiềm nguy, cái chết đó cộng lại cũng không giây phút nào có thể xóa bỏ trong Người tình yêu đối với cuộc sống, với thiên nhiên, với con người. Quả thật những vấn thơ như vậy trong các

hoàn cảnh như vậy, chỉ có ở con người kiên định về mặt đạo đức và hùng mạnh về tinh thần mới viết nên được.

Và một điều nữa: đọc các bài thơ này, bạn luôn luôn có cảm giác rằng không một chỗ nào đồng chí Hồ Chí Minh lại cố ý nhắc nhở đến nhân cách của Người, cũng như đến sự nghiệp cách mạng mà Người tiến hành. Tất nhiên ý thức về tất cả điều đó có đây, nhưng là một nhà thơ hướng những bài thơ của mình không chỉ cho mình, mà còn cho cả mọi người khác. Người không tách mình ra khỏi họ, khỏi những người khác. Đối với người đọc, Người chỉ là một trong rất nhiều người đấu tranh vì tự do và vì tự do đó mà phải chịu bất công của nhà tù, sự bất công của những điều thuộc tội giả dối, sự bất công của tất cả những gì diễn ra với người ấy. Người không thể tách rời điểm nào đó với bất cứ người chiến sĩ bình nhì nào của cách mạng.

Bên cạnh những bài thơ, những truyện ngắn và những bài văn đả kích cùng in trong tập sách này, về mặt thể loại cũng như tính cách bút pháp, cả một số các bài báo của Người là một trong những lời buộc tội mạnh mẽ nhất và dữ dội nhất trong sự trào lộng tuyệt vời của mình ném vào mặt chủ nghĩa thực dân những năm 20 thế kỷ XX. Tôi đã đọc một cách thích thú những bài văn đả kích này. Trong các bài văn đả kích ấy sôi sục một sức mạnh nồng nhiệt nào của tuổi trẻ, của sự liêm khiết, chính

trực, sự không khoan nhượng, của niềm tin tưởng vào sự đoàn kết giai cấp. Trong mỗi dòng chữ ở cuốn sách của đồng chí Hồ Chí Minh hồi trẻ, thấy rõ một niềm tin lớn lao vào ý nghĩa quốc tế của những tư tưởng Lênin, vào sức mạnh, sự bền vững của sự tác động của những tư tưởng ấy!

Đó mới là vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX, và cách biệt với Người, nhà cách mạng và cây bút chính luận trẻ tuổi ấy bây giờ còn hẳn hai chục năm sau mới tới cuộc khởi nghĩa toàn dân và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và hơn nửa thế kỷ nữa mới đến chiến thắng hoàn toàn của nhân dân Việt Nam và sự thống nhất nước Việt Nam.

Quả thật Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà chiến lược, nhà thực tiễn của phong trào cách mạng, mà còn là một nhà thơ, một nhà văn, ngay từ buổi đầu đời hoạt động của mình Người đã biết nhìn xa tới phía trước. Và trong sức mạnh niềm tin này của Người đã chứa đựng một niềm thơ cao cả, được thử thách qua thời gian.

NHÀ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG ĐI DÉP CAO SU

GIOÓCGIO SÁPPHA*

... Sáng ngày 16-9-1946, một chuyến xe lửa đặc biệt rời Pari đi Tulông chở theo vị lãnh tụ cộng sản đúng đầu Chính phủ Việt Nam. Đêm hôm trước, ông Hồ Chí Minh đã ký với Pháp bản Tạm ước 14-9 nhằm duy trì những mối quan hệ Pháp - Việt... Chủ tịch tuyên bố hài lòng về tiện nghi trong khoang chỉ huy của chiến hạm *Đuymông* *ĐuyẾcvin* (Dumont - d'Urville) mà hạm trưởng O.Nây đã dành riêng để đón tiếp Người. Nhưng Chủ tịch cũng tỏ ý không vui vì hạm trưởng phải rời sang chỗ khác. Chủ tịch nói, Người có thể ngủ ngon trong khoang thủy thủ, nếu không cần phải chấp hành nghi thức ngoại giao. Thật vậy, Cụ Hồ đã bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình như một thủy thủ bình thường. Cụ đã từng

* Nhà sử học Pháp.

biết thế nào là sự vất vả của chuyến đi biển. Và hôm nay có lẽ Cụ hóm hỉnh đánh giá nghi thức ngoại giao mà người ta đã tổ chức long trọng để đón tiếp Cụ, một người trước kia đã từng làm phụ bếp trên con tàu Amiran Latuso Tôrêvin của Pháp.

Buổi tối hôm đó, một cuộc chiêu đãi được tổ chức trong khoang chỉ huy của hạm trưởng, có Phó thủy sư đô đốc Lambe (Lambert), tướng Oócly (Orly), Quận trưởng Va, Quận phó quận Tulông và ông J. Xanhtony trên chiến hạm Đuymông Duyếcvin tới chào Chủ tịch¹. Ngậm ngùi nhất có lẽ là tướng Phoroátxa Boroátxia. Cho đến tận tháng 3-1945, Tướng quân hãy còn là Tổng tham mưu trưởng đội quân thuộc địa của Pháp ở Đông Dương, cơ đồ của Pháp đã bị sụp đổ và bây giờ Tướng quân lại phải nhận lệnh nghênh tiếp một nhà hoạt động cách mạng đi dép cao su mà chỉ cách đây 18 tháng, Sở mật thám Pháp ở Đông Dương hãy còn truy nã.

Rạng sáng ngày 18-9-1946, chiến hạm Đuymông Duyếcvin nhổ neo đi Việt Nam. Tuy đã là năm 1946, nhưng các lực lượng đồng minh chống phát xít hãy còn duy trì những quy định thời chiến, tuyến đường hàng hải đi Viễn Đông

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiêu sử*, Sđd, t. 3, tr. 331-332.

vẫn còn đặt dưới sự kiểm soát của hải quân Anh. Mỗi chặng dừng chân ở Manta, Xaít, Tørin Cônali, Côlambô, Xingapo, hạm trưởng O.Nây đều phải tuân theo các thủ tục của hải quân Anh. Điều đó làm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh ngạc nhiên: Nước Pháp không phải là một nước độc lập hay sao mà lại phải phục tùng những quy định của nước ngoài? Thiếu tá hải quân Xtorenli, phó của O.Nây, trình bày với Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là những quy định của các lực lượng đồng minh, Chủ tịch bèn yêu cầu kéo quốc kỳ Việt Nam lên chiếc thông báo hạm Duymông Duyêcvin, để cho những người Anh, những thực dân khác ở châu Á không thể không biết rằng chiếc tàu chiến Pháp này đang chở vị đứng đầu Nhà nước tự do của nước Việt Nam mới.

O.Nây phải điện về Pari xin chỉ thị. Pari trả lời đồng ý. Bằng mọi cách, người ta vội vàng may ngay trên tàu một lá cờ Việt Nam nền đỏ có ngôi Sao vàng. Hồi đó lá cờ này còn ít người biết, vì vậy đã làm cho quan chức các bến cảng của Anh bối rối, phải trao đổi một loạt điện, hỏi dồn dập:

Cờ nào thế? Có một vị nguyên thủ quốc gia ở trên tàu chăng? Có phải bắn chào theo nghi lễ ngoại giao không?

Thật ra Chủ tịch Hồ Chí Minh là một thượng khách không hay yêu sách. Vốn là nhà hoạt động cách mạng đã bôn ba nhiều nơi, có kinh nghiệm

của một thủy thủ, lại từng nhiều lần vào tù ra tội, nên Chủ tịch dễ thích nghi với hoàn cảnh trên tàu. Chủ tịch quan tâm đến tất cả, tìm hiểu từ bộ máy khởi động của con tàu đến cách tuyển mộ thủy binh, Chủ tịch vui vẻ hỏi chuyện mọi người và đề cập thảng thắn đến các vấn đề chính trị. Người luôn luôn giải thích cho những người cùng đi trên tàu rằng tương lai của Việt Nam là độc lập, nhưng vẫn giữ quan hệ hữu nghị với nước Pháp. Người Pháp không bị xua đuổi, trừ những kẻ tỏ ra là thực dân quá rõ. Chủ tịch Hồ Chí Minh biết phân biệt những người Pháp chân chính của nước Pháp...

MỘT MẪU MỤC VỀ SỰ GIẢN DỊ VÀ KHIÊM TỐN

GIÔN TÁCMAN*

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự nghiệp của Người, sự thành lập và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng Tháng Tám, những chiến thắng của nhân dân Việt Nam trong các cuộc kháng chiến, công cuộc xây dựng một xã hội và cuộc sống mới trong những điều kiện khó khăn không thể tưởng tượng nổi... tất cả những điều đó sẽ được ghi nhớ mãi mãi như những trang đẹp nhất trong lịch sử loài người.

Cho phép tôi được dành một vài phút để nhớ lại những kỷ niệm của cá nhân tôi về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xin cho phép tôi được nói lại những kỷ niệm hoàn toàn có tính chất cá nhân, bởi vì đối với tôi, Việt Nam có rất nhiều ý nghĩa và trong nhiều năm, Việt Nam nói lên được rất nhiều điều đối với nhân dân Thụy Điển chúng tôi. Tôi đã

* Bác sĩ Thụy Điển.

từng là một học sinh Đại học Y khoa ở Pari vào khoảng thời gian từ năm 1946 đến năm 1947, tức là vào thời kỳ mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến thứ nhất. Tôi đã được thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lễ đài danh dự ngày 14-7-1946 ở Pari. Các bạn Việt Nam của tôi, sau đó có nói rằng chung quanh Người lúc ấy chỉ có một số người bạn của Việt Nam, nhưng lại có quá nhiều kẻ thù, những thành viên của Chính phủ và quân đội đang âm mưu thiết lập lại thuộc địa của Pháp ở Việt Nam.

Lần đầu tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh là vào thời kỳ tôi đi thăm Việt Nam lần thứ nhất vào đầu năm 1958. Lúc ấy, tôi được Người mời đến cùng uống trà vào buổi sáng tại ngôi nhà nhỏ và rất giản dị của Người ngay bên cạnh Phủ Chủ tịch. Lúc ấy tôi định phỏng vấn Người để đăng báo. Nhưng cuối cùng chính Người đã phỏng vấn tôi trong 45 phút liền. Người muốn biết nhiều hơn nữa về phong trào công đoàn ở Thụy Điển. Cuối cùng, Người hỏi tôi rằng điều gì đã tạo ra những ấn tượng sâu sắc nhất cho các nhà văn nước ngoài về các tác phẩm văn học của các nhà văn Thụy Điển. Trước đó vài ngày, tôi đã có mặt ở sân bay khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Hà Nội sau cuộc đi thăm có tính chất Nhà nước ở Ấn Độ và Miến Điện. Người vừa bước xuống máy bay, lập tức các nhân vật trong Chính phủ, Đảng, Đoàn ngoại giao

đã vây quanh lấy Người. Chỉ vài phút sau, Người đã đến trước máy phóng thanh. Tôi chờ Người đọc một bài diễn văn, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh, như các bạn đều biết, có một sự quan tâm đến công việc sản xuất và đây cũng là điều mà Người thường hay nói đến trong các bài viết và diễn văn của mình. Người khoát tay mạnh và nói: "Nào, bây giờ các đồng chí có thể về để chuẩn bị công tác cho tốt". Đây là toàn diễn văn của Người. Mọi người cười vui vẻ và lập tức thi hành mệnh lệnh của Người.

Mùa xuân năm 1967, tôi tham gia Ủy ban Quốc tế gồm 5 người đi điều tra về các cuộc ném bom ở miền Bắc Việt Nam lúc ấy đang diễn ra một cách ô ạt trên khắp mọi nơi. Chúng tôi được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp. Khi chúng tôi đang lần lượt giới thiệu đoàn với Thủ tướng thì bất thình lình Chủ tịch Hồ Chí Minh có mặt. Tất cả chúng tôi, kể cả đồng chí Phạm Văn Đồng đều bị bất ngờ. Chủ tịch Hồ Chí Minh ở lại với chúng tôi liền một giờ. Người nói những chuyện hệ trọng trong chiến tranh, thỉnh thoảng Người lại nói đùa về sự được mùa của năm 1890 (một thành viên trong ủy ban của chúng tôi sinh cùng năm với Chủ tịch Hồ Chí Minh). Người pha trò về chiếc máy ghi âm tôi tàn mà một thành viên trong đoàn chúng tôi mang theo. Khi anh bạn tôi tìm cách ghi âm lại bức điện gửi nhân dân Mỹ thì mấy cục pin

bị tuột lăn lông lốc trên sàn nhà gây ra một tiếng động như tiếng pháo cao xạ. Chủ tịch Hồ Chí Minh không hề sốt ruột. Người theo dõi chúng tôi cố gắng lắp pin vào máy với sự chú ý và thích thú như một thanh niên rất trẻ.

Người ta đã nói nhiều rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực về sự giản dị và khiêm tốn. Người nói thẳng và dùng từ đơn giản trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các bài viết và trong các diễn văn chính thức. Người không bao giờ quên nguồn gốc xuất thân cũng như kinh nghiệm của Người đã từng là một người lao động bình thường. Người có những tư tưởng cao thượng và tầm nhìn xa trông rộng. Người không bao giờ quên những nỗi thống khổ mà nhân dân Việt Nam và các dân tộc khác đã phải trải qua dưới ách áp bức của chủ nghĩa thực dân và ách áp bức tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta hãy cùng nhau tưởng nhớ tới nhà cách mạng vĩ đại này bằng cách tăng cường hơn nữa cuộc đấu tranh trên phạm vi toàn thế giới vì độc lập dân tộc, hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

BA LẦN GẶP BÁC HỒ

M.GIULÁPXKI*

Tôi được gặp Hồ Chủ tịch lần đầu tiên đã khá lâu. Đó là vào năm 1946 tại Pari khi Người sang Pháp để đàm phán hòa bình. Trong những ngày ở đó, Người được Việt kiều Pháp đón tiếp rất long trọng. Ảnh của Bác được in hầu hết trên các báo xuất bản ở Pháp, nên khi Người bước vào phòng họp, tôi nhận ra ngay. Chỉ có một điều, trong thực tế, Người trông khác hẳn: vẫn cái dáng gầy, nhỏ nhắn với chòm râu thưa và bộ quân phục nhã nhặn, nhưng không một chiếc ảnh nào thu được cái ánh sáng long lanh của đôi mắt và lột tả nổi cái đẹp cân đối tuyệt vời của thân hình đó.

Tôi không còn nhớ được cặn kẽ diễn biến của cả hội nghị. Nhưng có một cảnh làm tôi nhớ mãi và rất rõ như vừa mới xảy ra hôm qua.

Một hôm các cháu thiếu nhi Việt Nam ở Pari tới thăm Hồ Chủ tịch. Một cô giáo trẻ người Việt Nam

* Nhà văn Ba Lan.

dẫn các cháu tới đó. Đây là lần đầu tiên tôi được may mắn nghe các bài hát Việt Nam. Các cháu thiếu nhi hát cho Bác Hồ, người đại diện cho cả Tổ quốc xa xôi nghe. Bác ngồi nghe rất cảm động. Có lẽ những tiếng đàn hát này đang làm Người sống lại thời thơ ấu của mình ở Kim Liên.

Hát xong, cô giáo định cho các cháu ra về vì sợ quấy phiền Bác. Song, Bác vui vẻ giữ cả lại. Người đặt tay lên đầu một cháu gái nhỏ nhất rồi hỏi:

- Thế các cháu có biết bài hát *Quốc ca* của Pháp không?

Tất cả đều đồng thanh trả lời: "Có ạ".

- Thế thì các cháu hát xem nào!

Những giọng hát thanh, nhỏ nhẹ của các cháu cùng một lúc ngân vang lên bài ca cách mạng mà từ lâu đã trở thành *Quốc ca* của Pháp. Bác khẽ gật đầu nheo đôi mắt lại. Một sự cảm động thật sự choán hết tâm hồn những người Pháp có mặt ở đây. Rất rõ ràng đây không phải là một cử chỉ ngoại giao của Bác. Chúng tôi ai cũng thấy đó là biểu hiện của một thiện chí hòa bình, một biểu hiện hùng hồn tình yêu của Bác dành cho những truyền thống đấu tranh vì tự do của Pháp, dành cho nước Pháp với cái nghĩa thực sự của nó.

Nhưng chính lúc bấy giờ trên khuôn mặt Bác đã thoáng hiện những điều lo lắng. May mắn sau Người rời Pháp. Ba tháng sau thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh mà nhân dân Pháp gọi là "Cuộc chiến tranh bẩn thỉu".

Lần thứ hai, tôi may mắn được gặp Bác vào tám năm sau, mùa thu năm 1954. Chính xác hơn là hai ngày sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam tiến vào Hà Nội. Tôi có mặt ở Việt Nam lúc bấy giờ cùng mấy nhà báo châu Âu khác nữa. Đang viết dở bài phóng sự về những ngày đầu giải phóng Thủ đô thì các bạn Việt Nam đưa cho tôi một tờ giấy mời tới gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc bấy giờ đang ở Sơn Tây.

Chúng tôi được dẫn tới một căn nhà lợp rạ, tường quét vôi trắng. Một chiếc bàn nhỏ, giản đơn kê giữa phòng và trên đó là những chiếc cốc thủy tinh dày màu xám. Ngồi xuống ghế, chúng tôi chưa kịp nhấm một ngụm nước thì chiếc rèm che cửa vào phòng bên làm bỗng vải dù khẽ mở và có tiếng chào bằng tiếng Nga. Chúng tôi quay lại, Bác Hồ!

Bác vẫn giản dị, gân guốc hệt như tám năm về trước. Người mặc chiếc áo sơ mi đen mỏng, song tôi bỗng cảm thấy Bác đẹp, trẻ hơn và tất nhiên là vui hơn trước. Tôi nói với Người điều đó không một chút ngần ngại. Bác cười: Ai cũng bảo vậy cả. Cuộc sống giữa rừng sâu và trước hết là chiến thắng đã làm tôi rất sung sướng.

Người ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không cần thiết phiên dịch rồi nghe phóng viên báo *Sự thật* nói, thỉnh thoảng Bác trả lời bằng tiếng Nga. Sau đó, Người nói chuyện bằng tiếng Italia với phóng viên báo *Công nhân*. Có lẽ đọc được sự ngạc nhiên của chúng tôi, Bác cười vui vẻ:

- Cả nhà báo nước ngoài - Người nói bằng tiếng Pháp - thường hay kể những chuyện phóng đại về tôi. Nhưng cũng có những chuyện đúng. Khi còn trẻ quả thật tôi có làm bồi bếp trên tàu, có đến Mỹ, Anh, Đức. Tôi cũng đã từng sống ở Pari và bắt đầu hoạt động cách mạng cùng các đồng chí Pháp. Nhiều lần tôi qua Liên Xô, Trung Quốc. Ở đâu tôi cũng được công nhân dạy tiếng nước họ. Tôi sống cùng với công nhân ở Italia rồi cả ở châu Mỹ nữa...

Lần thứ ba tôi được gặp Người. Sự việc xảy ra như sau:

Nhân dân Thủ đô bắt đầu bàn tán nhiều về việc đón tiếp trọng thể Bác từ Sơn Tây trở về. Ủy ban Quân sự tạm thời triệu tập đại biểu các đoàn thể chuyển lời chúc mừng của Bác tới mọi người. Cuộc họp diễn ra ở ngôi nhà cạnh tòa công sứ. Tôi với danh nghĩa một nhà báo nước ngoài cũng được mời tới dự. Đầu tiên, Ủy ban kêu gọi mọi người làm theo nguyện vọng của Bác là không nên tổ chức gì cả. Bác không muốn tốn kém vì những điều chưa cần thiết và làm mất thời gian của mọi người. Nhưng chưa một ai chịu nghe. - Thế là thế nào? Tám năm trời chúng tôi chỉ đợi tới giờ phút này, khi Bác - người tượng trưng cho độc lập, thống nhất Tổ quốc - trở về để đón. Vậy mà bây giờ lại phải từ bỏ nguyện vọng đó ư?

Cuộc tranh luận kéo dài tưởng không bao giờ chấm dứt. Cuối cùng, đại diện Ủy ban dành đưa ra dự định.

- Hiện nay bên tòa công sứ, các bộ trưởng đang họp, các đồng chí có muốn gặp Bác không?

Tất nhiên là ai cũng muốn. Chúng tôi kéo nhau sang đó và bước vào phòng tiếp khách. Chỉ mới kịp ngồi xuống, Bác đã bước vào không một ai được báo trước. Một phút bất ngờ, ngạc nhiên và im lặng. Rồi tất cả reo âm lên...

Sau đó, Người nói nhiều về tình cảm của nhân dân đã dành cho bộ đội và cách mạng. Người muốn trở về Hà Nội không cần một nghi thức nào để đỡ tốn kém. Trong lúc đất nước đang còn gặp nhiều khó khăn, cần phải sống giản đơn như mọi người. Bác kéo cháu bé tặng hoa vào lòng rồi ngồi nép lại nhường chỗ cho cháu. Bác nhỏ nhắn đến nỗi cả hai bác cháu ngồi vào một chiếc ghế hành mà vẫn rất vừa. Hồ Chủ tịch luôn có một tình cảm đặc biệt đối với thiếu nhi. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo kể cho tôi nghe rằng ngày 19-12-1946 khi đại bác bắt đầu gầm lên ở Hà Nội, lời đầu tiên của Bác là:

- Các chú đã kịp cho tất cả các cháu thiếu nhi đi tản cư chưa?

Đấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người như vậy!

NHỮNG NÉT CAO THƯỢNG

OÓCTENXIA BUXI ĐÊ AGIENDÊ*

Niềm kính trọng của nhân dân thế giới tưởng nhớ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu hiện một cách sinh động bằng cuộc đời và sự nghiệp của Người tiếp tục là tấm gương vĩ đại cho tất cả những ai đang đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng khỏi ách của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, của chủ nghĩa đế quốc, những kẻ hiện đang gây ra những tội ác cho loài người. Với tư cách là một nhà hoạt động chính trị, nhà chiến lược, người lãnh đạo và nhà ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là một tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng, lòng yêu mến nhân dân và niềm tin vào vận mệnh của những người lao động.

Trong dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại, người dẫn dắt nhân dân Việt Nam đi những bước quyết định trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, hình ảnh của Người lại vươn cao hơn bao giờ hết với những nét cao thượng bất diệt.

* Vợ cố Tổng thống Chilê.

ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

B. PANKIN*

Trước khi lên đường về nước, chúng tôi được gặp đồng chí Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ mà toàn thể nhân dân Việt Nam, từ trẻ đến già, đều gọi một cách kính yêu và trìu mến là Bác Hồ. Cùng tiếp chúng tôi có đồng chí Phạm Văn Đồng, Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một trong những người bạn chiến đấu của đồng chí Hồ Chí Minh.

Cuộc gặp gỡ diễn ra tại căn nhà nhỏ của đồng chí Hồ Chí Minh, ở cạnh Phủ Chủ tịch.

Được chứng kiến đồng chí Hồ Chí Minh trong cuộc sống đời thường như vậy mới hiểu được vì sao nhân dân Việt Nam lại gọi đồng chí là Bác Hồ, đồng chí mặc quần áo vải, cổ quần khăn quàng. Trên bàn, cạnh tờ báo, còn có một bao kính và một hộp đựng thuốc lá màu đỏ.

Với vẻ ngoài rất già đình áy, với nụ cười hiền hậu và những cái hôn, Bác Hồ đã khiến chúng tôi

* Nhà báo Liên Xô.

hiểu rằng chúng tôi không phải đang dự một buổi tiếp khách trí thức. Đây chỉ là một buổi nói chuyện thân mật của hai nhà cách mạng lão thành với những đồng chí trẻ tuổi đại diện cho thanh niên Liên Xô, lớp thanh niên mà ngay từ khi mới quen biết lần đầu vào những năm 20 thế kỷ XX xa xôi, đồng chí Hồ Chí Minh đã chú ý đặc biệt.

Bác Hồ mở đầu câu chuyện bằng cách kể lại thời kỳ xa xôi ấy. Và gần cuối buổi nói chuyện, đồng chí đưa cho chúng tôi xem tấm ảnh mà hiện nay cả thế giới đều biết: Ảnh chụp một cô gái Việt Nam nhỏ bé giải một tên giặc Mỹ lái máy bay cao to. Đồng chí nói:

- Thỉnh thoảng có những khách nước ngoài hỏi: Việt Nam là một nước không lớn lắm và còn nghèo, vậy nhở đâu mà Việt Nam có được sức mạnh để chiến đấu chống đế quốc Mỹ? Khi nghe câu hỏi ấy, tôi đưa tấm ảnh này ra mà không cần phải nói thêm câu nào.

Chúng tôi cảm thấy rằng, qua những hồi ức của mình về nước Nga Xôviết, đồng chí Hồ Chí Minh đã giúp chúng tôi hiểu rõ nhiều mặt trong cuộc sống của nhân dân Việt Nam hiện đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và đang đấu tranh để thống nhất Tổ quốc.

Đồng chí hỏi:

- Bấy giờ, tôi thường gặp thanh niên, gặp các đoàn viên thanh niên cộng sản, đến các nhà máy,

dự các cuộc họp dù rằng khi ấy tôi đã quá tuổi thanh niên. Đó là thời kỳ nước các đồng chí đang ở trong một giai đoạn khó khăn - Im lặng một lát, đồng chí Hồ Chí Minh nói thêm - Cũng như ở nước Việt Nam chúng tôi bây giờ.

Đồng chí Hồ Chí Minh kể tiếp:

- Khi tôi sang nước các đồng chí ba năm, sau năm 1927, thì đã thấy có nhiều sự đổi thay. Kinh tế gần như được phục hồi. Các đồng chí đã đủ ăn đủ tiêu. Trong các cửa hiệu có nhiều hàng hóa hơn. Trên đường phố có thể trông thấy những chiếc ô tô do các đồng chí chế tạo. Mọi người ăn mặc tốt hơn rất nhiều...

Dường như để kết thúc phần đầu câu chuyện, đồng chí Hồ Chí Minh nói: "Đất nước bao giờ cũng phục hồi và phát triển nhanh chóng, khi nhân dân được làm chủ vận mệnh của mình".

Chúng tôi được biết Bác Hồ không những là người sáng lập Đảng, mà còn là một trong số những người hoạt động cao tuổi nhất trong phong trào thanh niên cộng sản. Đồng chí kể cho tôi nghe tổ chức Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng được thành lập trong những điều kiện bí mật ở Việt Nam như thế nào. Đồng chí nói:

- Những điều kiện hoạt động của chúng tôi khó khăn và nguy hiểm. Bởi vậy, để đào tạo cán bộ nòng cốt, chúng tôi phải gửi những người ưu tú nhất của chúng tôi ra nước ngoài, trong đó có Liên Xô.

Bấy giờ chúng tôi đã gửi đi 10 người để đào tạo thành những chiến sĩ cách mạng chân chính. Bây giờ chúng tôi có hàng vạn chiến sĩ cách mạng như vậy. Tôi vui mừng khi được biết các đồng chí đã có dịp làm quen với nhiều người trong số những chiến sĩ cách mạng đó.

MỤC LỤC

Trang

<i>Lời nhà xuất bản</i>	5
Phần I: Những năm tháng hoạt động của Bác Hồ ở nước ngoài	
- Quyết chí ra đi	7
- Chuyện lạ ở nước Pháp	14
- Một năm ở Mỹ	17
- Những bức thư đầu tiên gửi thân phụ	21
- Không phải tại trời	26
- Chuyện mệt thám theo dõi Nguyễn Ái Quốc	28
- Theo dấu chân Bác	40
- Ngày giỗ mẹ	44
- Cái mà tôi cần nhất trên đời...	47
- Tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản	49
- Người sáng lập Đảng	53
- Tôi là người cộng sản như thế này này!	62
- Bị bắt ở Hương Cảng	67
- Tấm thẻ 154	84
- Ở Quế Lâm năm xưa	86
- Thầy cúng cách mạng	89
- Dốt mà hay	92
- Tổ quốc ta đây rồi!	94

Phân II: Bác hồ với chiến sĩ	99
- Bát cháo chia ba	99
- Chú còn trẻ, chú vào hầm trú ẩn trước đì	102
- Chú sang xông nhà cho Bác	104
- Nước nóng, nước nguội	106
- Lòng độ lượng của Người	108
- Ta cùng đi cho vui	112
- Nhường áo sẻ cơm	114
- Đêm đó, chúng tôi làm Bác mất ngủ	116
- Phải chăm chỉ học tập	119
- Chiếc áo trấn thủ Bác cho	121
- Chú ra xem bộ đội có bị ướt không?	124
- Bác chữa bệnh cho tôi	126
- Chú là Hiểu mà lính của chú ít hiểu	131
- Măng mai cũng phải có người trông	134
- Cùng Bác qua suối	137
Phân III: Bác Hồ với thiếu nhi	139
- Cuộc gặp bất ngờ	139
- Chuyện của gia đình tôi	141
- Niềm vui bất ngờ	143
- Chủ tịch Hồ Chí Minh - sứ giả của tình hữu nghị	146
- Quả táo của Bác Hồ	147
- Cúng Hồ biết thuốc giỏi lắm!	149
- Bác chỉ muốn các cháu được học hành	152
- Cái vòng bạc	155
- Hồ Chí Minh với thiếu nhi Đức	158
- Bác tặng cháu bé một bông hồng	160
- Tất cả cho các cháu	162
- Đừng để các cháu chơi ngoài đường	164
- Chiếc bánh caramen	165

- Thăm trại trẻ mồ côi	166
- Có phải cháu là Hiếu không?	168
- Bác Hồ đến với các cháu mồ côi ở trại Kim Đồng	171
Phần IV: Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mắt bạn bè quốc tế	177
- Nguyện vọng tha thiết nhất	177
- Chống lại những lực lượng quân phiệt lớn nhất trong mọi thời đại	179
- Tình yêu thật sự	180
- Tư tưởng của Bác Hồ đã trở thành bất diệt	181
- Mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Nhật Bản	184
- Không có gì quý hơn độc lập, tự do	185
- Ngày kỷ niệm không chỉ của nhân dân Việt Nam	186
- Chọn tên Chủ tịch Hồ Chí Minh	191
- Những suy nghĩ về châu Phi	192
- Nghĩ đến Việt Nam, nghĩ đến Bác Hồ	194
- Một niềm thơ cao cả	199
- Nhà hoạt động cách mạng đi dép cao su	203
- Một mẫu mực về sự giản dị và khiêm tốn	207
- Ba lần gặp Bác Hồ	211
- Những nét cao thượng	216
- Được gặp Bác Hồ	217

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
NGUYỄN ANH VŨ

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. LƯU TRẦN LUÂN

Biên tập nội dung:	TRIỆU THỊ LŨ NGUYỄN PHƯƠNG THÙỲ
Trình bày bìa:	DƯƠNG THÁI SƠN
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN PHƯƠNG THÙỲ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT, 12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

THS. NGUYỄN ANH MINH

(SƯU TÁM VÀ TUYỂN CHỌN)

- CHUYỆN KẾ VÀ NHỮNG BỨC THƯ
BÁC HỒ GỬI THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG

NGÔ QUÂN LẬP

(SƯU TÁM, BIÊN SOẠN)

- BÁC HỒ VỚI NHỮNG MÙA XUÂN
KHÁNG CHIẾN

ĐỖ HOÀNG LINH

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

VŨ KIM YẾN

(SƯU TÁM VÀ BIÊN SOẠN)

- Ở BÊN BÁC HỒ (Tập 1 và 2)



8935211176553

ISBN 978-604-57-0737-3



9 786045 707371

SÁCH KHÔNG BẢN